



TÁC - GIẢ

LINH - MỤC ĐẶNG - CHÍNH - TẾ

Hà-Nam (Quảng-Nha)

# GIA - ĐẠO

## Truyền - Thông - Bảo

*(Kiêm nội - ngoại khoa các bệnh)*

Tác-giả xuất-bản và giữ bản quyền

IN LẦN THỨ HAI

1952









# SÁCH THUỐC KINH NGHIỆM

---

---

GIA ĐẠO

# TRUYỀN-THÔNG-BẢO

(Kiêm nội ngoại khoa các bệnh)

Của **Linh Mục Đặng - Chính - Tế**  
**HÀ - NAM Q. NHA**

IN LẦN THỨ HAI

**1952**

---

== TÁC GIẢ XUẤT BẢN VÀ GIỮ BẢN QUYỀN ==

4001

*Handwritten signature or mark in blue ink.*

## TỰA

Pho sách này đã xuất bản in lần thứ nhất năm 1936, đã bán hết ngay, nay theo ý muốn của nhiều độc giả hỏi mua, nên đã soạn lại những bài đã dùng kiến hiệu mục kích trong pho sách ấy.

Lại góp thêm được nhiều bài mới của các vị Linh Mục và nhiều Danh Y đã kinh nghiệm dùng có kết quả mỹ mãn, thì cũng được soạn kỹ càng và xếp đặt có thứ tự đề tiện dùng, nay đem tái bản hiến chư quý vị.

Pho sách này có giá trị đặc biệt:

1.) Là vì có đủ mọi môn nội ngoại khoa, mọi bệnh loài người và lục súc, nhất là mục bệnh Phụ-nữ, và mục chữa bệnh Tiểu-nhi, có cả hình vẽ, xem hồ-khẩu và quan hình sát sắc.

2.) Sách này có giá trị, vì có đủ nhiều bài thuốc viên, thuốc chén, thuốc nam, thuốc mường và chữa mẹo đỡ lộn tiền.

3.) Sách này có giá trị, vì có nhiều bài chữa mọi thứ bệnh, tùy tính hàn, nhiệt và tùy vận khí từng năm, bài này không thích hợp năm này, thì đã có bài khác; bài này khó tìm vị, thì đã sẵn bài dễ tìm vị, đề mà lựa chọn, tiện bề tra cứu.

4.) Sách này có giá trị vì cuối sách có Vân Niên Cổ Hàn so sánh năm Dương Lịch với năm Can Chi (Âm Lịch) biết đề dễ gia giảm vị thuốc tùy năm, thì thuốc mới hiệu nghiệm.

Lại có bản đồ nhị thập tứ tiết, 24 phần năm, phân ra từ thì; bát tiết, nghề làm thuốc cần biết.

Lại có bản đồ chỉ những ngày con nước, biết để làm ăn.

Lại có bản đồ chỉ những ngày giông tố, biết để tránh nạn.

5.) Sách có giá trị vì có diễn giải phân minh 309 vị thuốc Nam, tinh được cần dùng trong pho sách này và các sách thuốc khác, xếp thứ tự theo vần A. B. C.

Thật đã giầy công phu sưu tầm, nên ngày nay mới có quyền sách thuốc quý báu này.

6.) Sách thuốc này có giá trị, vì có nhiều Linh Mục các nơi và nhiều Danh Y đã góp sức kinh nghiệm giúp bài đã dùng công hiệu vào sách này, như Linh Mục Đặng-chinh-Tế, Linh Mục Nguyễn-thứy-Hiến, cha Ngôn, cha Tịnh, cha Bích và cha Q. cha P. cha B. và các Danh Y như ông Trương-đắc-Bằng, ông Nguyễn-đức-Văn, ông Trương-đình-Hựu, ông Nguyễn-văn-Biến, ông Nguyễn-chí-Đạo, ông Nguyễn-văn-Kỳ, ông Giáo thụ Ích, ông Nguyễn-mạnh-Bồng, ông Đặng-văn-Thước và nhiều Danh Y khác

Nay kính tựa

và giữ bản quyền

Linh Mục c Hà-Nam Q.N. Đặng-chinh-Tế





# Mục thuốc viên chữa mọi bệnh.

## 1. — Thuốc Gió Đen.

*Chuyên trị các chứng sốt, nóng, ho, sang nhiệt.*

### BÀI THUỐC

Điều thảo : 5 đồng	Kết cánh : 5 đồng
Nhũ-hương : 2 «	Một dược : 2 «
Lá dứa : 5 «	(đốt ra than).

Các vị tán mịn viên như hạt đậu đen, kinh giới, gừng, bắc, câu đằng, sắc làm thang.

## 2. — Thuốc Gió Trắng.

### BÀI THUỐC

Long não : 5 đồng	Địa liêu : 5 đồng
Phèn phi : 2 lượng	Gừng già : 5 «
Hồ tiêu : 5 viên	

Các vị tán riêng, lúc nấu bỏ long-não vào đĩa lấy bát úp lên trên rồi trát kín kỹ, để nồi rang đun cháy hết lửa bốc là được; để lá Dâu trên bát, hễ lá Dâu khô, thì lấy thuốc ra, lấy thuốc bám trên bát pha vào các vị kia, cùng tán mịn hồ viên như hạt ngô, tùy chứng làm thang :

1.) Tả nhiệt là cứ rặn phè phè, bốn gan bàn chân tay nóng, thì uống với bột sắn hay nước mưa.

2.) Tả hàn là đi ồng ồng, bốn gan bàn chân tay lạnh, uống gừng, rượu, ớt.

3.) Đi rửa, hương nhu sắc, hay nước vò rau má làm hang.

4.) Rức đầu, ngải-cứu sao làm thang, ngoài lấy ngải tươi giã ra sao với rượu bóp trán và thái-dương.

5.) Sốt nóng, bắc đốt, hòa nước làm thang.

6.) Kinh nguyệt không đều, lá nón hay áo toi đốt ra than hòa nước trong gạo làm thang.



7.) Có thai mà không ăn được, cũng thang như thế.

### 3. — Thuốc Gió Trừ.

*Trừ phong, uế khí, đi tả, đau bụng.*

#### BÀI THUỐC

Quế thanh :	3 lạng	Tế tân :	3 lạng
Bạch đàn :	3 « (ngâm nước gạo vỏ)	Thần sa :	1 «
Địa liền :	3 «	Bạch-linh :	5 « (bỏ vỏ)
Hồng hoa :	2 «	Chỉ xác :	5 «
			(bỏ ruột sao)
Khương-hoạt :	2 «	Nhũ-hương :	5 «
Phóng-phong :	2 «	Một-dược :	5 «
Hậu-phái :	3 « (bỏ vỏ gừng sao)	Xương-hùm :	5 «
Xuyên-khung :	2 «	Lá đài-bi :	5 « (sao)
Xương-bồ :	1 « (bỏ lông)		

Các vị tán viên như hạt ngô, thần sa làm áo, vừa uống vừa hòa rượu xoa.

### 4. — Thuốc Cứu Khí.

*Chuyên trị đi tả.*

#### BÀI THUỐC

Xạ-hương :	2 đồng	Cam-thảo :	1 lạng
Nhũ-hương :	1 lạng	Đinh-hương :	5 đồng
Một-dược :	1 «	Hương-phụ :	5 «
			(đồng tiện chế sao)
Huyền-hồ :	1 « (giảm tầm thái)	Trầm-hương :	5 «

Các vị tán viên như hạt vừng, mỗi liều 1, 2 viên. Đi tả những nước, lấy cả cây má-đề đâm nhỏ, đổ một bát nước vào gạn lấy nước trong, thêm 1 đồng cân mật vào mà uống.

### 5. — Thuốc Tam-Hoàng

*Chuyên trị đầy bụng, ăn không tiêu, đi tả, đau dạ.*

#### BÀI THUỐC

Hoàng nàn : 4 lạng (bỏ vỏ to ở ngoài đi ngâm nước gạo 1 đêm).



Hùng-hoàng : 1 lạng rưỡi (một nửa làm thuốc, một nửa làm áo).

Hoàng-lục : 1 lạng.

Các vị tán viên từa hạt đậu đen, mỗi liều 7, 8 viên tùy chứng dụng thang :

1.) Đau bụng, gừng làm thang.

2.) Đau dạ, nước cơm, sinh khương làm thang.

3.) Thổ tả, hoắc-hương, trần-bì, gừng sống, gạo nếp sao vàng hạ thổ làm thang.

## 6. — Thuốc Hoá-Phong

Song-truật : 1 lạng (nước gạo tầm sao)

Khương-hoạt : 5 đồng

Đại-hoàng : 1 lạng (rượu tầm)      Đới-hoạt : 5 đồng

Hạt gấu : 1 « (bỏ vỏ sao)      Củ địa-liên : 5 «

Phòng-phong : 5 đồng      Quế chi : 5 «

Tế-lân : 5 « (rửa sạch đất)      Bạch-chỉ : 5 «

Cam-thảo : 5 «      Bạch-đàn : 5 «

Hùng-hoàng : 5 «      Nhũ-hương : 5 «

Thần-sa : 5 «      Một-dược : 5 «

Phong-khương : 5 «      Xương-bồ : 5 «

Xuyên-khung : 5 « (vị sao)      Hoàng-dơn : 1 l. (làm áo)

Mu Ba-ba      1 cái tầm giấm thanh, cạo sạch, sao vàng.

Các vị tán mặt viên tròn hay vuông, tùy bệnh dụng thang.

1.) Rức đầu, nóng mình trầu-không mài nước lã làm thang

2.) Trúng phong cấp cứu, lá nón đốt ra than hoà nước lã mài thuốc uống.

3.) Ho đờm suyễn, xương-sông, chu-me hấp cơm làm thang.

4.) Đau bụng, đi ngoài, gừng, búp ổi làm thang.

5.) Sốt rét, hành, tử-tô sắc làm thang.

6.) Các chứng đều lấy hoắc-hương, trần bì, gừng sao sắc uống, nếu thổ, gia đất vách, khát, gia trầu-không.

## 7.— Thuốc Trần Hương giáng khí

### BÀI THUỐC

Vỏ rấm : 1 lạng      Trần hương : 5 đồng

Hoàng đàn : 2 lạng (tầm nước gạo 3 ngày cạo vỏ sao)

Bắc mộc hương : 2 lạng      Sá nhân : 5 đồng      s



Đinh hương :	1 lượng	Vỏ rứt :	1 đồng (ngâm nước gạo, cạo vỏ sao)
Cánh hồi :	1 »		
Quế chi :	1 »	Vỏ sung :	1 lượng (sao)
Binh lang :	5 đồng	Vỏ ruối :	1 » (sao)
Gừng sống :	1 »	Vỏ vối :	1 » (sao)
Hương phụ :	5 » (tứ chế)	Vỏ vừng :	1 » (sao)
Hoắc hương :	1 lượng (sao)	Bã nâu :	5 đồng (sao)
Lá ổi tàu :	1 lượng (sao)	Hạt vải :	5 đồng (sao)
Lá khỗ sâm :	5 đồng (sao)	Lá ba bét :	5 » (sao)
Lá chân chim :	1 lượng (sao)	Lá đơn đỏ :	5 » (sao)
Lá trắc bách diệp :	5 đồng (sao)	Rễ cỏ gianh :	5 » (sao)

Các vị tán viên tùy bệnh dùng thang :

1.) Chữa ngã nước, lá sung rụng dưới ao, xò rau muống sao sắc đặc làm thang.

2.) Kiết lý, búp phèn đen nhai với nước nóng, trẻ con thì nước chè tàu làm thang.

3.) Trẻ con cam, Hoạt thạch tán nhỏ ra pha với thuốc, rồi kinh giới vò ra chồ lở mà bôi.

### 8.— Thuốc Âm-dương

*Chuyên trị bách bệnh già trẻ, đàn bà có thai cấm uống.*

Đỗ xanh :	12 chén tổng dãi vỏ lược chín
Đỗ xanh :	1½ chén tổng dãi vỏ dề sống
Nhũ hương :	5 đồng
Hồ tiêu :	2 đồng
Một dược :	5 đồng

Các vị tán mịn viên như hạt đậu đen. Các chứng cấp cứu được cả, nhất là bệnh dịch tả khởi liền. Thang nửa nước nóng, nửa nước lạnh pha uống.

### 9 — Thuốc trừ ôn-dịch.

*Chuyên trị cảm mạo, thương hàn, không nóng đã truyền kinh dương bệnh nọ quay ra bệnh khác, người lớn mỗi liều 1 viên, trẻ con nửa viên, nước mát làm thang, ra được mồ hôi là khỏi, nặng thì hai bận uống, lúc chưa ra mồ hôi, không được uống nước nóng, vật gì nóng.*



BÀI THUỐC :

Qua nhi :	1 lượng 2 đồng	Cam-thảo :	8 phân
Càn khương :	1 » 2 »	Sinh địa hoàng :	2 lượng
Ma-hoàng :	1 » 2 »	Hùng-hoàng :	8 « (phi)
Thiên ma :	1 » 2 »	Chu sa :	8 « (phi qua)
Tùng-lai trà :	1 » 2 »	Nhục đậu khấu :	1 lượng 2 đồng

Các vị tán mịn, luyện mịn làm viên như viên đạn lớn, thu khí để lọ kín, chớ để hở hơi.

**10 — Thuốc Trúng**

*Chuyên trị các thứ cảm trúng.*

BÀI THUỐC

Cam-thảo :	1 lượng	Thần sa	1 lượng
------------	---------	---------	---------

Lá ké ươm : 2 lượng, bỏ sống già kỹ, rồi tán cam thảo thần sa luyện lẫn làm viên. Thang bằng hương phụ hay là c nấu.

**11 — Thuốc Phèn Đen**

*Chuyên trị đàn bà đờm trệ kinh, nguyệt không đều đau-bụng tích hòn, phù sưng, ăn uống, không tiêu, cả đàn ông những bệnh ấy cũng khỏi.*

BÀI THUỐC

Hắc phèn (phèn đen)	1 » lượng 5 đồng .	Riêm-tiêu :	3 đồng
Hồ tiêu	3 » đồng		

Các vị tán viên như hạt ngô, mỗi liều 10 viên.

**12. — Thuốc Bỏ-Đề**

*Chuyên trị mùa hè mùa thu, trúng thử (trúng nắng) nôn ngược, lỵ mọi chứng, nhẹ uống 1 lần, nặng uống 2 lần là khỏi.*

BÀI THUỐC

Trần bì :	1 lượng 4 đồng (bỏ xơ, sao)	Sa nhân :	3 lượng
Hậu-phác :	1 « 4 » (gừng sao)	Hoắc-hương	5 đ
Thương-truật	1 « 4 « (nước gạo sao)	Sơn-tra	3 l. (bỏ ruột)

Bán-hạ	1 lượng 4 đồng	(nước gừng trộn sao)		
Hương-phụ	1 « 4 «	(nước tiêu tầm sao)		
Thần-khúc	3 «	(nướng)	Cam-thảo	5 đ.
Sài-hồ	1 « 4 «		Mạch-nha	3 l. (sao)
Hoàng-cầm	1 « 4 «	(rượu sao)	Chi-xác	1 « 4 (cám sao)

Các vị tán mịn, dùng lá bạc-hà sắc lấy nước trộn với thuốc phơi khô luyện viên như hòn đạn, mỗi bận uống một đồng tùy bệnh dùng thang :

- 1.) Cảm mạo, ôn dịch thời khí rức đầu, đau xương, ho hen đờm xuyên, dùng gừng sống 3 nhát, hành 2 củ sắc thang.
- 2.) Đi tả lâu, dùng nước gạo nếp làm thang.
- 3.) Trúng thử (ngã năng) : Hương-nhu sắc làm thang.
- 4.) Ly trắng đỏ : Sa-tiền-tử sắc làm thang.
- 5.) Tiết tả, gừng, nước chè làm thang.
- 6.) Tả ra nước, tiêu-tiện chẳng thông, miệng khát, búp lá tre 10 cái, bắc đèn 15 cái sắc làm thang.
- 7.) Sốt rét, nước lã nóng, gia nước gừng đều uống.
- 8.) Sốt rét lâu, mình mẩy yếu nhược, nhân sâm sắc thang.
- 9.) Hắc loạn thổ tả: Hồ-tiên 7 hạt, đậu xanh 40 hạt sắc thang.
- 10.) Đau tim đau dạ dày, Bình-lang sắc thang.
- 11.) Da mặt vàng như nghệ, nhân trần sắc thang.
- 12.) Lam sơn trướng khí, bất phục thủy thổ, no cách ăn chẳng tiêu, các chứng đều dùng nước chè, hoặc nước lã làm thang. Cấm kỵ đàn bà có thai dùng thuốc này.

### 13— Thuốc Thiên Kim

Chuyên trị già trẻ trúng phong, trúng hàn, trúng thử, miệng mất méo x ch, hàm răng cắn chặt, bất tỉnh nhân sự, cả hắc loạn, thổ tả, bụng đau chuyễn gân, thương thực, đờm tích ở dạ dày, bụng cách đầy buồn, chẳng rờ ấn uống, hoặc đi ra không hợp thủy thổ, lòng bụng đau đờn, ác khí vào tạng, đi tả, hoặc từ thời cảm mạo, sốt rét thương hàn, rức đầu phát nóng, khắp mình đau đờn, ghê rét không có mồ hôi, miệng háy ợ chua, đi ly trắng, sản hậu hỗn mê, khí ác lộ ra không biết. Trẻ con chứng cấp màn kinh phong; các bệnh đều dùng nước gừng hòa uống, người lớn 1, 2 viên, trẻ con nửa viên chưa khỏi, thì uống lấy khỏi.

Đàn bà có thai cấm kỵ chớ dùng.



BÀI THUỐC

Ô dược	1 lượng	5 đồng	Sa-nhân	1 lượng	5 đồng (sao)
Phòng phong	1 »	5 »	Hậu phác	1 »	5 « (gừng tằm sao)
Khương hoạt	1 »	5 »	Hậu phác	1 »	5 « (tằm rượu)
Tiền hồ	1 »	5 »	Thần khúc	1 »	5 « (nướng)
Xuyên khung	1 »	5 » (rửa	Chỉ xác bột	0 »	7 » 5 phân
		rượu)			
Bạch chỉ	1 »	5 »	Cam thảo chích	0	7 » 5 phân
Bán hạ	1 »	5 » (nước			
		gừng tằm chế)			
Thảo quàn nhân	0 »	5 »	Xích phục linh	1 »	5 »
Trần bì	1 »	5 » (bỏ	Bạch đậu khấu	1 lượng	
		sơ sao)			
Xích phục linh	1 »	5 »			

Các vị tán nhỏ dùng thần khúc thực tốt 12 lượng nghiền nhỏ, lấy nước gừng sống nhào thành hồ làm viên, mỗi viên 1 đồng 2 phân, lấy chu sa phi khô làm áo, phơi gió cho khô, nút kỹ mà dùng.

14 — Thuốc thần tiên phú ích

Chuyên trị đàn bà bách bệnh về sinh dục, trước có thai, và sau khi đẻ đều uống được, thuốc chẳng quý mà công hiệu, đáng nên thường uống.

BÀI THUỐC

Hương phụ 8 lượng tằm đồng tiện thẩu rửa sạch, phơi sương một đêm, tằm rượu lại phơi như thế ba lần.

Ích-mẫu	6 lượng	rửa dấm	thanh già nhỏ
Hương-phụ	2 «	(tứ chế)	
Ngải-diệp	1 «		

Các vị tán mịn, đun nước gia thêm dấm làm viên 10 luyện, viên như hạt đậu tằm mỗi bận uống 10 viên

15.— Thuốc trừ-kinh và bách bệnh (tiểu-nhi)

BÀI THUỐC

Mộc-hương	Một-dược	Hùng-hoàng
Trầm-hương	Thần-sa	Thương-truật (nước gạo tằm sao)
An-tức-hương	Chu-sa	Trần-bì (bỏ cùi trắng)
Nhũ-hương	Đại-thoán (củ tỏi)	Xương-bồ (bỏ rễ)

Mỗi vị đều 5 đồng, gia cam thảo 2 đồng rưỡi, tán mịn hồ viên như hạt đậu đen, mỗi liều 10 viên, trẻ con tùy tuổi.



mỗi tuổi uống số thuốc theo tuổi. Tùy bệnh dụng thang.

1.) Ho nóng lá bạc-hà, gừng cho vào chén bấp cơm lấy nước vị thang

2.) Trẻ con cảm phát nóng, dầu không mài nước làm thang Tả, thì rế mơ lông, bông má-đề, rế phượng-vỹ, rế ô-rô, búp chẻ tươi, vỏ ổi rộp, sao hạ thổ sắc thang.

3.) Trẻ lên sởi và đỏ máu cam, sừng tê-giác mài với nước làm thang. Người lớn sốt rét, lấy lá sung cỏ mền-chầu gừng sống, lá giành-giành, lá tử-tô sao vàng sắc làm thang.

4.) Thở tả, lấy cơm khô, rau má sắc làm thang.

5.) Chốc đầu, hoa kim-ngân ngoài lấy nhân-ngôn 1 đồng men rượu 5 đồng, nắm đất đỏ lâu, rồi bỏ đất đi, lấy thuốc tán ra mà sắc.

6.) Đi lý, lấy khỗ-luyện-tử ép dầu đi, tán ra lấy nước cơm hoà lẫn thuốc uống.

7.) Đi lý trắng đỏ, rau má-đề rế mơ-lông, nhiều vỏ chuối hạt, sắc làm thang.

8.) Đi lý đỏ cũng như thang đi lý trắng, nhưng thêm bong-bóng lợn, vỏ thạch-lựu sắc làm thang.

9.) Sài tịt như vết son, thặng-ma làm thang. Trị cả đàn-bà sản hậu rất hay. Ho xuyên, trúc-lich thang.

## 16.— Thuốc trán-kinh (tiểu nhi)

### BÀI THUỐC

Phần nửa :	5 đồng	Quả bàm bàm :	5 đồng (bỏ vỏ ngoài)
Câu đằng :	5 »	Thuyền thuế :	5 » (bỏ chân, cốt)
Khương hoạt :	5 »	Thiên ma :	5 »
Lộc giác xương :	5 »	Phòng phong :	5 »
Cam thảo :	5 »	Thần sa :	5 »
Vàng sống :	1 lạng 5 đồng	Chu sa :	5 »

Các vị tán mịn hồ viên, thần sa làm áo, viên như hạt đậu xanh, mỗi liều một viên, trẻ con mỗi tuổi thêm một viên. Tùy chứng dụng thang.

1.) Trùng phong, bạc hà thang.

2.) Thở tả nhiệt, nước cơm thang.

2.) Mồ hôi trộm, cam thảo tằm mật lợn sao đen thang.

4.) Kinh giản, (chân tay lạnh) bụng trướng, mắt trợn





ngược, bạc hà, kinh giới, câu đằng làm thang, ngoài lấy thuốc gió mài xoa chân tay và mi mắt.

5.) Thở tả hàn, côm nếp sao đen hạ thổ sắc thang, thổ tả hàn, (là đi hoạt trơn mà 4 gan chân tay lạnh.)

6.) Đau bụng chướng đầy, gừng nướng mài với nước Hoắc hương đã sắc lên làm thang.

### 17.— Thuốc kim-đỉnh (tiểu nhi)

*Trị tả hàn, tả cam.*

#### BÀI THUỐC

Độc thái tử : 1 »	Hồng nhạ đại ích : 1 đồ g
Hùng hoàng : 5 đồng (phi lên)	Nha phiến : 3 » (xái hút 3 lần)
Thần sa : 2 »	Xạ hương : 3 »
Băng phiến : 3 »	Văn cáp : 3 »
Sơn tử cô : 1 »	Kim bạc hoặc thần sa làm áo.

Các vị tán mịn viên như hạt đỗ đen, lăn áo khi còn hơi ướt, tùy bệnh dụng thang :

1.) Chết đuối lãv nước : gừng sống, mật ong mài thuốc cho uống.

2.) Đi đường ngã nắng, ngã nước ; lấy vỏ cây vải, trần bì, lá hoắc hương thang.

3.) Phải gió cảm khầu, trầu không, sắc uống.

4.) Thở tả co gân, lá hoắc hương, trầu không, gừng, sắc uống.

5.) Sốt rét tứ : thời kinh giới, tử tô, hành sống, sắc thang.

6.) Đi lý kiết trắng đỏ : hoàng-liên, bạch-truật, bình-lang, sắc thang.

7.) Diên cường, thần-sa, chu-sa, hòa nước lã uống.

8.) Trúng sương, mộc hương, má đề : sắc thang.

9.) Đau tức : quế chi, mộc hương, đinh hương, mài rượu uống.

10.) Yết hầu : kết cánh, bình lang, cam thảo mài, nước lã uống.

11.) Đản bà hậu sản : lá mền tươi, ngải cứu, sắc, pha nước đồng tiện uống.

12.) Trẻ kinh phong, lá bạc hà : sắc thang.



## 18.— Thuốc Sa - Khí (Tiểu-nhi)

*Trị đi tả - hàn.*

### BÀI THUỐC

Trầm hương :	3 đồng	Nhục đậu khấu :	3 đồng
Sa nhân :	3 « (bỏ vỏ sao)	Đàn hương :	3 «
Cam thảo :	1 «	Đinh hương :	3 «
Hoắc hương :	2 «	Bắc mộc hương :	1 «

Các vị tán mịn viên như hạt gạo uống với rau má.

## 19.— Thuốc các chứng Sài.

### BÀI THUỐC

Bạch hoa xà :	1 lượng (bỏ đầu đuôi đi 1 thước)	tầm rượu đốt ra than bỏ cả xác lấy nguyên thịt thôi.	
Quế chi :	1 lượng	Thục địa :	1 lượng.

Các vị tán mịn hồ hoàn như hạt đậu, mỗi liều uống 1 viên, tùy bệnh dùng thang.

- 1) Sài mòn, thang với nước lã.
  - 2) Sài trọ chân tay, thang nước cơm.
  - 3) Sài kinh giản, (lên cơn run giật) thang mật cá trắm.
- Các chứng sài: thang nước cơm hay sữa.

## 20 — Vạn Ứng Bách Hiệu Cao.

*Chữa bách bệnh.*

### BÀI THUỐC

Quế chi :	3 đồng	Đại hoàng	1 lượng
Nhũ hương :	3 »	Hoàng kỳ	1 »
Hoàng cầm :	1 lượng.		

Các vị tán nhỏ rồi lấy 1 bát dầu ta, cho vào nồi nhỏ đem đun độ 5 phút, rồi lại cho các vị thuốc sau này vào :  
 Long não 5 đồng cân. Thạch cao 5 đồng cân. (tán nhỏ)  
 Hạt thầu dầu tía 40 hạt (bỏ vỏ già thực nhỏ)  
 Sáp ong : 1 lượng  
 Rượu : 2 chén.  
 Rượu thông 5 thìa.

Các vị đun khoảng luôn tay, trong 15 phút thành cao là được. Hễ đau bệnh gì, lấy cao ấy phất giấy gián vào chỗ đau thì khỏi.

### 21 — Thuốc Kim Châm

*Chữa thổ tả ách nghịch.*

Hoàng đơn 1 lượng. Bạch phèn phi 1 phân.

Táo tàu bỏ vỏ, bỏ hạt, lấy thịt nó giã nát trộn với vị kia luyện viên bằng hạt ngô.

Cách dùng : trẻ con mỗi tuổi uống 1 viên, người lớn 5, 6 viên. Thang bằng nước cơm.

Phải xâu thuốc vào cái kim nung vào đèn dầu nam cho đỏ hồng cả trong ngoài rồi, mới pha vào thang uống, phải nung kỹ, nung rồi thì quay ra ly.

### 22 — Thuốc Lục Nhất

Hoạt thạch 3 lượng.

Cam thảo 1 lượng.

Các vị tán mịn hồ viên như hạt đỗ đen, lấy một ít bột, Hoạt thạch làm áo. Thang như thuốc TRẤN KINH số 16.

## Mục cảm sốt

### 23 — Phép Xem Phái Gió.

BÀI THUỐC :

Tự nhiên phái gió giật gân, méo miệng, chân tay co quắp, đờm suyền, miệng cảm, răng cắn chặt, mê không biết gì.

Vậy kịp dùng : Bán hạ 2 đồng, tán nhỏ, lấy ống thổi vào mũi, có hắt hơi thì dễ, không thì khó chữa.

### 24 — Phép chữa Phái Gió.

BÀI THUỐC

Lấy miếng phèn chua mài vào ít nước, lấy lông gà xấp ngoáy vào họng, và xấp bông xát vào chân răng, nếu cắn răng, lấy giày lỏi tiền buộc ngón tay cái cho chặt, tức khắc nó há miệng ngay, nếu chưa nói được, thì nấu năm muối đặc cho vào họng, và nước gừng rửa hai khóm mắt sẽ tỉnh.

## 25 — Phái Gió Lưỡi Vàng Đen

### BÀI THUỐC

Phái gió lưỡi vàng đen, chân tay run giật. Lấy Lò hội 1 đồng pha nước sôi cho tan, mài ti quế, pha ít mật ong, lấy giẻ xấp đánh lưỡi.

## 26 — Phái Gió Nhập Lý : (Kinh nghiệm)

### BÀI THUỐC :

Nếu đã ngủi thuốc hắt hơi mà không hắt hơi được, là gió đã nhập lý, nếu cứng miệng ú ớ, thì lấy năm muối đun cho tan lấy bông xấp đánh sát hàm răng, cho đến khi lưỡi mềm nói được mới thôi. Lại mài xương hùm với nước nóng bôi vào hàm là thuận lại.

Lại 2 người cứ cầm tay nó đưa lên đưa xuống, cho máu chuyển vận, lại lấy khăn tay xấp nước lã cứ đập vào trán, thì sẽ tỉnh dần.

Hay là nước gừng giã nhỏ vào khước mắt, nếu cứ im là dấu chết.

## 27 — Cảm Mạo

### BÀI THUỐC :

Địa liền. Long não. Phèn phi Hạt kinh giới.

Các vị đều nhau, tán bột viên như hạt ngô.

Mỗi liều 6 viên. Thang : hành, lá tre, lá ruối sắc uống nóng cho ra mồ hôi. Nếu có giấy ký ninh thì nướng giã ra bột pha vào thuốc viên rất hay.

## 28 — Ngô Gió Mê Mệt

### BÀI THUỐC

Nước tự nhiên rau ngọt giã với trần kinh và dầu cam pha vào uống.

## 26 — Cảm Mê Ly Bị.

### BÀI THUỐC :

Cam thảo : 3 đồng. Hạch môn 3 đồng (bỏ lõi).

Khoai lang : 6 « (thái sao hạ thổ)

Các vị sắc uống. Lại ăn củ sắn giầy nướng nấu với khoai lang thì đỡ mệt, đỡ khát nước.

## Mục sốt rét

### 30 — Sốt Rét Cách Nhật (cách 1 ngày 1 cơn)

#### BÀI THUỐC :

Nam lấy 7, nữ lấy 9 lá búp Đậu, phải yên lặng lấy, giã với li muối rịt vào móng ngón tay cái, nam tả nữ hữu, có nhào thêm giấm thanh mới hay.

Phải kiêng thịt và nước lã. Sốt đêm thì lấy lá đêm<sup>6</sup> sốt ngày, lấy lá ngày.

### 31 — Sốt rét các chứng.

#### BÀI THUỐC :

**Đậu xanh :** 1 vốc ngâm, đãi sạch vỏ.

**Thạch Tín :** 1 đồng, lấy cút giun nằm kin nung đỏ, pha với đậu luyện hồ viên như hạt đậu xanh, lấy Chu xa và **Hồng hoàng** làm áo, mỗi liều uống 20 viên với nước nóng.

### 32 — Lại Bài nữa-

#### BÀI THUỐC :

Lấy năm lá Lưỡi chó giã, vắt lấy nước uống, bã rịt vào nam tả, nữ hữu.

Hoặc lấy lá Lậy sao vàng đổ xuống đất cửa bếp cho nguội, rồi dùng rửa cứ đem sắc ngay lấy 1 chén mà uống. phải lấy lá ấy khi mặt trời chưa mọc.

### 33 — Lại Bài nữa.

#### BÀI THUỐC :

**Chu sa :** 5 phân. **Tỳ xương** (to bằng hạt đỗ)

**Đại đồ thạch :** 5 viên. (tầm giấm nướng).

**Giấy nam** bọc 7 lần đánh nát, nướng khô, xạ 1 phân tán nhỏ, lấy hương du 1 phân (dầu thơm) nhào vào, đồ vào đầu mũi, lông mi và 4 lòng bàn chân tay.

### 34 — Thuốc Thương Hàn cách nhật

#### BÀI THUỐC :

Hoặc 2 ngày một cơn, hay 3, 4 ngày lại sốt.

**Sài hồ**                      Bán hạ                      Hồng hoa.

**Hoàng cầm**              Bình lang              Xuyên khung.

Sa sâm            Thao quả            Chi Tử.

Các vị bằng nhau, cho 3 nhát gừng sắc uống.

### 35 — Sốt Rét Lâu Năm.

BÀI THUỐC :

Nam ngưi tốt (cỏ xước) lấy gốc rễ trước bỏ lõi, sắc đặc phơi sương từ chập tối đến gà gáy sáng uống ba bốn bận là khỏi.

### 36 — Đề Phòng Bệnh Ngã Nước

BÀI THUỐC

Phèn phi : 2 lạng.

Phần trắng trong lòng cây tre hai khúc, mỗi khúc dài 3 tấc.

Các vị tán nhỏ, mỗi sáng uống 3 đồng tiền xai, thang nước nóng, thì không bao giờ ngã nước.

### 37. — Sốt Rét Ngã Nước.

(Sốt rét cách nhật)

Mật-đà-lăng : 5 phân, tán ra bột, sáng sớm quay về hướng đông nướng hết, thang với rượu.

Lại xơ rau muống, rễ đu đủ thái rửa sạch phơi khô sao vàng, 2 thức bằng nhau úp đất nguội sắc uống luôn, càng nhiều càng tốt.

## Mục ho suyễn

### 38. — Trị Ho Lao.

BÀI THUỐC

Lấy miệng bình vôi cho vào ống tre non, đốt ống tre ấy, đợi ống tre cháy, thì lấy vôi ra luyện với hồ viên to bằng hạt đậu xanh, dàn ống mỗi liều 7 viên, dàn bà 9 viên, cứ uống lâu là khỏi.

**39 — Phép Xem Ho Lao.****BÀI THUỐC**

Đốt nhũ hương xông khói vào mu bàn tay người có bệnh lao, đàn ông xông bên tay trái, đàn bà bên tay phải, rồi lấy khăn lụa đậy trên lòng bàn tay một lúc lâu, hễ thấy ở giữa bàn tay có cái lông mọc ra, thì đích là lao, hễ lông trắng thì dễ chữa, đen thì không chữa được, nếu không có lông, thì không phải bệnh lao..

**40. — Phép Trích Trùng Lao****BÀI THUỐC**

Lấy giấy nam ướt gác trên sống lưng, thấy chỗ mà giấy khô, tức là chỗ con trùng lao ở, lấy mực đánh dấu, lấy tội khô xắt ra từng miếng, rồi mỗi ngải để trên miếng củ tỏi, dùng gừng cũng được, để vào chỗ con sâu lao mà trích. Lúc sắp trích con sâu lao, phải lấy sẵn cái bàn lửa, và cái kim sắt, hễ thấy sâu, thì lấy kim cặp lấy để áp vào bàn lửa, hay là mâm đồng đốt nóng, cho nó chết đi, để khói bay vào mồm mũi người ta.

**41. — Phép Chữa Sâu Lao.****BÀI THUỐC**

Hùng tinh.

Lưu-hoàng.

Chu sa

Mỗi thứ 1 đồng cân. Lưu-hoàng rửa sạch đất, xạ hương 1 phân.

Các vị tán nhỏ cho lọt sàng đặng. Lấy rượu Thiên tử ngon nhất hạng trộn đều, lấy đầu củ tỏi lớn, bỏ rễ đi, cầm củ tỏi chấm thuốc mà xát từ xương cùng đít, dần dần từng đốt xương xát ngược lên, hễ thấy, chỗ nào sưng lên đau lắm, là con sâu lao ở đấy ; xát nhiều lần vào chỗ sưng ấy, thì sâu lao ấy tự nhiên chết. Không cứ mới phải hay phải đã lâu đều chữa được tuyệt nọc sâu lao ấy



42 — Cảm Ho Mưa Gió.

BÀI THUỐC

Bạch-Linh :	3	đồng.	Chỉ xác	2	đồng.
Sá-sâm :	3	«	Cam thảo	5	phân.
Phòng-phong :	2	«	Song-truật	3	đồng.
Ngũ-vị :	5	phân	Mạch môn	1	đồng (bỏ lõi).
Sài-tô :	1	đồng	Cát cánh	1	đồng
Bắc đan bì :	1	«.			

Các vị tán viên như hạt ngô, lớn 30 viên, trẻ 10 viên.

43 — Trị Chứng Ho Suyễn.

BÀI THUỐC

Không cứ mới hay phải đã lâu.

Đậu xanh 50 hạt (đề sống), Hương phụ 40 củ (đề sống).

Ba đậu 10 hạt (bỏ vỏ ép bỏ dầu).

Các vị tán hồ viên nhỏ như hạt vừng. Mỗi bận ngậm 2 viên với lá Phù dung,

44 — Bài Nửa Trị Ho xuyên

BÀI THUỐC

Đình lịch : 1 lượng. Tri mẫu 1 lượng.

Táo nhục : 5 đồng (nghiền nát)

Sa đường : 1 lượng rưỡi, hòa lẫn với các vị đã tán **mạt** viên to như viên đạn, lấy vải mỏng mới gói thuốc **mà** ngậm, mỗi lần 3 viên.

45 — Ho Lao yếu mệt

BÀI THUỐC

Người yếu làm ăn khó nhọc, sinh ho tức dùng :

Rễ giầu : 2 đồng, (mật sao kỵ thiết)

Sa sâm : 3 đồng, (gừng sao) Kỷ Tử : 3 đồng.

Cam thảo : 1 đồng, Hoàng kỳ : 3 đồng, (mật sao)

Ngũ vị : 2 đồng, (mật sao)

Các vị sắc uống.



46 — Ho ra Huyết, thờ Huyết

BÀI THUỐC :

Lấy dêu đá : 3 đồng (sao vàng) vỏ bưởi đào 3 đồng (sao vàng)  
 Gừng sống : 3 nhất sắc uống là cầm ngay.

47 — Ho khạc ra Huyết.

BÀI THUỐC

Bạch cập : 1 lạng tán nhỏ, mỗi liều 3 đồng tiền xúc.  
 Thang bằng nước gạo nếp, cứ uống đến khỏi.

48 — Lại Bài nữa

BÀI THUỐC:

Hoa Hồng bạch : 5 đồng. Kim ngân hoa : 2 đồng  
 Địa liền : 3 đồng. Thỏ ty tử : 3 đồng (sao)  
 Liên nhục : 3 « (sao) Thiên môn : 3 « (sao)  
 Nhân sâm : 3 « (sao vàng) Cam giá (nửa sơn rượu) 1 dẫn  
 vắt lấy nước sắc với thuốc pha thêm nước lã, sắc mà uống  
 đến khỏi mới thôi.

49 — Trị Hen Sứa.

BÀI THUỐC :

Lấy rạ sung trộn với gạo nếp ăn, càng nhiều càng tốt.

50 — Trị Ho khan.

BÀI THUỐC :

Lấy 3 trứng gà mới đẻ, lấy nguyên lòng đỏ, cho ít rượu đun  
 hỏa thang bán sinh bán thực mà ăn.

51 — Trị Ho khản tiếng.

BÀI THUỐC :

Hạt khồ tử, hay là hay là Phèn phi với bánh giầy mốc  
 nướng mà ngậm.

52 — Lại Bài nữa (Thuốc mường)

BÀI THUỐC :

Rau má rửa để ráo, giã lấy nguyên nước cốt nó pha với  
 mật ong mà uống.



**53 — Trị ho Đờm Suyễn. (Thuốc mường tối hiệu)**

**BÀI THUỐC :**

Quả bưởi đào cắt nùm, nạo hết ruột, làm thịt gà nhỏ vừa, lòng ruột sạch sẽ, bỏ cả vào trong bưởi, bịt nùm chằng kỹ, trát đất bỏ lên bếp đun rồi bỏ quẩn cho chín gà, độ 5, 6 giờ là được, để nguội ăn cả thịt gà và cùi bưởi, cả nước nó cho hết, ăn độ 3 lần là khỏi.

**54 — Trị Ho Hen thở**

**BÀI THUỐC**

Sa sâm : 2 phân. Ngô thúc : 1 phân.

Mộc hương : 1 phân.

Các vị tán mịn uống, cứ uống thế cho đến khỏi.

**55 — Trị Ho lâu chẳng đã.**

**BÀI THUỐC :**

Lá chân vịt cạn : 1 đồng. Đinh hương : 7 cái.

Hùng hoàng : 1 đồng rưỡi. Cam thảo : 1 lạng.

Hạnh nhân : 15 hạt, (khúc bì).

Các vị tán mịn, lấy 2 tờ giấy nam chấp lại, xấp nước đều phơi khô, làm như thế đủ 6 bản, đoạn rắc thuốc đều trên giấy rồi quạn vào dũa, hồ gián mép, rút dũa ra, đốt mà uống như hút thuốc vậy, hút mỗi ngày 3 bản, mỗi bản kéo 3 hơi rõ dài, mỗi bản hút rồi liền uống ngụm nước, còn thì để ngày sau lại hút.

Lại còn uống thuốc như sau :

Bách bồ : 5 đồng (sao) Khoản dăng hoa 1 lạng.

Tử uyển : 4 lạng (mật sao)

Các vị tán mịn, mỗi liều 3 đồng tiền xúc.

Thang : gừng 5 nhát. Ô mai : 5 quả (rửa muối) đem sắc lên uống tối trước khi đi ngủ.

**56 — Trị Hen con nước.**

**BÀI THUỐC :**

Cứ gần ngày con nước thì lên cơn hen.

Hồ tiêu : 1 lạng. Phèn phi 5 đồng.

Đại táo : 1 « (bỏ hạt).

Các vị tán mịn hồ viên như hạt đậu đen.

Thang : gừng sống, mỗi liều 15 viên.



**57 — Trị Hen bất kỳ con nước.**

**BÀI THUỐC :**

Mật rần Mai hoa hòa rượu uống.

**58 — Lại bài Hen bất kỳ con nước.**

**BÀI THUỐC :**

Tầm gửi cây Ruối 2 đồng : (sao vàng hạ thổ),  
cho 1 bát rượu sắc uống.

**59 — Trị Đờm Hòa Ho Hen.**

**BÀI THUỐC**

Bạch linh.	Bạch giới.	Hoạt Thạch.
Trần bì.	Thần khúc.	Sa nhân.
Ô-dược.	Cát cánh.	Cam thảo.
Trầm hương.	Bạch lao tử.	Bạch phèn phi.
Đại hoàng.	Bán hạ.	Mộc hương.

Các vị bình phân tán mặt viên tựa hạt đậu đen.  
Mỗi liều 15 viên, thang gừng nướng.

**Mục đau bụng**

**60 — Đau Bụng kinh niên cả lớn bé.**

**BÀI THUỐC :**

Lá Ngải hay lá Xoan, nam 7, nữ 9 lá già nhỏ, lại lấy chén rượu già 5 hột hồ tiêu bỏ vào, hỏa thang. Rồi chắt rượu ngâm phun cho nó 1 cái trên đầu, 1 cái ở bụng 1 cái ở lưng. Rồi lấy lá Ngải ấy mà xát từ chỗ hết xương cùng thẳng xương sống đàn ông 7 lần, đàn bà 9 lần, từ lúc phun đến lúc xát, chớ có phun và xát ngược, phải phun xuôi và xát xuôi.

Lúc làm thuốc già lá và hỏa thang, không cho người ốm biết mới hay.

**61 — Lại Bài Nửa.**

**BÀI THUỐC :**

Long cốt trầm. Nhũ hương. Một dược. Ngô thù.  
 Bình lang. Hương phụ Chế. Trần bì (bỏ ruột)

Hoàng nàn (phải cạo vỏ tằm nước gạo 2 ngày 2 đêm)

Các vị đều nhau tán mịn viên như hạt đậu đen.

Thang với rượu. Mỗi liều 10 viên.

Nếu là đàn bà thì thang bằng bài thuốc ở mục cầu tự sau này. Nếu là đàn bà tích huyết to bụng, uống bài này hay lắm. Nhón 15 viên, bé từ 3 đến 8 viên.

**62 — Lại Bài Đau Bụng kinh niên lớn bé.**

**BÀI THUỐC :**

Lá chanh thái nhỏ. Sinh diêm.

Các vị bằng nhau bỏ vào ruột cái hén to còn sống mà nướng cháy, rồi tán cả hén mà uống.

**63 — Đau Bụng Hắc loạn thổ tả.**

**BÀI THUỐC :**

Cám nếp sao vàng hạ thổ. Cây Hoắc hương (sao vàng)

Các vị bình phân sắc uống.

Nếu không khỏi, thì lá nón vò vào nước mài cam thảo mà uống. Nếu lại sốt đau các đầu xương, chân tay lạnh, thì lá Ngải lá cỏ Xước 1 nắm giã nát pha 1 bát rượu và 1 bát nước lã sắc uống.

**64 — Lại Bài nửa.**

**BÀI THUỐC :**

Chanh vắt vào dao nung đỏ húng lấy nước uống. Rồi nướng củ Sắn giây nấu với khoai lang ăn.

**65 — Đau Bụng, đau tức, đau xóc**

**BÀI THUỐC :**

Ô-dược :	2 đồng.	Nhũ hương :	1 đồng.
Một dược :	1 «	Xuyên khung :	2 «
Đương quy :	2 «	Xích Thược :	2 «



Bạch truật : 1 đồng.	Cam thảo : 1 đồng.
Ngưu tất : 1 «	Trần bì : 1 «
Nhân sâm : 1 «	Thương truật : 1 «
Bạch chỉ : 1 «	

Các vị sắc uống.

### 66 — Đau bụng chướng khí

#### BÀI THUỐC :

Đau bụng đờm tích, sơn làm chướng khí, ăn không tiêu, bị thương tích ứ huyết, sản hậu, kinh nguyệt không đều, đều trị được cả.

Nhũ hương : 5 đồng rưỡi.	Một dược : 2 đồng rưỡi
Mộc hương : 1 đồng.	Trần hương : 2 đồng rưỡi.
Hậu phác : 5 đồng.	Đại hoàng : 1 lượng (tầm rượ)
Lô-hội : 2 lượng.	A ngùy : 2 phân rưỡi.

Hồ tiêu 20 hạt.

Các vị tán mịn hòa, rượ với Lô hội luyện viên như hạt ngô. Mỗi liều lớn 30 viên, bé 15 viên giờ xuống tùy tuổi. Thang gừng nướng hay là rượ, không đổi thang với muối

### 67 — Dầy da bụng. Dầy hơi.

#### BÀI THUỐC :

Bắc chỉ thực 2 lượng (sao vàng). Cống truật 2 lượng (sao vàng).  
 Các vị tán mịn, giã lá Sen ; thổi cơm gạo tám, hồ luyện như hạt ngô.

Mỗi liều 10 viên với nước nóng.

### 68 — Đau dạ dầy. Chầy nước miệng

#### BÀI THUỐC :

Ô tặc cốt : 2 đồng.	Thanh bì : 1 đồng.
Tiểu Cúc : 3 «	Bạch truật : 3 «
Xích phục linh : 2 «	Điều thảo : 2 «
Huyền Hồ : 2 «	

Các vị sao qua tán uống.

Thang với rượ, hay gừng nước nóng.



## 69 — Đau bụng báng

### BÀI THUỐC :

Ngọc trúc : 1 lạng. Lấy bầu dục lá lách lợn (ky sắt) bỏ ra bỏ vào nồi mới ninh dư ăn hết, rồi đi tiêu hay đi đại tiện là khỏi.

## 70 — Đau bụng

*Chữa đau bụng tịnh tâm thống hắc loạn (Thần hiệu)*

### BÀI THUỐC :

Hồ liêu ; 7 hạt. Đậu xanh : 7 hạt xát bỏ vỏ. Nhai nhỏ mà uống với nước nóng.

## 71 — Lại bài trị đau bụng (Gối hiệu)

### BÀI THUỐC :

Đau bụng khi bế đầy hơi, đau xóc ngang sườn.

### BÀI THUỐC :

Hương phụ chế 7 lần (đem tầm đồng tiền, ngày phơi nắng 7 lần) Thiên thai. Ô dược. Trầm hương.

Các vị bình phân tán nhỏ hồ viên như hạt đậu xanh, mỗi liều 6, 7 viên.

Thang : muối gừng sắc uống.

## Mục bí cách

## 72 — Bí đại tiện

### BÀI THUỐC :

Ngải sơn diệp : 3 đồng sắc lên pha chút đường uống độ vài ba bận, là dần dần đi đại tiện, không phải kiêng cử gì.

## 73 — Bí tiểu tiện

### BÀI THUỐC :

Hoa Hẹ 1 nắm, không có thì dùng vị Phi Tử sắc uống thay lăm.



### 74.— Trị chứng kết-hung.

*Chữa cả đại-liện bí kết, chữa cả đàn bà hậu-sản phù-sung.*

Chỉ xác : 5 đồng. Xuyên-đại-hoàng : 1 lạng. Cát cánh : 5 đ.  
 Chỉ thực : 5 « Trác-liêu : 1 lạng. Bạch-đậu-khấu : 15 nhân.  
 Bã đậu : 15 nhân. Ngưu tất : 5 lạng. Táo giác : 3 quả.  
 Các vị tán mịn hồ viên như hạt đậu đen, mỗi liều người  
 lớn 7 viên đến 9 viên. Trẻ con từ 1 đến 3 viên. Thang nước  
 nóng.

## Mục Tả - Ly

### 75.— Bệnh Tả Ly

Không kể mới phải, hay phải đã lâu, hễ sờ tay vào mình  
 thấy nóng như hòn than và mạnh đi phù hồng, thì không  
 chữa được.

### 76.— Trị đi ly

*Chứng ly mới phải, hay phải đã lâu, đi đỏ như bầu lào,  
 ra nùng nùng, hoặc trắng hoặc đen đều khỏi.*

#### BÀI THUỐC

Bắc-xuyên luyện tử.

Đậu xanh.

Hai vị bình phân tán nhỏ, hồ luyện như hạt đậu đen  
 trước khi ăn cơm uống 4 viên. Giững sắc thang.

### 77.— Trị chứng tả ly

#### BÀI THUỐC

Nhu nữ (gạo nếp) 7 phân (sao)

Khô phân (phèn phi)

Phấn thảo : 5 phân

Hạnh nhân : 5 phân.

Hồ luyện viên như hạt đậu xanh. Người lớn uống 20  
 viên, tiểu nhi 6 viên. Lúc mới phải thang nước cơm, phải  
 đã lâu thì rễ mơ lông, cỏ Phụng-vỹ, cỏ Xa-tiền đều sao  
 qua sắc uống.

**78 — Lại bài chữa Ly**

Khổ-luyện 2 lang (sao) Thảo-quả 3 đồng  
 Phèn-chua 1 đồng. Cam-thảo 5 phân (chích)

Các vị tán nhỏ như hạt ngô, người lớn mỗi lần 15 viên, trẻ con 5 viên với nước lã.

Phải kiêng các thứ thịt cá.

**79 — Lại bài nữa**

**BÀI THUỐC**

Thần-khúc 3 đồng (nướng) Chè tàu 1 nắm sắc uống.

**80 — Lại bài nữa**

**BÀI THUỐC**

Xái thuốc phiện 1 phân.  
 Mai mực 4 phân. (nửa sống, nửa sao chín)

Nếu có toát-giang thì gia ngũ-bội-tử 2 phân, sao đen, các vị tán mịn, mỗi liều 1 đồng tiền xúc.

Thang nước cơm.

**81 — Trị Thở-tả nguy cấp**

**BÀI THUỐC**

Đại-thoán (tỏi) già nhỏ đồ vào rịt gan bàn chân, bàn tay và ở rốn.

**82 — Dịch - tả**

**BÀI THUỐC**

Đậu xanh để vỏ 5 đồng Hạt tiêu sọ trắng 5 đồng

Các vị tán chia làm 2 liều với nước nóng, cách nửa giờ.

**83 — Dịch-tả có thuốc hun-trừ**

**BÀI THUỐC**

Bệnh này hay lây, nếu làm bài này đốt ở cửa ra vào, lúc buổi tối trừ khí độc.

Nhũ-hương 1 đồng Một-dược 2 đồng Bồ-kết 7 quả





Bạch tật lê :	5 đồng	Hồi hương :	1 đồng
Thương truật :	5 »	A ngùỵ :	1 »
Bạch đàn :	5 »	Kinh giới :	2 »

Các vị tán ra rắc vào giấy bản xe vào nén hương mà đốt.

### 84.— Trị dịch tả (thần hiệu)

#### BÀI THUỐC

Uất kim (nghệ) :	3 đồng (tầm đồng tiện phơi 9 đêm ngày, sao đen)		
Thiên ma :	2 »	Hồ ma :	2 đồng
Xạ can :	2 »	Chính hồi hương :	1 »
Thương truật :	4 » (tầm rượu sao)	Quế chi :	1 »
Tô mộc :	2 »	Xuyên hậu phác :	2 »
Nam mộc hương :	2 »	Bắc mộc hương :	1 »
Hoắc hương :	3 »	Nhũ hương :	1 »
Kinh giới :	1 »	Sơn tam nại :	2 »
Bạch hoa xà :	2 »	Xích hoa xà :	2 »
Binh lang :	3 » (tầm nước vôi sao vàng)		

Hai thứ rắn này giãm rượu, bỏ đầu đuôi và lấy nguyên thịt giã, không có hai thì dùng một thứ cũng được. Tán nhỏ 18 vị ấy, trộn hồ bột tẻ luyện viên bằng hạt ngô, lấy thần sa, chu sa 1 đồng tán rắc làm áo phơi rỏ khô.

I.— Khi bệnh khác nhau, thay đổi thang, đầu ông 7 viên, đàn bà 9 viên, ngoài xoa, là lấy 3 ngọn bạc hà mai với 3 viên thuốc cho rượu hòa thang, xoa khắp mình chân tay.

a) Bệnh thời khí thổ tả, khát nước sốt rét, rức đầu, buồn chân tay, thì Tử tô gừng sắc làm thang.

b) Nếu bị như trên, mà chân tay giá lạnh, thì nước vôi làm thang, ngoài xoa như trên.

II.— Đàn ông và đàn bà từ 15 đến 40 tuổi.

a) Mắc thời khí, thổ tả, sốt rét, rức đầu, đắng miệng, chân tay buồn, thì Tử tô, Cát căn mỗi vị 1 đồng và 3 nhất, gừng sắc uống, ngoài xoa như trên.

b) Nếu chân tay quyết lạnh, nước vôi thang, xoa như trên.

II.— Tiểu nhi từ 10 đến 15 tuổi.

a) Bị thời khí thổ tả, sốt rét, đắng miệng buồn chân tay



thì lấy 7 lá đào non, mài với nước mưa bỏ bã uống, ngoài xoa.

b) Nếu bị như thế, lại chân tay lạnh, thì tử-tô, cát-căn mỗi vị 2 đồng sắc nước với uống, ngoài xoa như trên.

IV.— Tiểu nhi từ 1 đến 10 tuổi, nếu bị thổ tả, lý lại khát, lấy cân đằng 1 đồng, Trần-bì 1 đồng, Bắc-nợ-thù 1 đồng đem sắc uống với 3 viên thuốc, ngoài xoa như trên.

V.— Các chứng khác thì đổi thay thang.

Như đàn bà có thai bị thổ tả, rức đầu, sốt rét, buồn chân tay, thì Tử-tô 1 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng. Bạch-truật 1 đồng, lá Ngải 1 đồng, sao sắc làm thang, mỗi lần uống 9 viên, ngoài xoa như trên.

VI.— Nếu lại đau bụng, gừng nướng làm thang, đàn bà có thai kỵ gừng, thì nước với làm thang, ngoài xoa như trên.

VII.— Đàn ông đàn bà mùa lão, đậu chần, nước mưa làm thang, trong uống ngoài xoa như trên.

Lại phải uống như sau này tùy tuổi.

a) Người lớn uống Bạch-linh 2 đồng. Bạch-thược 2 đồng.

Sơn đậu căn 1 đồng (tầm gừng sao).

Thục-địa chích : 2 đồng.

Thanh-bì : 2 đồng. Cam thảo 5 phân.

b) Trẻ con từ 1 đến 14 tuổi thì uống :

Bắc ngân hoa : 5 đồng. Trạch-tả : 5 phân.

Mạch-môn : 1 « (khứ bì). đương-quy : 1 đồng.

Bạch-truật : 1 « Sơn-đậu-căn : 1 đồng.

Bắc-câu-đăng : 1 « Bạch-cập : 1 đồng.

Bạch-Liễm : 1 « Nhị-hồng-sâm : 1 đồng.

Thục-địa chích : 2 « Cam thảo : 5 phần sắc uống

## 85 — Trị chứng toát giang.

### BÀI THUỐC :

Chứng này bởi bị lệ lâu ngày, khí huyết hư, khi đi đại tiện dùng sức dạn nhiều, nên giang môn lòi ra không thu lại được : Ngũ bội-tử. Bách thảo sương, 2 vị bằng nhau, lấy lòng gà quét thuốc vào giang môn thì thu ngay. Rồi uống bài sau này :



**86 — Đề Trạng Thang (Chữa Toát giang).**

**BÀI THUỐC :**

Nhân-sâm : 3 đồng. Đương-qui : 3 đồng. Phục-linh : 3 đồng  
 Hoàng-kỳ : 2 « Ý-rĩ : 2 « Bạch-thược : 1 «  
 Thăng-ma : 1 « Hoè-hoa : 1 «

Các vị sắc uống.

**87 — Trị Cước Khí chuyển gân.**

**BÀI THUỐC :**

Đan-sâm 3 đồng. Đương-qui 2 đồng : sắc uống  
 Bệnh tả chuyển gân uống cũng khỏi.

**Mục Tích Tụ**

**88 — Trị Tích Tụ thành khối.**

**BÀI THUỐC :**

Đại-hoàng.	Cam-toại.	Xích-thược.	Hồi-hương.
Trâm-hương.	Mộc-hương.	Lương-khương.	Quế-chi-bì.
Nga-truật.	Tam-lăng.	Hoàng-lục.	Độc-lục.

Các vị đều 3 đồng, tán mịn, mỗi liều 1 đồng tiền xúc, thang với rượu.

**Mục Phù nề.**

**89 — Phù nề. (kinh nghiệm)**

**BÀI THUỐC :**

Tý giải củ kim-cương : 1 lạng. Xương bồ : 5 đồng.  
 Cam-thảo : 8 đồng. Ích mẫu nhân : 1 lạng.  
 Ô-dược : 5 «

Các vị sắc uống lợi tiểu là khỏi.

**90 — Lại bài nữa**

**BÀI THUỐC :**

Cám nếp trộn đường hấp cơm, ăn càng nhiều càng tốt.  
 Uống thêm lá bìm bìm, cây mã đề, sáo vàng, hạ thổ thêm  
 dầu ngô sắc uống.



91 — Lại bài trị Phù nề. (Thần hiệu.)

BÀI THUỐC :

Bệnh phù phải đi phải lại không khỏi, thì uống lá Mã chiên thảo. Tầm gửi, cây đa lông, vỏ bưởi đào.

Các vị đều nhau, sao vàng hạ thổ, cho gừng 3 nhất sắc uống 5 ấm khỏi.

## Mục Tê Thấp

92 — Rượu chữa Tê Thấp (kinh nghiệm).

BÀI THUỐC :

Thuốc này chữa 36 và 72 giống thấp, miệng mắt đờ cứng đau, co xương đau rức, đờm lưu, khí trệ, mọi chứng điều nghiệm.

Thiên-ma : Hương phụ chế sao. Sinh địa. Cam cúc  
Phục-thần. Tảo nhân sao. Tần giao. Cầu-kỷ.  
Thục-địa chích. Dương quy. Đan sâm. Độc-hoạt. Xuyên-  
khung. Đỗ-trọng. Ngưu tất. Tiền hồ. Khương hoạt. Hồng-  
hoa. Tục đoạn. Sơ-độc. Quế-chi. Bách hợp. Mạn tử  
(dập giập). Cốt toái.

Các vị ấy đều 5 đồng cân cả.

Bạch tật lê 4 lạng. Long nhỡn 8 lạng (bỏ hạt).

Dùng rượu vàng 15 cân, bỏ thuốc vào lọ nút kỹ, mà đun, đốt cháy hết 3 nén hương là được.

Đem lọ chôn xuống đất 7 ngày. Rồi mỗi ngày 2 bận sớm và chiều uống 2, 3 chén, vài ngày thấy kiến hiệu.

Khi rượu hết, lại thêm 4 lạng Long nhỡn nhục, và 7 cân rượu nữa, lại nấu và chôn như trước, rồi uống là khỏi hẳn.

93 — Lại bài thuốc tê thấp.

BÀI THUỐC :

Sà-hồ. Củ Khúc-khắc. Cây Đau-xương.

Hạ Khô-thảo (cây cái rừng). Cây móng tay. Cây móng

rừn. Cây chla vôi. Củ nển.

Các vị bình phân, sao vàng, hạ thổ, sắc, hay ngâm rượu uống.

94 — Lại bài trị tê thấp. (Tối hiệu)

BÀI THUỐC :

Thuốc này chữa Tê-thấp cảm vào xương tủy, huyết mạch ngừng trệ, chân tay tê bại, bán thân bất toại, và đàn bà tê thấp thủy thũng, mọi chứng chữa hiệu hết.

BÀI THUỐC :

Ngũ-gia-bì : 2 lạng (sao) (là cây chân chim, mùi đắng, tiêu thủy hạ đờm)

Nam Đẳng : 2 lạng (sao) (là cây Lúc lúc, mùi đắng, khí lạnh, tiêu đờm).

Hồ-diệp-căn : 1 lạng rượu sao (là cây Bươm bướm, mùi đắng, khí ôn, tiêu đờm)

Bảo-đương-quy : 1 lạng (mùi đắng, khí ôn hoạt huyết).

Ô-độc : 1 lạng (mùi đắng, khí ôn trị khí trướng).

Kim-anh-đẳng : 1 lạng rượu sao (cây chinh chiến, mùi đắng, lạnh)

Bạch đồng nam : 1 lạng sao. (cây bán trắng, ngọt, khí bình).

(Đàn ông dùng, đàn bà không dùng).

Xích-đồng-nữ : 1 lạng sao (cây bầm đỏ, đàn bà dùng).

Nam ngư tốt : 1 lạng sao, (cây cỏ xước lấy cả rễ, mùi chua, khí bình, hạ tiêu thấp đờm).

Cát bối căn : 1 lạng sao (là cây bươi bung, mùi đắng, khí nóng, trị chứng hàn thấp)

Tiền hồ : 5 đồng sao ( là cây chi thiên, mùi ngọt, khí hàn, tiêu thấp hạ đờm).

Hoàng chi đẳng : 2 lạng sao, (là rễ có chi, mùi cay, khí ôn, tiêu thủy).

Mã chiên thủy : 6 đồng sao, (là cỏ vọt ngựa, mùi ngọt, khí lạnh).

Tang ký sinh : 1 lạng. (là Tầm gửi, cây giâu, chữa phong thấp).

Các vị ấy thái nhỏ giã nát, đựng vào cái túi thắt miệng lại, cho vào lọ rượu lấy đất giã trát kỹ rồi đun lửa, cháy hết 1 nén hương là được.

Rồi đem hạ thổ 3 ngày 3 đêm, rồi đem lên, người lớn mỗi bữa uống 1 chén, ngày 3 bữa uống.

Trẻ con uống một nửa, trước khi ăn cơm.



## Phép gia giảm vị thuốc Tê Thấp.

Như hàn thấp, gia quế chi : 1 lạng. Càn khương : 1 lạng bỏ vị Tiên hồ, Mã chiên thảo, Kim anh không dùng.

Như chứng đầy, gia Hương phụ chế 3 đồng. Mộc hương 3 đồng, bỏ vị tiên hồ, Hoàng chỉ không dùng.

Như cước khí, thủy thũng, gia Mộc qua 3 đồng và Đại phúc bì 3 đồng.

Như đờm cản, gia bán hạ 3 đồng. Trần bì 3 đồng.

Như hư nhược, thì giảm vị thuốc hay tiêu hao, như bán hạ, trần bì, mà gia vị tỳ xại, bội Đương quy, và Vương Tôn (rễ cây gấm).

Như phong tê, thì gia vị Hy Thiêm thảo 3 đồng. Hạc tất thảo 3 đồng.

Như Đầu phong (đầu rúc), gia vị cốt toái bồ, (là cây Tồ ong) và vị Quán chúng đều 3 đồng (khoai lang).

Như chứng hư lao, lạnh tê gia, gia vị Thạch hội (phúc bồn tử) 3 đồng.

Như bì tê khắp mình, gia vị thương truật 1 đồng, hay là Thương nhĩ tử 1 lạng sao (cỏ ké).

Như đầu mặt phong, khắp người lở ngứa, gia Hà thủ-ô : 1 lạng. (cửu chưng cửu sái, 9 bận chưng phơi).

Như phong thấp gân co, gia rễ cây tầm-xuân : 1 lạng rươi (sao).

Nếu y như trong bài này mà gia giảm, thì rất là thần hiệu.

### 95 — Trị chứng Đờm Thấp.

#### BÀI THUỐC

Bệnh này vì đờm thấp, sinh ra đau chân rúc xương, có khi lại bán thân bất toại.

Nam Sài hồ : 5 đồng. Hoàng lực : 5 đồng. Đỗ-trọng : 5 đồng

Bạch lực : 2 đồng rươi. Độc c lực : 2 đồng rươi.

Binh-lang : 2 đồng rươi.

Hương-phụ-chế : 2 đồng rươi. Nam mộc hương : 2 đồng rươi.

Thương truật : 2 đồng rươi.

Mộc qua : 2 đồng. Ngưu tất : 1 lạng (tầm rươi).



Các vị tán mịn hồ viên như hạt đậu đen, mỗi liều người lớn 10 viên, thang bằng rượu, dần hạ tích huyết khối, thì đồng tiện pha rượu thang.

**96 — Thấp nhiệt lở.**

**BÀI THUỐC**

Nhân sâm. Bán-hạ. Hoàng cầm. Cam thảo.  
Xuyên khung. Hòe hoa. Kinh giới. Chi tử.

Các vị bằng nhau, gừng 3 nhát sắc uống.

Lại dùng thuốc đồ ngoài như sau :

Ngải cứu nhiều. Nhân ngôn : 1 đồng.

Các vị tán nhỏ cuộn vào giấy nam đốt xông,

**97 — Trị thấp đờm hỏa.**

**BÀI THUỐC**

Bạch linh. Bạch giới. Hoạt thạch. Đại hoàng.

Trần bì. Thần khúc. Cát cánh. Bán hạ.

Ô-dược. Sa nhân. Bạch lao tử. Mộc hương.

Trần hương. Cam thảo. Bạch phèn phi.

Các vị bằng nhau, tán mịn hồ viên như hạt đậu đen.

Mỗi liều 10 viên, gừng làm thang.

**98 — Trị chứng tê thấp chân tay.**

**BÀI THUỐC**

Xuyên khung : 3 đồng. Quế chi : 3 đồng. Long não : 2 đồng.

Một dược : 2 đồng. Huyết giác : 3 đồng. Đại hồi : 2 đồng.

Đinh hương : 2 «.

Các vị giã giập cho vào lọ rượu nấu cách thủy, khi được thì bóp, lúc bóp thì nhấp một ít.

**99 — Thuốc xông tê chân tay.**

**BÀI THUỐC**

Lá b chàng. Lá và nước. Cây chia vôi.

Các vị đều nhau, băm sao nấu kỹ, miệng nồi bịt lá chuối, chọc thủng để xông hơi vào chỗ tê.

**100— Trị Sản hậu tê chân tay.**

**BÀI THUỐC**

Rễ quý-xạ. Phỉ tử (sao). Cam thảo. Đậu đen (sao).  
 Các vị bằng nhau, sắc uống.

**101 — Lại bài trị tê chân tay. (Thần hiệu)**

**BÀI THUỐC**

Quế chi : 3 đồng. Đinh hương : 3 đồng. Huyết giác : 3 đồng  
 Cánh hồi : 3 đồng. Thương truật : 4 «. Nhũ hương : 4 «.  
 Một-duyệt : 3 «. Đan sâm : 5 «. Long não : 3 «.  
 Các vị giã giập cho vào lọ rượu nấu cách thủy, vừa  
 uống vừa xoa bóp.

**102 — Lại bài trị tê chân tay.**

**BÀI THUỐC**

Trang ký sinh : 3 đồng. Ngưu tất : 3 đồng. Mộc qua : 3 đồng.  
 Xuyên mễ : 4 «. Xuyên giải : 3 «. Xuyên tục đoạn : 5 đồng  
 Cầu tích : 3 «. Xuyên quy : 3 «.

Các vị giã giập cho vào rượu đun cách thủy rồi vừa  
 uống vừa bóp.

**103 — Thuốc gân cốt đau rức.**

**BÀI THUỐC**

Lá Thập đại công jao 1 nắm, bỏ gai nó đi, rượu tằm rồi  
 phơi khô, làm như thế 7 bận.

Đương quy : 1 lạng, tằm gấm thanh nướng.

Các vị tán mịn, mỗi ngày uống 5 đồng cân, pha đường  
 cát vào nước nóng uống.

**14 — Lại bài chữa gân đau, lưng đau.**

**BÀI THUỐC**

Lưng và gót chân bị phong đau khó đi lại dễ dàng, thì  
 dùng bài này, nó chữa cả chứng phong méo miệng xéch  
 mắt hay lằm.

Lá T'ôn : 1 cân giã nát dừ. Rượu ta : 3 cân tằm nó  
 7 ngày rồi mỗi ngày uống 2 bận, mỗi bận 1 chén.



## Mục đầu thông

### 105 — Trị rức đầu.

#### BÀI THUỐC

Cam thảo : 5 đồng.      Đậu xanh : 5 đồng (cả vỏ).  
Đun sôi pha đồng tiện uống.

### 106 — Trị thiên đầu thống. (Đau bên đầu)

#### BÀI THUỐC

Hoàng-liên :	1 đồng rượu sao.	Xuyên khung :	1 đồng.
Sài hồ :	1 «	Khương-hoạt :	1 «
Hoàng cầm :	1 «	Cam thảo :	5 phân.
Tế tân :	5 phân.	Phòng phong :	2 đồng sắc uống

### 107 — Lại bài nữa.

#### BÀI THUỐC

Gừng sống : 1 bát. Nước 3 bát sắc còn 2 bát gia.  
Đại hoàng : 1 lượng. Đinh hương : 1 đồng.  
Hồi hương : 1 đồng.  
Thương truật : 3 đồng. Huyết giác : 3 đồng.  
Các vị tán nhỏ, rồi bỏ cả vào nước gừng mà đun thành cao mà uống.

### 108 — Lại bài chữa thiên đầu thống.

#### BÀI THUỐC

Nước đáí Mèo, đản bên tả nhỏ bên hữu, đau bên hữu nhỏ bên tả.

Bôi gừng sống vào mũi mèo, thì nó vãi đáí ra mấy giọt đủ dùng.

### 109 — Lại thuốc chữa rức đầu.

#### BÀI THUỐC

Long não. Tế tân. Thương truật.

Các vị tán ra ngửi nếu không khỏi, thì cho thuốc vào giấy bản, đũa cuộn đốt mà ngửi khói.

**110 — Lại thuốc chữa rức đầu.**

**BÀI THUỐC**

Gừng sống 1 miếng to. Hùng hoàng 1 ít.

Lấy miếng gừng bỏ đôi ra, cho Hùng hoàng vào, lấy giấy nam bọc tầm nước, rồi nướng nóng, dán ngay vào thái dương khỏi ngay.

**111 — Trị Sùi óc, thối tai.**

**BÀI THUỐC**

Râu tôm đốt thành than, pha với Phèn phi tán nhỏ, thổi vào tai. Kinh nghiệm.

**112 — Lại bài nữa.**

**BÀI THUỐC**

Hoàng liên. Đinh hương. Xuyên khung. Đại hoàng.

Các vị cỡ nhau, tán mịn mài với giấm thanh đồ ngoài mang tai.

**113 — Lại bài chữa thối tai.**

**BÀI THUỐC**

Phèn chua : 1 đồng. Long cốt : 2 đồng.

Phi cả : 2 thứ lên tán nhỏ thổi vào tai, sáng 1 bận, chiều 1 bận, cứ làm cho kỳ khỏi.

**114 — Tai đau nhức lắm.**

**BÀI THUỐC**

Nước mài giao. Rễ củ chuối tiêu mài với nước ấy mà rỏ vào tai.

**115 — Tai ù điếc.**

**BÀI THUỐC**

Thương nhĩ thảo (cây ké) Hương phụ. Thương sơn.

Các vị đều nhau tán mịn, uống với nước nóng.

**116 — Lại bài nữa.**

**BÀI THUỐC**

Phong khương : 1 đồng. Hương phụ : 1 đồng. Địa du : 1 đồng.

Hoàng lực : 1 « Độc lực : 1 «

Các vị tán mịn đồ dính đầu.

**117 Đau màng óc.**

Chứng này hay sồ mũi, rức đầu, ngấy sốt, lai đau xương sống, co quắp chân tay, cổ cứng ra, nôn thồ, bị mấy giờ đã là nguy rồi.

**BÀI THUỐC**

Bắc sai căn : 4 đồng. Cát căn : 4 đồng. Đại táo : 3 quả bỏ hạt.

Hoàng cầm : 2 đồng rưỡi. Sinh khương : 2 đồng.

Chính thảo : 2 đồng rưỡi.

Nam qua : 8 lạng (bí ngô).

Rồi bỏ 3 củ hành sống 3 nhát gừng, đồ 3 bát nước. sắc lấy bát rưỡi uống nóng, đắp chăn kín, cần kiêng gió.

Cần phải có vị (bí ngô) Nam qua, nếu không có quả, thì phải dùng lá, hay mầm, hay giây, hay rễ nó.

Ăn cháo bí ngô trừ bệnh này.

**118 — Lại bài chữa đau Màng óc.**

**BÀI THUỐC**

Cam thảo : 8 đồng. Đậu xanh 4 bát cả vỏ.

Đun sôi pha đồng tiện uống, cần kiêng gió.

**119 — Chữa Bạc đầu**

**BÀI THUỐC**

Còn trẻ tuổi, mà đầu đã bạc, thì uống bài Lục-vị gia vị, Hà-hủ-ô, tằm gừng sao đen, tán mịn hồ viên như hạt ngô.

Mỗi liều 20 viên.

Thang : nước cơm pha rượu.

**Mục đau mắt**

**120 — Đau mắt Thuốc bôi.**

**BÀI THUỐC**

Đỗm phàn : 5 đồng. Bạch phàn : 5 đồng. Riêm thanh : 5 đồng.

Các vị tán mịn cho vào bát để nồi rang mà nấu, khi đã sôi thì quấy cho đều, khi đã sôi một lúc lâu Long não : 5 phân vào quấy đều, đoạn tán mịn cho vào bát đập kỹ, lấy đất trát quanh miệng bát cho kín.

Cách dùng : Đường phèn pha nước mưa, hay sữa, hay là nước lá Cúc áo cho thuốc vào khuấy đều mà bôi my mắt.

Thuốc này chữa cả chân tay lở có sâu, hay là nơi đã phải dẫu lở ra hơi thối đã lâu, thì rửa sạch, rồi lấy thuốc này hòa rượu mà rửa và bôi rất tốt.

### 121 — Đau mắt thuốc tra (Thần hiệu)

Thuốc này có 2 thứ. Thứ nấu và thứ chế.

2 thứ trộn lẫn, chữa mọi chứng đau mắt.

a) **THỨ NẤU**      Bãg phiến 5 đồng      Mai hoa 5 đồng  
                                  Long não 1 »

Tán nhỏ cả 3 vị, nước trộn hơi ướt cho vào cái bát, lại úp cái khác lên trên, đất giẻ trát lấy để vào nồi rang đun lửa trước to, sau nhỏ, hễ cháy hết 3 nén hương là được, để nguội lấy ra, lấy thuốc dính trên miệng bát mà dùng. Cần trát bát cho cẩn thận, kéo đun mà phi hơi ra là thì hỏng.

b) **THỨ CHẾ**.      Lộ cam thạch. Lấy than củi Ruối đốt, khi cam thạch rửa ra là được, đem ra lấy sữa người và đồng tiện hai thứ bằng nhau, đem tầm cam thạch độ một giờ, rồi đem phơi khô tán nhỏ, pha bạch phàn phi khô tán rây nhỏ chế vào như sau đây :

### c) **CÁCH CHẾ THUỐC TRA MẮT VỪA NÓI TRÊN.**

- 1.) Thuốc nấu      1 đồng cân
- 2.) Lộ cam thạch      2 đồng
- 3.) Phèn phi khô      8 phân

Trộn 3 thứ cho đều, rồi lấy vải đậu để trên miệng bát đổ thuốc vào mà thúc cho kỹ mà tra.

### 122 — Đau mắt, thuốc rỏ (thần hiệu)

#### BÀI THUỐC

Hoàng liên	1 đồng	Hoàng bá	1 đồng
Long cốt	1 »	Mai hoa	1 »
Sinh diêm	1 »	Hồ phách	1 »
Đinh hương	5 đồng	Lá chi tử	5 phân

Các vị mài nước lã rồi pha ít rượu rỏ mắt, rất hiệu nghiệm, đau lâu cũng khỏi.

**123 — Lại bài rỏ mắt nữa**

**BÀI THUỐC**

Lấy nguyên lòng trắng trứng gà mới đẻ.  
 Phèn chua 1 miếng bằng đầu ngón tay.  
 Sữa người 1 muôm.

Các vị trộn lẫn, quấy mãi cho đến khi nó tan và đông lại, gạn nước mà rỏ, bã đắp mắt.

**124 — Lại bài đau mắt : thuốc rỏ.**

**BÀI THUỐC :**

Thạch Cam-lộ : 3 đồng. Cho vào bát lấy lửa đốt, hễ nó trắng ra, lại tầm đồng tiện lại đốt đủ 3 bận.

Rồi đem tán, thêm phèn phi 5 phân. Long não 5 phân cho cả vào bát, lấy lá bưng lại, để lên nồi rang nấu, hễ nóng tay thì cất ra, gạt lấy những cái dính vào bát mà tán, pha Hắc phân : 5 phân và nước muối đánh lẫn, khi nó đã đứng lại, thì gạn lấy nước trong mà rỏ.

**125 — Lại bài đau mắt thuốc rỏ nữa.**

**BÀI THUỐC**

Vôi 1 miếng đốt đỏ, rồi bỏ vào nước tiểu tầm.  
 Lòng trắng trứng gà. Phèn chua. Sữa người.

Các vị trộn lẫn đánh tan ra, gạn nước trong rỏ.

**126 — Chữa đau mắt có màng mọng.**

**BÀI THUỐC**

Lấy nụ và lá Cúc áo cho tí muối già kỹ đồ ngoài my mắt, phải giữ đừng cho vào mắt.

**127 — Lại bài đau mắt có màng mọng. (Chữa mọ)**

**BÀI THUỐC**

Cây và rễ Chu me đất, cho tí muối già nát, pha tí giấm thanh, mà đồ đầu ngón tay cái, đau mắt tả, thì đồ bên hữu, đau mắt hữu, thì đồ bên tả, đau 2 mắt thì đồ cả 2 tay.

128 — Đau mắt có màng mỏng. Vẩy mại.

BÀI THUỐC

Lấy dừa cây chuối đại, 2 phân, nghệ 1 phân.

Giã nát 2 vị gói vào lá chuối tiêu cao hấp cơm cho chín vắt lấy nước rửa mắt.

Lại uống Cải rùng, cây Cúc hoa sắc mà uống kỳ khỏi.

129 — Trị đau mắt có vẩy mại lắm tẩm

BÀI THUỐC

Đinh hương. Tế tân.

Các vị đều nhau, tán ra tẩm thuốc vào bông, nhét vào lỗ mũi bên không đau, đau 2 mắt, thì nhét cả 2 mũi, tự nhiên nó rụng.

130 — Chữa mắt mờ tối.

BÀI THUỐC

Mắt đỏ hoa ra mờ tối dùng :

Đỗ đen : 1 bát. Cầu kỷ : 4 lượng.

Nấu dừ ăn càng nhiều càng tốt.

131 — Chữa mắt Quáng gà.

BÀI THUỐC:

Minh Hùng hoàng 1 lượng (nghiền ra bột) cho chén nước đun trên nồi rang, còn độ 5 ly nước, thì gia thêm 1 buồng gan gà giã nát, hòa rượu lãn cả vào mà uống, mỗi ngày 1 bận, 1 tháng khỏi.

132 — Đau mắt vì vôi bản vào.

BÀI THUỐC :

Lấy quả hay lá giành giành sắc ược ửa là khỏi.

133 — Đau mắt có sâu. (Toét mắt).

BÀI THUỐC :

Muối rắc vào đít nồi đồng, rồi đút gặm giường 2 đêm 2 ngày, đoạn gạn lấy nước chảy r ở đ' i ấy mà bôi vào my mắt, sâu sẽ chết.



134 — Lại bài chữa mắt có sâu.

BÀI THUỐC

Hoàng liên. Đổm phàn. Lá Giâu gia.

Các vị đều nhau giã nát mà rịt, cứ làm mấy bận thì sâu sẽ chết.

135 — Đau mắt kinh niên. Đau mắt hột.

Chứng đau mắt này, ở trong nhà thì yên, hễ ra nắng gió, xem sách, thức đêm, hoặc ăn đồ cay nóng, thì lại đau u không đau lắm, mà hay chảy nước mắt ra, quen gọi là đau mắt hột.

BÀI THUỐC :

Mộc nhĩ cây tre : 1 lạng (đốt tồn tính)

Mộc tặc : 1 «

Hai vị tán nhỏ, mỗi liệu 2 đồng cân.

Thang bằng nước gạo nấu uống.

Mục Thắt huyết

136 — Mục Huyết.

BÀI THUỐC :

Máu ra lỗ mũi vì nóng quá. Lấy tỏi giã đồ 2 gan bàn chân.

137 — Lại bài nữa.

BÀI THUỐC :

Khương hoạt : 2 đồng. Huyết dư : 2 đồng (đốt toàn tính)

Bách thảo sương : 2 «.

Các vị tán mịn, một viên như hạt ngô.

Thang : Củ cỏ gianh sao vàng sắc uống liền, 5 viên.

138 — Chữa thồ huyết.

BÀI THUỐC :

Sa tiền : 3 đồng. Sinh địa : 3 đồng. Nhân sâm : 3 đồng.

Các vị tán mịn uống với rượu, nếu chưa khỏi, thì hứng máu chảy ra vào tờ giấy nam mà đốt thành than tán pha vào thuốc ấy mà uống.

**139 — Lại bài nữa.**

**BÀI THUỐC :**

Gan Dê : 1 buồng. Quả vải tươi 10 quả, nếu không có quả vải, thì dùng nước mật mía cho vào mà nấu rồi dùng bột Bạch cập bóp vào gan dê đã nấu chín, thái ra ăn hay lắm.

**Mục giang mai**

**140 — Trị bệnh lậu.**

**BÀI THUỐC :**

Phấn thảo : 2 đồng. Lá Huyết-dụ : 2 đồng.  
Sắc uống lúc đói.

**141 — Trị lậu sinh kén.**

**BÀI THUỐC**

Vỏ cây Ngô đồng. Quách-tử diệp. Cây Cỏ gà.  
Bắc đen ta.

Các vị đều nhau sắc uống.

**142 — Lại bài nữa.**

**BÀI THUỐC :**

Củ cây Ô-rô mọc ở núi. Thái sao vàng hạ thổ sắc uống.

**143 — Tiền tiện huyết**

**BÀI THUỐC :**

Sa tiền : 8 đồng. Sích địa : 3 đồng sắc uống.

**144 — Thuốc chữa bệnh tim la. (Thần hiệu.)**

**BÀI THUỐC :**

Đinh hương. Hồi hương. Quế chi. Hoàng đơn.

Các vị bình phân tán ra rắc vào tờ giấy nam, rồi rắc Thủy ngân lên trên, rồi cuộn làm mồi mà đốt xông vào mũi. Nhưng phải nhớ lúc ấy miệng phải ngậm ngậm nước kéo rưng hết răng.

**Mục Phạm phòng**

**145 — Chữa Phòng tích**

*Chứng Phòng tích làm cho người nóng già, hay ợ đầy hơi.*

**BÀI THUỐC**

Xuyên khung : 1 đồng. Bạch thược : 2 đồng.  
Thược-dược : 2 đồng.





Quy Vỹ :	2 đồng	Chinh sâm :	2 đồng
Bạch phục linh :	3 «	Bạch truật :	2 «
Cam thảo :	2 «	Trần bì :	1 «
Bán hạ :	2 «	Hậu phái :	2 «
Chỉ xác :	2 «	Quế chi :	1 «
Ma hoàng :	1 «	Đại táo :	2 quả.
Tế tân :	5 phân.		

Cho 3 nhát gừng sắc uống.

**146 — Lại bài nữa.**

**BÀI THUỐC**

Đinh hương. Hồi hương. Quế chi. Cam thảo.

Các vị bình phân tán mặt, liều 2 đồng tiền xúc.

Thang : Phân chuột đực (thú rợn đầu).

Lá Cối xay sao sắc cả mà uống.

**147 — Phạm phòng hóa hoàng đàm.**

*Phạm phòng mà trông mọi sự ra sắc vàng cả.*

**BÀI THUỐC**

Lá khế. Lá giâu. Lá Cối xay. Lá ngưu lất.

Các vị đều nhau sắc uống.

Lại lấy nước thuốc xoa bụng.

**BÀI THUỐC :**

Ngải diệp. Chi tử dệp.

Các vị đều nhau, giã ra cho nước sắc lên cho uống nếu cần răng thì cạy hàm răng cho uống

**149 — Lại bài nữa. (Thần hiệu)**

**BÀI THUỐC**

Lấy cỏ gà 1 nắm rửa sạch giã lấy nước cho uống.

**150 — Chũa Thiên trụ.**

*Hạt ngọc hành thọt lên, không đều nhau.*

**BÀI THUỐC :**

Hạt quit : 5 đồng. Nõn tre : nắm. Gạo nếp 1 nắm.

Cho nước nấu kỹ cho uống.

151 — Lại Bài nửa Thiên-trụy

BÀI THUỐC :

Dùng bài bát vị, gia ngư-lất 2 đồng.

Hạt quit : 3 đồng      Rau dứa cạn : 5 đồng (sao)

Các vị sắc uống.

**Mục thuốc BỔ**

152 — Dương Hư bồ

Người vếu hễ ăn vào, thì toát mồ hôi ở mặt ở trán ra, thì là dương hư, nên dùng bài này mà uống :

BÀI THUỐC :

Sơn-dược : 5 đồng (hấp cơm)      Mẫu đơn : 3 đồng (rượu sao)

Bạch-phúc : 3 «      Hoàng-kỳ : 3 « (mật sao)

Chích-thảo : 1 «      Sơn-thù : 3 « (muối sao)

Trạch-tả : 1 « (muối sao)      Thục địa chích 6 «

Đỗ-trọng : 3 « (muối sao)      Ngũ-vị 3 đồng (tầm mật sao phòng)

Phụ-tử : 1 «      Các vị tán viên với mật như hạt đậu

đen, mỗi liều 20 viên gia quan quế, rất tốt.

153 — Thuốc BỔ và đỡ đau mình

BÀI THUỐC

Lấy cả cây cả rễ Cóc-Mẩn, rửa sạch, giã nát ngâm rượu uống, và bóp chỗ đau.

154 — Chữa nghiện rượu

BÀI THUỐC

Thương-nhĩ-tử (quả ké) 7 quả đốt ra than, tán ngậm với rượu uống, thì không thèm rượu nữa.

156 — BỔ mệT nhọc đau lưng lằm

BÀI THUỐC

Hoàng-kỳ : 5 đồng (mật sao)      Đỗ-trọng : 2 đồng (muối sao)

Bồ-cốt-chi : 2 «      Hồng-hoa : 2 «

Thương-truật : 2 «      Độc-hoạt : 2 «

Hạnh-đào-nhục 2 «

Các vị sắc thêm rượu vào uống rất tốt.

Lại lấy cây xương rồng đốt nóng giải giường mà nằm nhẹ mình lằm.



**156. — Bồ gân, bồ cốt**

Người suy nghĩ quá độ, chơi bời quá khứ, nên cốt hư gân yếu, có khi sinh ra kinh-phong, nằm nghiêng về bên phải, rất khó chịu, sườn đau, lưng mỏi, kém ăn, hay ợ.

**BÀI THUỐC :**

Sơn-dược :	3 đồng (hấp cơm)	Thục-địa-chích :	2 đồng
Khởi-tử :	3 «	Nguru-tất :	3 «
Cam-cúc :	3 «	Ngũ-vị :	2 « (mật sao)
Bạch-truật :	3 «		

Các vị sắc uống, hay là ngâm rượu uống.

**157 — Thuốc Đại bồ cho kẻ gầy còm.**

**BÀI THUỐC**

Mia vắt nước, nấu với Kê mà ăn, càng nhiều càng tốt.

**158 — Thuốc Bồ sức.**

**BÀI THUỐC**

Gà sống đen : 1 con, bỏ ruột rửa sạch, bỏ muối và hành 20 củ. gừng sống : 1 củ to thái bỏ nôi đổ nước ngập ; gà đun rõ dù ăn khỏe lắm, nếu không dù thì vô bổ.

**159 — Lại bài Bồ nữa.**

**BÀI THUỐC :**

Hạt Sen bỏ vỏ bỏ cuội đi, mỗi sáng cho 1 lễ gạo với nửa lượng bột sen nấu cháo cho dù, ăn lúc còn nóng, khỏe lắm.

**160 — Lại bài Bồ nữa.**

**BÀI THUỐC**

Thịt nạc lợn : 1 cân ninh với gạo nếp cho dù thành cao mà ăn, nhất là mùa hè nóng nực, đại tiện khó đi, người còm cõi, mà ăn thì tốt lắm, càng nhiều càng tốt.

**161 — Cao chữa Bách Bệnh lớn bé.**

**BÀI THUỐC**

Phong phong.	Đỗ trọng.	Nguru tất.	Thương truật.
Nhân sâm.	Huyết giác.		

- Các vị đều : 2 đồng đề sống.  
 Lại lá tre rà gần mặt đất : 2 đồng.  
 Cây gối hạc (quen giồng cảnh) : 2 «  
 Củ rau răm : 2 lạng.  
 Cây Sơn Thục : 2 đồng.  
 Cây Đâu xươlg : (kỵ sắt) 2 «  
 Tang ký sinh. : 2 «

Các vị nam này sao vàng hạ thổ, rồi cho cả vào cái nồi đất, cho 2 chai rượu sắc kỹ để nguội, rồi để vào chai nút kỹ uống rất bổ. Và chữa mọi bệnh.

## Mục Ngoại khoa

### 162 — Chữa Ngạt khí.

#### BÀI THUỐC

Lấy Sa bặc (Hạt cải) nhai nuốt nước khỏi cổ là khỏi, hoặc sắc nước uống cũng hay.

### 163 — Trị giao đâm, đạn bản, tre gỗ đâm phải (Thần hiệu)

#### BÀI THUỐC :

Đại hoàng : 1 lạng. Vôi : 2 lạng.

Đun 2 vị sao, khi vôi ra sắc đỏ tía là được, đem rây nhỏ, gia tốc trẻ đốt ra than.

Rồi lại bỏ nhũ hương. Một dược. Bồ hoàng.

Các vị đều : 1 đồng tán nhỏ. Lại chuột 1 con chưa mở mắt bỏ vào cái nồi đất đã nặn, bịt đất kín đốt thành than, lấy than chuột trộn với thuốc tán kia bôi chỗ bị thương, rất nghiệm.

Lại nên dùng bài thêm ở trang 81, số bài 288.

### 164 — Thuốc Cầm Máu (Thuốc giấu).

#### BÀI THUỐC :

Lá tre cỏ. Nôn chuối tiêu. Dâu cau.

Ba thứ bằng nhau, nhai cho khô đừng nhả, đắp vào chỗ bị thương khỏi ngay. Lúc làm ai hỏi cũng đừng nói.



**165 — Lại bài cầm máu.**

**BÀI THUỐC**

Búp Bàng giã nhỏ rịt, chóng đầy thịt.

**166 — Lại bài cầm máu.**

**BÀI THUỐC**

Củ Tam-thất tán nhỏ với muội chảo mà sôi.

**167 — Trị Đinh đầu.**

**BÀI THUỐC**

Nếu nó sưng ở mắt, thì lấy nguyên mề gà và gan gà giò, dùng rửa nước.

Cho Hồ tiêu : 3 đồng cân. Đậu xanh cả vỏ : 3 đồng.

Bỏ cả vào bụng gà luộc rõ dừ, ăn cả cái cả nước.

Khi đã vỡ rồi, thì dùng Đinh hương. Hồi hương.

Quế chi. Mẫu đơn. Ngưu tất. Phèn chua. Long não.

Các vị đều nhau, tán hòa rượu sôi đắp.

**168 — Trị Ung Độc.**

Thuốc này chữa các chứng ung độc, mới phải thì tiêu có mủ thì vỡ.

**BÀI THUỐC :**

Càn Ngưu vĩ (cút trâu khô) đốt ra than tán nhỏ.

Rễ cây gai (lá nó dùng làm bánh).

Hai vị đều nhau tán nhỏ, hòa với lòng trắng trứng gà mà đắp.

**169 — Trị Hậu Bối.**

Nó mọc sau vai thẳng xương sống xuống.

**BÀI THUỐC :**

**THUỐC UỐNG TRONG :**

Nhân sâm : 2 đồng. Đại hoàng : 1 đồng. Cam thảo : 1 đồng

Các vị mài nước uống.

**THUỐC ĐỒ NGOÀI :**

Bạch phàn. Hoàng liên. Đại hoàng. Mộc miết tử. Ô lang vĩ.

Các vị đều 2 đồng tán ra.



Rồi làm thịt một gà con trắng lông, mổ bụng rửa, rắc thuốc vào bụng nó, úp vào chỗ đau mà buộc rịt, cứ làm cho đến khỏi mới thôi.

**170 — Trị Tiền Bối, Rọt mọc trước ngực.**

Thuốc uống trong trị Tiền bối :

Bạch truật : 2 đồng. Cam thảo : 1 đồng. Hạnh nhân : 1 đồng.

Các vị mài nước uống.

Thuốc đồ ngoài :

Đại phong tử : 1 đồng. Ô Lang vĩ : 1 đồng.

Các vị tán ra rắc vào bụng gà con trắng lông đã mổ, dùng rửa nước, úp vào rịt đủ 5 giờ lại lấy ra 1 lúc rồi lại rịt, cứ thế cho kỳ khỏi.

**171 — Trị Đinh mọc 2 bên cánh tay.**

BÀI THUỐC :

Tế tân. Mộc thông. Nhân sâm. Cam thảo.

Các vị bằng nhau mài nước uống.

**THUỐC ĐỒ NGOÀI :**

Đại hoàng. Hoàng Cầm, Ô long vĩ.

Các vị mỗi thứ : 2 đồng, tán rắc vào bụng gà trắng đã mổ, kiêng rửa nước úp vào rịt 5 giờ lại nghỉ 1 lúc, lại rịt 5 giờ nữa. Cứ thế đến khỏi.

**172 — Trị Rọt mới mọc.**

BÀI THUỐC :

Nhân hạt Mướp đắng mài rượu bôi luôn cạn thuốc là bớt, bôi luôn sẽ khỏi.

**173 — Lại bài nữa (thần hiệu).**

BÀI THUỐC :

Nõn Mây nhai với mấy hạt muối mà rịt.

**174 — Lại bài nữa.**

BÀI THUỐC :

Chỗ nào mới sưng, lấy móng hóng 7 cái và ráy tai một tí và tói 1 củ giã ra pha dầu nam để nồi rang đun sôi, rồi đổ xuống cửa bếp gi mà bôi, rất hay.

**175 — Trị Hột Cơm mọc ở chân tay.**

**BÀI THUỐC :**

Cấu chảy máu ra, lấy lá Kinh giới hay Tía tô xát vài bận là biến mất. (kinh nghiệm).

**176 — Trị bệnh Bắp Chuối.**

Chứng này sưng ở đầu gối và ống chân.

**BÀI THUỐC :**

Vỏ bưởi đào. Đinh hương. Hồi hương. Quế chi.  
Phèn phi. Long não. Sừng trâu. Nhũ hương.  
Mỗi vị : 5 phân, cho nồi rang phi ra than, tán ra hòa ít rượu, thấm giấy nam mà đắp.

**177 — Trị Hắc Lào.**

**BÀI THUỐC**

Bạch phàn. Ngũ bội, (nửa sống, nửa sao đen). Thanh đại.  
Các vị đều nhau, tán hòa nước muối bôi.

**178 — Trị Chốc Lở, và Đứt máu.**

**BÀI THUỐC :**

Con nhái Bén bọc đất đốt đỏ, tán than nó ra, pha gio nước tiểu bỏ đũa trẻ đại hòa lẫn bôi đắp. Còn đứt máu, thì rắc nguyên than nhái bén là cầm.

**179 — Chữa bị Bông.**

**BÀI THUỐC :**

Gừng sống giã nước nó bôi, bã thì đắp rất hay.

**180 — Lại bài nữa.**

**BÀI THUỐC :**

Rán mỡ gáy lợn với nghệ giã lẫn, lấy mỡ ấy mà bôi rất hiệu nghiệm.

181 — Đau trong Cồ khó nuốt.

BÀI THUỐC :

Lấy 1 trứng vịt bọc đất nung đỏ, bóc bỏ đất và vỏ nó đi lấy khăn tay bọc trứng ấy mà xoa chỗ đau, hễ nguội lại bọc đất như vậy, mỗi cái trứng làm được 2 bận như thế, cứ làm cho đến khỏi.

182 — Trị Rọt mọc ở Mông.

BÀI THUỐC :

Vỏ quả Mướp đốt ra than tán nhỏ trộn rượu mà đồ.

183 — Trị mụn mọc ở đùi.

BÀI THUỐC :

Đậu phụ cắt ra từng miếng. Cam thảo 15 hạt, bỏ 2 v mà nấu lên, hễ thấy đậu phụ vàng sẫm, thì lấy đậu phụ mà giã vào chỗ đau, thay đổi mấy bận như vậy, cứ làm cho đến khỏi.

184 — Trị bệnh Tràng Nhọc.

Tràng nhọc là những mụn hạch mọc ở cồ, hình như cái nhạc ngựa, dần dần lan ra khắp cồ, cũng có khi ở khắp bộ phận khác, nổi hạch rắn như đá không thấy đau, nhưng cũng thuộc về chứng này, phải kịp chữa, kéo dài khi đã đau thì bệnh ra nặng rồi, nó sưng lên thì rất nguy.

Thuốc chữa.

THUỐC TIÊU Ở TRONG.

Cứt chuột : 7 đồng cân. Bã đậu : 3 đồng. Hạt bông : 5 đồng.  
 Các vị giã nát cho vào bụng con gà, mổ lau sạch, song kiêng rửa nước, dùng giấy nam bọc gà, lại lấy đất sét giẻo bọc ngoài mà đốt đỏ, đợi khi hết khói lấy ra để nguội, tán cả gà cả thuốc bỏ đất đi, rồi hồ viên như hạt đậu đen, mỗi liều 10 viên, lòng không thang với rượu, độ 15 ngày thì tiêu hết.



185 — Lại bài nữa.

BÀI THUỐC

Lấy Cải rùng, nếu có mủ thì dùng cả rễ nó.

Lá và nước, thứ đồ cạnh. Hoa Kim ngân.

Các vị đều nhau, sao vàng, hạ thổ sắc pha mấy hạt muối mà uống.

Uống thuốc này, thì nó giương lên đữ, song cứ uống thì sẽ dịu dần.

186 — Trị Tràn nhạc, thuốc rịt.

BÀI THUỐC :

Muốn cho chóng vỡ mủ, thì lấy lá mùng tơi, lá xoan non giã nát lấy lá chuối tiêu mà bọc, hơi nóng mà rịt.

187 — Lại bài rịt nữa

Nếu nó đã loét ra thì tốt, nếu chưa loét ra, thì phá thối cho loét mới rịt rắc thuốc này được.

Vậy lấy lá Táo rịt hút hết mủ, độ 3, 4 đêm rồi lấy Nôn Mây giã pha tí muối rắc thuốc sau đây vào mà rịt.

Thuốc rắc.

Hùng hoàng : 1 lạng. Phụ tử : 1 lạng. Khương : 1 lạng.

Các vị tẩm rượu sao tán rắc vào miếng thuốc rịt như đã nói ở trên.

Phải nhớ, nếu đã uống thuốc tiêu rồi, thì chớ có dùng bài này mà nhớ.

188 — Lại bài trị Tràn Nhạc (Thần hiệu)

Thuốc Đờ.

Hoàng lap : 1 lạng. Hoàng liên : 1 đồng. Long não : 1 đồng

Cam thảo : 1 đồng. Hồ tiêu : 1 « Quan quế : 1 «

Đông-hương : 1 « Hồi hương : 1 « Thảo quả : 1 «

Các vị tán mịn, hòa dầu trong và Hoàng lap để trên nồi rang nếu cách hỏa cho sôi, để nguội mà đờ.

**189 — Lại bài trị Tràng Nhạc.**

**BÀI THUỐC :**

Lá lốt giã nát bỏ vào lá chuối tiêu cao mà nướng rồ nóng mà rịt.

Còn trong thì uống lá và nước, cây cải rừng, hoa Kim ngân như đã nói trên số 185.

**190 — Trị Sâu Quảng.**

**BÀI THUỐC**

Búp vôi. Búp Sài. Lá Phèn đen:

Các vị này đều nhau giã ra mà rịt, thay đổi với giầu không, vôi, thuốc lao giã mà rịt.

**191 — Trị các thứ bệnh Trĩ. (Kinh nghiệm).**

Thuốc này chữa các chứng Trĩ, và sâu ăn thối nát thịt, bất kỳ ở bộ phận nào. Trị cả sâu quảng.

**BÀI THUỐC**

Xương gà sống đen toàn, dùng : 1 phần.

Hùng-Hoàng dùng : 2 phần.

Xác rắn đốt ra than, dùng : 2 phần.

Các vị tán đều mà rắc, hun.

**Cách Hun thuốc.**

Lấy nhiều nhũ hương bỏ bát mà đốt, rồi đổ thuốc vào nhũ hương; rồi tán nhỏ các vị ấy, rải vào tờ giấy nam lấy đĩa quận lại gián mép giấy rút đĩa ra, rồi đốt; phải làm bù dài hừng khói xông thẳng vào chỗ đau, cứ làm mấy bận như thế thì sâu sẽ chết, và thịt sẽ đầy lên dần dần là khỏi.

Bài này đã kinh nghiệm lắm, dù các thứ thuốc tây nam chữa không khỏi, mà cứ làm như đã nói ở bài này, thì thế nào cũng khỏi.

**191 bis — Lại còn 2 bài trị các thứ Trĩ**

Các thứ ung sâu rất kinh nghiệm, kê sau đây.

**192 — Trị đĩa vào tai, tai bị có Sâu giòi.**

Hoặc đĩa vào tai, hay sâu bọ gì. hay bị dấu tích gì mà tai có giòi bọ, thì trị được cả. Trị cả loài vật nữa.

**BÀI THUỐC**

Măng tre. Lá đào. Đại hồi hương.

Các vị đều nhau giã nát vắt nước rỏ vào thì dù sâu bọ gì cũng phải ra ngay.

**193 — Lại bài nữa.**

**BÀI THUỐC**

Đĩa vào tai, thì rỏ mật ong vào, nếu vào bụng, thì uống mật ong, tức khắc nó phải ra ngay.

**194 — Trị Hóc xương gà**

**BÀI THUỐC**

Nước dãi con chó béo, mà uống vào thì khỏi ngay.

Cách lấy dãi chó : treo 2 chân lên dốc đầu xuống thì dãi chảy.

**195 — Lại bài nữa.**

**BÀI THUỐC**

Giã cây gai (thứ vẫn làm bánh gai) giã lấy nước cho uống, thì xương gà ra ngược hay xuôi xuống.

**196 — Lại bài nữa.**

**BÀI THUỐC :**

Người bị hóc cần lấy giầy ở gốc cây Đậu Ván - xé , ngược lên nhai nuốt nước thì khỏi ngay.

**197 Trị Hóc xương cá.**

**BÀI THUỐC :**

Lấy đoạn giầy Đậu Ván từ gốc lên độ 1 thước ta, (kỵ sắt) đem giã nhỏ vắt nước uống vào là khỏi.

**198 — Chữa Hóc các thứ.**

**BÀI THUỐC**

Tuốt lá Phèn đen giã vắt nước cho uống là khỏi.

**199 — Chữa Say Sắn.**

**BÀI THUỐC :**

Giã nước cua đặc cho uống là khỏi. Chớ xoa thuốc gió kéo không thể cứu được.

**200 — Chữa Bị ngã, Bị Đòn Đau.**

Nếu bị gãy xương, hoặc bị giập xương, hay là sai khớp xương.

Nếu bị gãy, thì phải lấy tay lấp lại cho đúng khớp.

Nếu bị giập từng mảnh, thì chắp cho phải chiều. Nếu bị trật khớp xương, thì phải nắn cho vào đúng khớp, rồi làm thuốc bó như sau :

**Thuốc Bó :**

Quế-chi. Đại hồi. Tiêu hồi. Đinh hương.  
Huyết giác. Thương truật. Lá chanh.

Các vị bằng nhau tán ra, rồi gà 1 con bằng nắm tay và cơm nếp 1 bát giã kỹ trộn với thuốc mà bó. Ngoài lấy mảnh tre kẹp 4 bên giữ lấy khớp xương,

**201 — Lại bài nữa.**

**BÀI THUỐC :**

Quế chi. Đinh hương. Đại hồi. Thảo quả.  
Thương truật. Hoàng bá. Lão thảo. Huyết giác.  
Các vị đều 1 lượng tán mịn.

**Cách dùng :**

Vỏ gạo. Vỏ Ngô đồng, giã ra, hòa 1 nửa thuốc vào giã kỹ, mà nắn bó như đã nói ở bài trên.

Còn 1 nửa thuốc, thì uống với rượu, mỗi liều 5 đồng tiền xúc, hết lại cứ thế làm cho khỏi.



**202 — Chữa ngã đau không gãy xương.**

**BÀI THUỐC :**

Lão thảo, Hoàng bá. Quế chi. Huyết giác. Thương truật.

Các vị đều : 5 đồng. Đinh hương : 3 cái. Thảo quả : 2 đồng rưỡi.

Các vị tán mịn pha rượu nửa uống, nửa bóp.

**203 — Chữa bị ngã trên cao.**

*Khi ngã ở trên cao xuống, huyết tụ vào tim mé đi.*

**BÀI THUỐC :**

Lấy 1 nắm lá Trạch lan đập giã lấy nước pha đồng tiện cho uống tỉnh ngay.

**Mục Bị Nọc Độc cắn**

**204 — Bị các giống Độc cắn**

*Hoặc Thạch sùng, hoặc chó dại cắn.*

**BÀI THUỐC**

Hùng hoàng. Rêu cau, 2 vị bằng nhau tán ra hòa nước chanh uống, bã đắp.

Nếu phải chó dại cắn, thì lấy cây nhọ nồi.

Cam thảo. Hoàng liên : 2 vị bằng nhau giã ra sắc cho nó uống cho đủ bách nhật.

**205 — Thuốc chữa chó Dại cắn.**

*Bài này đã kinh nghiệm rất thần hiệu.*

**BÀI THUỐC**

Khương hoạt : 2 đồng. Hồng Tử Hồ : 3 đồng.

Độc-hoạt : 3 đồng. Cát cánh : 5 đồng.

Tiền hồ : 3 « Hỏa ma nhân : 2 «

Chân văn đảng : 3 « Chi xác : 2 «

Linh địa du : 1 lượng. Trúc tử căn : 1 lượng.  
 Phục linh : 5 đồng Cam thảo : 3 đồng.  
 Xuyên khung : 3 đồng. Cỏ Sả : 3 đồng.1

Thuốc này sắc 3 nước, mà uống có 2 nước, nước thứ 1 khi ngủ được 1 giấc rồi mới uống, phải kiêng cả ngày hôm ấy không được đi đâu, không được gội đầu, và kiêng thịt mỡ, nam 7 ngày, nữ 9 ngày, khi đã được nước thứ 3, thì lấy nước thuốc ấy mà xoa cả mình, rồi mới được uống 2 nước kia.

Khi bị cắn ở chân tay và đầu gối, hay ở mặt, thì độc lắm, phải uống đủ 3 chén, uống chén thứ 1 ba ngày, rồi mới uống chén thứ 2, từ chén thứ 1 đến chén thứ ba, thì ngày thứ 9 mới uống. Giữ đúng như đã nói trên đây, thì kiến hiệu lắm.

### 206 — Lại bài nữa.

#### BÀI THUỐC

Giã lá và, mậm mia dò, vắt nước pha hùng hoàng uống. Hay là lá cây Sanh, lá cây Móng tay giã ra lọc nước mà uống, dù lên cơn, uống cũng khỏi.

### 207 — Cách thử chó Đại căn.

#### BÀI THUỐC:

Lấy lá Sả giã nát vắt xương sống, từ gáy xuống dưới thắt lưng, xem chỗ nào đỏ, như sợi chỉ đào, thì là nọc nó, nếu nó lên đến gáy thì chết, phải xát xuôi.

### 208 — Chữa bị chó khôn cắn (kinh nghiệm)

*tán vài hạt Hồ tiêu rắc vào là khỏi ngay.*

### 209 — Bị Thạch Sùng cắn.

#### BÀI THUỐC :

Ăn quả chanh nướng giã nọc độc, hay là giã hạt chanh sắc đặc mà uống.

### 210 — Bị Chuột cắn.

#### BÀI THUỐC :

Lấy dãi mèo nhỏ vào chỗ cắn, nếu sinh ra quáng mắt thì phải ăn thịt mèo.



**211 — Chữa Rắn cắn.**

**BÀI THUỐC :**

Dù xem ra đã chết mặc lòng, nhưng cứ rơ tóc xem, chàm tóc còn trắng, thì còn chữa được, bằng đã đen, thì chết rồi. Nếu chân tóc còn trắng, thì dùng : Vị củ Hà Thủ ô mài nước lã cho nó uống, cấy răng đồ vào, bã rịt nơi nó cắn, thì sẽ sống lại.

**212 — Lại bài chữa Rắn cắn.**

**BÀI THUỐC**

*Lấy hạt Sỏi nhai nuốt nước, bã đắp.*

**213 — Lại bài nữa (kinh nghiệm)**

**BÀI THUỐC**

Cây Lác cỏ Kèn có 3 cạnh, lấy cả cây cả rễ cả lá, rửa sạch băm nhỏ, sao vàng hạ thổ sắc uống, uống vào đến đâu, thì nọc tan ra đến đấy, liền khỏi.

**Mục Bệnh Răng**

**214 — Trị Ung Xi**

**BÀI THUỐC**

*Bệnh này bởi độc nhiệt phát ra ở răng, ở lợi*

**BÀI THUỐC**

Hoa Kim ngân : 8 lạng, sao sắc lấy 6 bát nước, rồi bỏ bã, thêm những vị sau này mà sắc :

Nhũ hương : 5 đồng. Cam thảo : 1 lạng. Một dược : 5 đồng.

Đương quy : 1 lạng. Xuyên khung : 3 đồng.

Các vị sắc đúc lại : lấy 1 chén ; pha rượu, và vị Hùng tinh : 5 phân, Xạ hương : 1 ly, uống độ 3 chén, bớt lại uống cho kỳ khỏi.

**215 — Lại bài nữa**

**BÀI THUỐC**

Nhai rau Răm mà đắp ; trong uống thuốc số 214.

**216 — Trị Rức Răng (kinh nghiệm)**

**BÀI THUỐC**

Phòng phong : 5 đồng, Long đởm : 2 đồng rưỡi.  
 Tế tân : 2 đồng rưỡi, Cam thảo : 2 đồng rưỡi.  
 Thăng ma : 5 đồng.  
 Các vị tán mịn, mỗi liều : 3 đồng tiền xúc với nước nóng.

**217 — Lại bài trị Rức răng. (Kinh nghiệm)**

**BÀI THUỐC**

Lá chanh bánh tẻ tuốt bỏ xương sống đi, giã kỹ cho tì muối mà ngậm, êm dịu ngay.

**218 — Thuốc xia Sâu răng (tối hiệu)**

**BÀI THUỐC**

Phèn phi : 2 phân. Long não : 1 phân. Hồ-tiêu : 5 hạt.  
 Các vị tán mịn pha bột găng xia.

**219 — Thuốc Mộng răng**

**BÀI THUỐC**

Long não : 1 phân. Vỏ Thạch lựu : 2 phân (sao khô)  
 Ngũ bội : 5 phân (sao đen) Nụ đinh : 3 cái  
 Tế tân : 2 phân.  
 Các vị tán xát răng lợi.

**022 — Lại bài nữa.**

**BÀI THUỐC**

Đại hoàng : 1 phân. Gừng sống : 1 phân.  
 Các vị tán ra cho ít nước đun nóng ngậm.

**221 — Trị Đau răng tại yếu thận. (kinh nghiệm)**

**BÀI THUỐC**

Hột Vải : 1 hột. Muối : 1 nắm bọc cho kín hột Vải, mà nướng kỹ trên nồi rang, rồi tán xát chân răng, khỏi đau ngay.





## Mục chữa Lục Súc

### 222 — Chữa gà toi.

#### BÀI THUỐC

Khi mới phải, cho nó ăn tép tươi cũng khỏi.

### 223 — Đề Phòng bệnh gà toi. (Kinh nghiệm)

#### BÀI THUỐC

Men rượu : 5 phân. Cám : 5 phân. Nước lá Khế : 1 chén.  
Các vị tán trộn lẫn với gạo nhét cho mỗi con 1 viên.

### 224 — Lại bài nữa (kinh nghiệm)

#### BÀI THUỐC

Gạo ngâm nước vôi loãng cho gà ăn mỗi chủ nhật vài bận, thì không toi nhưng cho ăn nhiều quá thì ít đẻ.

### 225 — Trị gà toi và lợn toi

#### BÀI THUỐC.

Thuốc xông chường.

Bồ kết. Thương truật. Tề tân. Long não. Lá nhãn.

Các vị đều nhau, tán nhỏ rắc thuốc vào chậu than, đốt rồi cho vào cốt quây kín, dậy xông cho gà và lợn độ 20 phút.

Thuốc uống trong,

Hạt Ba đậu. Dầu vừng. Dưa Lủ đủ.

Các vị tán pha lẫn cám cho nó ăn.

### 226 — Trị lợn toi (kinh nghiệm)

#### BÀI THUỐC

Đốt lá nhãn vào máng nó quen ăn, lấy thuốc xông cho gà như đã nói số 225, rắc thuốc vào máng rồi đốt, đoạn úp máng xuống trên thuốc. Rồi giã lá sắn giây, hay củ gừng hòa cám, lật máng ấy lên đồ cho nó ăn.

Lại đồ nước Cua cho nó uống. Và quét vôi vào khắp mình nó.



## 227 — Chữa lợn và trâu bò toi

Thuốc Xông.

Tô mộc. Hồng hơ. Hai vị đều nhau tán ra rắc vào chậu than, để vào chuồng kín mà xông.

### Thuốc uống trâu bò lợn toi

Xác rắn đốt ra than. Nõn chuỗi tiêu già lấy nước, thêm hồ viên như hạt ngô, lợn mỗi liều 15 viên. Trâu bò mỗi liều 20 viên. Mài thuốc với thang sau này : Lọc nước vôi trong đã bóp với mồng hóng trộn với cám, cháo cho nó ăn.

Nếu trâu bò bị đại tiểu tiện, thì lấy Phan tải diệp sắc cho nó uống.

Đừng cho nằm, kéo nó phát ách, và cuồng chân.

## Mục bệnh Phụ nữ

### 228 — Thuốc Điều Kinh

*Con gái nên uống bài này.*

#### BÀI THUỐC

Bạch phản phi : 1 lạng, Kinh giới Tuệ : 2 lạng.

Cất kim : 2 « (tầm đồng tiền 9 bản sao đen).

Các vị tán mịn viên như hạt đậu đen, mỗi liều : 15 viên, thang với rượu (uất kim là nghệ dùng thứ xanh tốt).

### 229 — Điều Kinh chữa hữu sinh vô dưỡng

Đàn bà có chồng uống bài này.

Đàn bà kinh không đều nên không có con, hay là có con mà khó nuôi được, uống bài này tốt lắm.

#### BÀI THUỐC

Can khương. Xuyên tiêu. Hương phụ (Tứ chế)

Bạch liễm. Phục linh. Tần bì. Xương bồ. Hậu Phác.

Quế tâm. Nhân sâm. Ngưu tất. Sa sâm. Bạch cập. Trần bì.

Các vị đều 3 đồng tán viên như hạt ngô. Mỗi liều 10 viên với nước nóng.

Đàn ông uống bài này, thì bổ khí dễ có con, đàn bà có thai, thì thôi uống kéo sinh đôi. Con gái chưa có chồng, không nên uống bài này.



### 230 - Thuốc Bồ huyết Điều kinh

Thuốc này chẳng những bồ huyết điều kinh mà lại trị cả bệnh tiền sản, hậu sản nữa.

#### BÀI THUỐC

Ích mẫu : 1 cân. (rửa sạch phơi khô sao).

Đương quy : 2 lạng. Mộc hương : 2 lạng. Xích thược : 2 lạng.

Sa nhân : 2 lạng. Hương phụ tứ chế : 2 lạng.

Ngải cứu : 2 lạng sao. Trạch lan : 2 «

Các vị tán mịn, một viên như hạt đậu đen, mỗi liều 20 viên.

Đàn bà có thai đau bụng xuất huyết, thai không yên thì thang nước cơm hay là dùng vị Tần bì. Đương quy mỗi vị : 1 đồng sắc làm thang thì càng tốt.

### 231— .Chữa Kinh nguyệt chẳng thông

Đàn bà huyết không thông, lại sinh ác huyết, thì dùng :

#### BÀI THUỐC

Ngũ linh chi : 5 đồng, tầm giấm thanh, đoạn ngâm rượu mà uống.

### 232 — Lại bài nữa

#### BÀI THUỐC

Quan quế. Ngô thù Long não. Hồ tiêu. Xuyên khung Nghệ xanh. (tầm đồng tiện 9 ngày đêm) Quy vĩ (tầm rượu).

Các vị tán mịn hồ viên như hạt đậu đen, liền 10 viên hòa với rượu.

### 233 — Đàn bà huyết bạch bất chi

#### BÀI THUỐC

Bạch ngư. Tỳ ma diệp. Hai vị đều nhau giã ra cho một bát nước sắc uống lúc đói.

### 234 — Lại bài khí hư, Huyết bạch (Thần hiệu)

#### BÀI THUỐC

Củ Tam thất thái ngâm 1 đêm với nước gạo, sao, tán. Lại chim câu non ninh dừ cả ruột, rắc bột Tam-thất vào, ai đun dừ ăn hết cả cái cả nước, mỗi bận rắc bột Tam-



thất 5 đồng cân.

Ăn 3 lạng Tam Thất như thế, rồi uống bài Thập toàn đại bổ, nhưng phải khử vị Thục địa đi đừng uống.

**235 — Chữa đàn bà khí hư (Thuốc mường)**

**BÀI THUỐC**

Lá Mía dò, sao vàng hạ thổ sắc uống kỳ khỏi

**236 — Lại bài nữa**

**BÀI THUỐC**

Sinh bạch quả 10 hạt giã nát.

Mỡ lợn : 1 đồng Đường trắng : 1 muôm. Nước làm Đậu phụ nấu các vị ấy ăn lúc đói; cứ ăn thế 1 tháng khỏi.

**237 — Trị Sản hậu các chứng cả Sản môn**

**BÀI THUỐC**

Hoa dâm bụt đỏ 3 cái. Hoa dâm bụt trắng 3 cái  
Ngọn Thanh hao 6 ngọn (lấy ở chồi Thanh hao cũng được)

Cách dùng : Hoa Thanh hao đốt ra than, tán ra, hòa với nước hoa dâm bụt đã sắc, mà uống khỏi ngay,

(Đã kinh nghiệm)

**238 — Chữa Huyết Băng (kinh nghiệm)**

**BÀI THUỐC**

Lá Nhãn 1 nắm sao vàng hạ thổ, rau răm 1 nắm sao vàng hạ thổ sắc uống bớt dần, 3 ấm khỏi hẳn.

**239 — Lại bài nữa (kinh nghiệm)**

**BÀI THUỐC**

Vỏ trứng gà lang 9 cái, rửa sạch, sao vàng, hạ thổ sắc uống ba bận là khỏi.

**240 — Đề phòng Sản Hậu (kinh nghiệm)**

**BÀI THUỐC**

Khi vừa đẻ rồi, mà uống cây Mần tưới tía sao vàng hạ thổ sắc với 3 nhát gừng mà uống, thì trừ được mọi chứng sản hậu. Thuốc này lại trừ được Huyết vậng, chớ khinh thường rẻ tiền.

241 — Có thai cứ nôn ọe khan mãi (kinh nghiệm)

BÀI THUỐC

Hương phụ : 1 lạng (tứ chế) Sa nhân : 1 lạng.

Các vị sao vàng tán nhỏ.

Thang : Lá Tử tô sắc uống mỗi bận thuốc : 3 đồng tiền xúc.

Cũng nên ăn canh lá Tử tô để an thai.

242 — Thuốc giúp đến lúc sinh mà khó sinh

BÀI THUỐC

Đã tới ngày nả khó sinh thì dùng :

Muội nôi : 5 phân. Cứt giun : 5 phân. Gia giầy giếp cũ : 5 phân, (đốt thành than). Mài các vị ấy với chén nước gạo uống dễ sinh.

243 — Khi sinh, Bọc thai chẳng xuôi

BÀI THUỐC

Rễ cau mọc đều trên mặt đất : 1 đồng cân. Mảnh sành 1 năm, sắc uống liền xuôi.

## Môn Cầu Tự

244 — Thuốc Cầu Tự (đàn ông uống)

BÀI THUỐC

Xa tiền. Đỗ trọng. Quế tâm.

Ngũ vị. (tầm mật sao phồng) Nhục Thuong dung (rửa rượu)

Viễn chí. Bạch linh. Càn khương. Bạch phản. Lá giầu (sao)

Các vị đều nhau tán mịn, mỗi liều 5 đồng tiền xúc.

Thang với rượu.

245 — Thuốc cầu tự, cả 2 vợ chồng cùng uống.

BÀI THUỐC

Ngô thù 5 lạng. Lê tân : 5 lạng. Bạch cập ; 2 đồng.

Nhũ hương : 5 đồng. Đương quy : 2 đồng (rửa rượu)

Các vị tán mịn, một viên như hạt ngô.

Mỗi liều 10 viên, ngày 3 bận uống thang với, rượu hết 6 tháng có thai, thì thôi uống kéo sinh đôi.



**246. — Lại bài nữa 2 vợ chồng cùng uống.**

**BÀI THUỐC**

Ngô thù: 5 đồng. Bạch cập: 5 đồng. Đương quy: 1 lạng (rửa rượu)  
 Tế tân : 1 lạng. Ngưu tất : 1 lạng. Hậu phác : 1 lạng.  
 Phục linh 7 phân. Một dược 7 phân. Nhũ hương: 1 đồng.  
 Quế chi 1 đồng.

Các vị tán viên như hạt ngô, liều 15 viên với rượu.

**247. — Thuốc cầu tự (Đàn bà uống)**

*Thuốc này chữa cả hữu sinh vô dưỡng, cả kinh nguyệt không đều.*

**BÀI THUỐC**

Bạch phân phi 1 lạng. Kinh giới tuệ 2 lạng.  
 Uất kim 2 lạng. (tầm đồng tiền 9 đêm ngày sao đen)  
 Các vị tán mịn viên như hạt đậu đen.  
 Mỗi liều 20 viên thang với rượu.

**248. — Lại cầu tự. (Đàn bà uống)**

**BÀI THUỐC**

Nếu đã uống các bài khác mà không kiến hiệu, thì uống bài này chỉ trong 14 hôm là kiến hiệu.

Hương phụ (tứ chế)	Bạch liêm.	Hồ phách.
Bán hạ	Đỗ trọng.	Quan quế.
Hậu phác.	Thạch cao.	Tần giao.

Nhục thung dung (rửa rượu)

Các vị đều nhau tán mịn, viên như hạt ngô.  
 Mỗi liều 15 viên uống với rượu.

**249. — Chữa bệnh hay ghen.**

**BÀI THUỐC**

Xích thử mễ	Dỹ nhân	Thiên môn đông
-------------	---------	----------------

Các vị bình phân, tán viên với mực nam, cả đàn ông và đàn bà uống khỏi ghen ngay.

## Mục chữa tiểu-nhi

### 250.— Trị trẻ sơ sinh không khóc

#### BÀI THUỐC

Trẻ mới sinh không khóc được, vì tuyệt khí, thì không được cắt rốn vội, kip lửa hơi bánh rau cho uống, hoặc lửa hơi cuống rau cho thật nóng, để khí nó vào bụng đứa trẻ, lập tức khóc ngay ; nếu vội cắt cuống rau ngay thì không cứu được. (đã kinh nghiệm nhiều)

### 251.— Tiểu nhi khai khẩu (rất thần hiệu)

#### BÀI THUỐC

Khi trẻ vừa sinh mà cho uống thuốc này, thì trừ được chứng kinh phong từ bé đến già.

Xuyên sơn giáp : 1 phiến                      Phòng phong : 2 đồng  
Cam thảo : 5 phân. Các vị sắc đặc cho uống độ 2 thìa, hai ngày sau đi đại tiện ra phân đen là nghiệm.

### 252.— Thuốc trừ đậu sỏi, từ lúc mới sinh

#### BÀI THUỐC

Đợi khi cuống rốn trẻ mới sinh rụng, lấy miếng ngói mới đặt xuống, để rốn ấy trên ngói, rồi đặt miếng ngói khác lên trên, đem đốt thành than, không nên đốt quá, khi nào hết khói là được, đem ra lấy cái bát úp than ấy xuống đất một lúc để hết hơi lửa. Rồi đem cân xem than rốn nặng bao nhiêu ; nếu ăn 1 phân, thì lấy Thần sa 5 ly, hai thứ cho vào bát tán thật nhỏ.

Rồi lấy Đương quy 1 đồng. Phòng phong 1 đồng. lấy nước chõ chảy 3 thìa, sắc đặc cho thuốc tán ấy vào cho nó uống hết. Ba ngày sau mình trẻ có một vài mụn sang, hễ gặp đóng vẩy, thì khỏi, từ bé đến lớn sẽ khỏi đậu sỏi.



**253.— Thuốc trừ bệnh sài từ mới sinh**

**BÀI THUỐC**

Lấy Hoàng liên một phân giã pha với Đường phèn rồi hấp cơm, lại lấy miếng cam thảo làm như thoi bút thấm vào thuốc ấy cho trẻ mút độ 12 giờ, thì trừ được sài đẹn về sau.

**254.— Thuốc tắm trẻ mới sinh**

**BÀI THUỐC**

Hoàng liên 5 phân giã nấu với nước lã tắm cho trẻ từ bé mới sinh, cứ làm như vậy mười bận, thì sau đỡ sài và nhẹ dạu sỏi.

**255.— Trị tiêu nhi ho**

**BÀI THUỐC**

Thanh môn thạch : 1 lượng.

Riêm tiêu: 5 đồng

Hoàng lap : 2 đồng

Các vị tán mịn, nặn nồi đất nhỏ, bỏ thuốc vào, bịt đất kín đốt đỏ, rồi lấy thuốc ra tán mà uống với bạc hà sắc, mỗi liều 5 phân.

**256.— Lại bài Bách hoa cao**

*Chữa tiêu nhi ho*

**BÀI THUỐC**

Xuyên bối mẫu 3 đồng. Tán nhỏ, hòa với mật ong cho chén hấp cơm, lọc kỹ cho uống, kéo lọc giới, thì càng ho thêm.

**257.— Trị tiêu nhị ho suyễn**

*Nếu ở sinh trong bách nhật mà ho suyễn, thì là điềm không hay.*

**BÀI THUỐC**

Xuyên bối mẫu: 5 đồng. Cam thảo: 2 đồng, 1 nửa sống, 1 nửa nướng chín. Các vị tán luyên viên với đường to bằng hạt đậu xanh, mỗi liều 1 viên mài với nước cơm, lọc cho kỹ kéo vương cổ sinh ho thêm.



**258— . Trị tẩu má nha cam**

**BÀI THUỐC**

Hùng hoàng. Nhân trung bạch (cẩn nước đá) sao khô.  
Xạ hương. Bạch phân. Thanh đại.

Các vị đều nhau, tán ra vừa uống vừa bôi.  
Thang nước cơm.

**259.— Trị tiêu nhi cam lở miệng**

**BÀI THUỐC**

Thạch lãnh, Cam thảo. Hoàng đơn  
Các vị đều nhau tán bôi.

**260.— Lại bài nữa**

**BÀI THUỐC**

Hoàng liên Hoàng bá. Các vị đều nhau tán bôi.

**261— . Trị tiêu nhi cam răng**

**BÀI THUỐC**

Bạch chỉ, Hoàng liên, Sử quân tử. Thanh đại.

Các vị đều nhau tán mặt pha mặt lợn uống mỗi liều [1]  
đồng tiền xúc thang nước cơm.

**262— . Trị tiêu nhi tia lưới lở miệng**

**BÀI THUỐC**

Lá xa tiền : 5 phân. Rau má đề 5 phân. Lá toan tương 5 phân  
Rễ giâu tuốt gia bỏ ruột tằm muối, sao vàng.

Hoạt lộc thảo. Các vị đều nhau giã nhỏ lấy nước, rồi lấy  
cam thảo 5 phân, Bạch phân 5 phân, Nhục quế 5 phân

Các vị mài với nước ấy, lấy vải lọc bã, rồi lấy lông gà  
thấm thuốc quét vào liền khỏi.



**263 —. Trị các chứng cam sài**

**BÀI THUỐC**

Hồ hoàng liên 3 đồng Xuyên liên 5 đồng. Lô Hội 4 đồng.  
 Vô Ri 5 đồng Sử quân tử 3 đồng (sao đen)  
 Hà thủ ô sao 2 đồng Xuyên mộc hương 1 lạng. Ngũ bội 7  
 phân (sao đen)

Các vị tán mịn pha mật lợn viên như hạt đậu nhỏ  
 Mỗi liều từ 3 đến 5 viên tùy tuổi, thang nước cơm.

**264 —. Lại bài nữa (kinh nghiệm lắm)**

Sử quân tử 3 đồng (sao đen)	Lô Hội 4 đồng (chung)
Thanh đại 2 đồng	Vô Ri 3 đồng.
Xuyên hoàng liên 5 đồng	Hồ hoàng liên 3 đồng.
Mạch nha 3 «	Sơn tra 3 đồng,
Thần khúc 3 « (nướng)	Thịt cóc lấy 2 mông nó
Dạ mênh sa 3 « (Cho vào nước lắc lấy hạt sạch sáng)	

Các vị tán cho mật lợn luyện viên như hạt đậu con  
 mỗi liều 3 đến 5 viên tùy tuổi thang nước cơm.

**265 —. Trị tiêu nhi cam lở các chứng**

**BÀI THUỐC**

Cốt tinh 5 : phân. Thanh đại : 5 phân. Cửu khổng 5 phân  
 Hoàng liên : 5 phân. Hoàng bá : 2 phân. Ngũ bội : 5 phân  
 (sao đen) Nga truật : 5 phân. Ô tặc cốt : 5 phân, Khô phân 5 phân  
 Bình lang 2 phân. Các con nhỏ đốt ra than, gan lợn 1 đồng

Các vị tán viên như hạt đậu nhỏ, uống từ 2 đến 8 viên  
 với nước cơm,

**266 —. Trị tiêu nhi thớ bất chi**

**BÀI THUỐC**

Bạch phân phi tán ra hoà nước uống

**267 —. Trị tiêu nhi sơ sinh trớ sữa**

**BÀI THUỐC**

Nga truật : 1 phân. Muối băng hạt đậu đen. 1 chén , đun vng

sôi độ 4, 5 bận mài thêm Ngưu Hoàng bằng 2 hạt gạo con uống.

**268.— Trị tiêu nhi mưa thỏ**

**BÀI THUỐC**

Ngũ bội tử: 1 chiếc. (1 nửa đề sống 1 nửa sao đen)  
Cam thảo 1 tấc (chích) tán nhỏ, uống mỗi liều 2 đồng tiền xúc với nước cơm.

**269.— Trị tiêu nhi thai nhiệt lở ngứa.**

*Tiêu nhi thai nhiệt sinh sang lở ngứa khốc không bú.*

**BÀI THUỐC**

Huyết dư 2 đồng (đốt) Lá khồ sâm 2 đồng (sao),  
Các vị tán nhỏ hòa với dầu nam mà bôi.

**270.— Lại bài nữa.**

Tuệ kinh giới. Bèo vản (thứ ở sống có dọc tía)  
Nấu 2 thứ mà tắm. Rồi lấy Huyết dư khô. Lá khồ sâm,  
2 vị bằng nhau tán nhỏ, hòa dầu trong bôi.

**271.— Trị tiêu nhi cam sang mọc quanh tai.**

**BÀI THUỐC**

Nhai gạo nếp cho nhỏ mà bôi.

**272.— Trị tiêu nhi tai có mũ.**

**BÀI THUỐC**

Huyết dư khô tán nhỏ, lấy bông hay lông gà ngoáy sạch mũ,  
rồi thổi thuốc vào.

**273.— Trị tai tiêu nhi chảy máu.**

**BÀI THUỐC**

Bồ hoàng sao đen tán nhỏ, lấy lông gà hay bông ngoáy sạch  
máu, rồi thổi thuốc vào.



**274.— Trị tiểu nhi sài óc.**

*Trẻ đau tai có mũ máu; có khi sưng ra ngoài là sài óc.*

**BÀI THUỐC.**

Mỡ gáy lợn : 2 đồng. Đinh hương : 10 cái.

Hoàng lap chế : 2 đồng.

Các vị tán quấy đều mà đồ.

**275.— Lại bài nữa.**

**BÀI THUỐC**

Hoàng liên. Đinh hương. Xuyên khung. Đại hoàng,

Các vị bình phân tán mịn, mài giã thanh đồ ngoài tai.

**276.— Trị tiểu nhi sài tiện cổ tay.**

**BÀI THUỐC**

Bạch phân phi. Hoàng đơn. Thần xa. Chu xa.

Các vị bình phân tán mà rắc.

**277.— Trị tiểu nhi cảm mạo sài giật chân tay.**

**BÀI THUỐC**

Lấy quả bồ kết đốt ra than, mài với đồng tiện cho uống  
(kinh nghiệm nhiều)

**278.— Trị tiểu nhi đau mắt (thần hiệu)**

**BÀI THUỐC**

Sinh địa giã ra đủ rịt gan bàn chân 1 đêm, hễ đau mắt tả  
thì rịt chân hữu.

Hễ đau mắt hữu, thì rịt chân tả.

Đau 2 mắt thì rịt cả 2 gan bàn chân.

**279.— Trị ra bồ hôi trộm hay tự ra.**

*Thuốc này chữa cả trẻ con và người lớn.*

**BÀI THUỐC**

Củ nghệ nghiền ra bột, dịt vào 2 đầu vú, bồ hôi cầm ngay

**280.— Lại bài ra bồ hôi trộm hay là tự ra**

**BÀI THUỐC**

Hà thủ ô 1 đồng cân, nghiền ra bột, nhỏ nước bột vào quấy đều, đắp vào giữa rốn, cầm ngay.

**281.— Đồ bồ hôi trộm lúc ngủ**

**BÀI THUỐC**

Ngũ-bội-tử tán ra bột cho vào rốn, rồi lấy giấy bôi thuốc cao dán rột dán đè lên một đêm là khỏi.

**282.— Trị Tiểu nhi sùng (thần hiệu)**

**BÀI THUỐC**

Đỏm phàn. Thương truật.  
Các vị đều nhau, tán mà uống.

**283.— Trị tiểu nhi đi lỵ**

*Thuốc này chữa không kỳ xích lỵ hay bạch lỵ, từ 12 tuổi giở xuống, uống thì khỏi ngay.*

**BÀI THUỐC**

Rễ cây khồ sâm : 3 đồng                      Lê hạch (hạt vải) 3 đồng.

Hai vị đều nhau sao vàng hạ thổ, sắc đặc cho uống. mỗi ngày uống ba bốn bận là khỏi.

**284.— Chữa các thứ bệnh Trí, và ung thư, sâu ăn thối.**

Kẽm (cạo lấy bột) Tóc (đốt ra than) mỡ cái Mo nang (sao giòn) con cóc (đốt ra than) Hùng hoàng, Phèn phi, Xuyên hoàng liên. Các vị bằng nhau tán rắc, muốn chóng ra da non, đốt con chuột chù tán rắc.

**285.— Thuốc chữa như trên số 284, lại dù ở mông trí có lỗ ăn ra cũng khỏi**

**BÀI THUỐC**

Xạ hương. Păng phiến. Phèn phi. Mai mực. Thuốc phiện, các vị bằng nhau tán mịn cho vào giấy rỗ mỏng mà cuộn như



điều thuốc lá. Đoạn nấu nước phèn chua rửa sạch lỗ trĩ rồi vè điều thuốc ấy đút vào các lỗ trĩ một đêm, sáng lại rửa nước phèn và đốt thuốc ấy xông khói vào. Rồi lại đút thuốc vào như lần trước, cứ làm mấy bận thế là khỏi.

### 286.— Mục thuốc xem biết sống chết

(*Âm dương kỳ phương*)

Thuốc này quen gọi là Âm dương kỳ phương, biết <sup>ch</sup> bệnh mọi chứng của nam-phụ lão-ấu.

Bệnh mới mắc, hay đã mắc lâu, dùng thuốc này liền biết sinh tử đích đáng vì xem mạch.

Mọi chứng bệnh cũng dùng thuốc này dán ở ấn đường, (chỗ trên mũi dưới trán ở giữa hai bên lông mày).

Khi dán thuốc, thì đốt một nén hương làm mực, hương cháy hết thì bỏ thuốc ra. Rồi đợi một lúc xem chỗ ấn đường ấy hễ có sắc đỏ hồng lên, sưng lên rồi bay tan, thì ấy là đáng đỏ theo mặt giới, bệnh dù nặng cũng chẳng chết. Nếu chỗ ấy sau một lúc đã dán thuốc, mà không thấy sưng, không đỏ da, thịt không biến sắc, thì ấy là mây kéo đầy đồng, bệnh dẫu nhẹ mà thật nguy. Ấy cách xem biết sinh tử là vậy.

Lại có dán thuốc này ở ấn đường như vậy, còn chữa được chứng cấp màn kinh phong, và chữa được cả người lớn trẻ con khỏi bệnh lỵ, đều dán thuốc ở đấy, hễ sưng đỏ là khỏi.

### BÀI THUỐC

Chu sa :	3 đồng	Ng ân châu :	1 đồng rưỡi
Ngũ linh chi :	3 đồng	Xạ hương :	3 đồng
Tỳ ma tử :	5 phân	Hùng hoàng :	5 đồng
Ba đậu :	5 đồng (đề vậ không ép dầu)		

Cách làm : ngày mồng 5 tháng 5 giờ Ngọ, trong nhà kín sạch nghiền tán pha dầu sáp mỡ làm cao bánh bỏ vào lọ sành nút kín. Chớ có khiến đàn bà lấy thuốc.

Khi dùng thì lấy thuốc to bằng hạt ngô, đánh bẹt ra dán vào ấn đường như đã nói ở trên này, cần thận mọi điều cho đúng.



## 287 — Cách xem bệnh Tiểu-nhi.

Xét khoa chữa Tiểu-nhi, đấng Tiên-Hiền gọi là Á khoa, vì có bệnh mà không biết nói, vì thế mà người làm thuốc phải quan hình sát sắc, lượng khí hậu hơi thở mà đoán.

Tiểu nhi sơ sinh đến nửa năm, thì xem ở trán.

Nếu được 1 tuổi giở lên đến ba bốn tuổi, thì xem Hồ-khẩu, Tam quan.

### I. Cách xem ở Trán, có 6 cách.

Lấy 3 ngón tay bên phải để vào trán tiểu nhi, chỗ (từ my mắt giở lên, chân tóc giở xuống gọi là trán)

1— Hễ thấy 3 ngón tay cùng nóng, là chứng cảm hàn đã ngạt mũi tiếng nặng rồi.

2— Hễ thấy 3 ngón tay cùng lạnh, là thổ tả, bụng không yên.

3— Hễ ngón tay trở mà nóng, là trong bụng đầy.

4— Hễ ngón tay thứ 3 nóng, là bú sữa không tiêu.

5— Hễ ngón tay trở và ngón giữa nóng, là trên nóng dưới lạnh.

6— Hễ thấy ngón thứ 3 và ngón giữa mà nóng, thì là chứng giáp kinh.

### II. Phép xem Hồ khẩu (chỉ Tay)

Lúc bắt đầu xem, thì sắc mặt người xem, phải lười tình nói năng phải ôn hòa, khiến đứa trẻ không sợ, không khóc, khi sắc không biến đổi thì xem mới thật.

Vậy cần phải nhận xét, mà phân biệt cho rõ ràng theo như phép dạy, đã có các hình vẽ như sau này :

## Hồ khẩu là gì ?

Ngón tay trở có 3 đốt, đốt ở dưới giáp Hồ khẩu gọi = Phong Quan. Ngón tay trở có 3 đốt, đốt ở giữa giáp Hồ khẩu gọi = Khí Quan. Ngón tay trở có 3 đốt, đốt thứ 3 giáp Hồ khẩu gọi = Mạnh Quan.

Con gái tay bên tả, con gái tay bên hữu.



Bên tả ứng con Tâm, con Can.  
Bên hữu ứng con Phế, con Tỳ.



1.) Hễ thấy ngón tay bên tả có tia hồng nhỏ như sợi tơ, là chứng nóng gồm cả chứng kinh.

2.) Thấy ngón tay bên hữu có tia hồng, là chứng tỳ tích, gồm cả chứng kinh.

3.) Thấy có 3 choạc (tam khoa) là chứng phế nhiệt, phong đờm dạ đề (khác đêm).

4.) Thấy như chuỗi hạt châu là chứng chủ cam tích, tỳ hư.

5.) Thấy như hình chữ nhân, là chứng thương thực, đờm tích.





6.) Thấy như tên bắn vào móng tay, là chứng chủ cam, mộc khác tỳ thổ kinh phong; là chứng nặng.



HĨNH 6

7.) Thấy như cánh cung ra ngoài là chủ chứng phong giản.



HĨNH 7

8.) Thấy như cánh cung uốn vào, là chứng chủ ngoại cảm, kinh phong.



HĨNH 8

9.) Thấy như con rắn ngoi lại là chứng thấp nhiệt cam tích.



HĨNH 9

10.) Thấy như hình chữ thủy là chứng kinh phong thực tích



HĨNH 10

11.) Thấy mạch loạn như trùng giun là chứng chủ cam giun sán.



HĨNH 11

12.) Thấy như hai hình chữ song, là chứng chủ thực độc kinh tích.



HĨNH 12

13.) Thấy như hạt châu tròn, là chứng chủ cách nhiệt; tam tiêu hắc loạn.



HĨNH 13



14.) Thấy như chữ Ất, là chứng chủ kinh phong thuộc ॐ.



HÌNH 14

15.) Thấy như hạt châu dài, là chứng chủ nóng rét đau bụng.



HÌNH 15

16.) Thấy như vây cá, là chứng hư lao, chứng khó chữa.



HÌNH 16

Vây Phong quan không có mạch tia là vô bệnh, nếu có tia thì cũng nhẹ.

Khi quan mà có tia là bệnh nặng.

Mạnh quan mà sắc hồng - hồng thì bệnh, dấu nặng thì cũng không can gì.

Bảng thấy tia từ khí quan thẳng đến mạnh quan ra đến móng tay sắc xanh đen, thì là chứng chết.

Khi xem thấy chỉ tay nổi ở ngoài da, thì là bệnh thuộc ngoại biểu.

Hễ thấy chỉ tay mà chìm ở trong thịt, là bệnh thuộc trong lý.

Hễ thấy chỉ tay sắc hồng tia, là chứng nhiệt.

Hễ thấy chỉ tay sắc xanh tia, là chứng kinh phong.

### III. Về Quan Hình sát sắc

*Có 6 cách xem*

1.— Xem khi sắc nổi lên, ở mặt thấy đỏ hồng là con Tâm nhiệt.

2.— Thấy trắng nhạt, là con tý con vỵ hư hàn.

3.— Vàng nhạt, là chứng tý hư chứng thấp.

4.— Thấy trắng bạch như tờ giấy, là chân tý tuyết.

5.— Thấy đen như gio là chân thận tuyết.

6.— Thấy khi sắc xanh như chàm là chứng Can phong.

#### IV. Nghe tiếng tiều nhi khóc.

*Có ba cách*

1.— Khi khóc thét lên, mà không có nước mắt là chứng đau.

2.— Khóc ê a không ngọt, nước mắt đầm đìa, thì là chứng kinh sợ.

3.— Khóc tiếng thanh á như tiếng mèo là mạch tuyệt

#### V. Chứng chết.

*Có 12 điềm chết*

1.— Chỗ thóp xung lên, hay lõm xuống là con tâm tuyệt.

2.— Bụng nổi gân xanh là con tỳ tuyệt.

3.— Móng tay xanh đen là con can tuyệt.

4.— Tiếng khóc thanh á như tiếng mèo, hơi ra mà không thổi vào là mạch tuyệt.

5.— Lưỡi thè ra khỏi miệng là con tâm tuyệt.

6.— Trẻ nghiêng, cắn vú, là con thận tuyệt.

7.— Khóc không ra tiếng, là con phế tuyệt.

8.— Giun sản ra ngược, đều là điềm chết.

9.— Chứng tiết tả, mà chân tay lạnh, thì khó khỏi.

Chân tay ôn thì chóng khỏi.

10.— Mồ hôi ra như hột châu không chảy là chứng chết.

11.— Tóc trên đầu đứng ngược là chứng chết.

12.— Môi miệng khô và mắt lộn, hơi thổi ra lạnh, bốn chân tay đều lạnh, là chứng chết.

#### 288.— Bài thêm về chữa bị đạn, bị thương

*Bị dấu vết, bị đòn âm, ứ huyết, dù đã mé rồi, cũng cứ cạy răng mà đổ thuốc vào.*

#### BÀI THUỐC

Đương quy	5 đồng	Trạch tả	5 đồng
Xuyên khung	3 đồng	Hồng hoa	3 đồng
Đào nhân	3 đồng	Đan bì	3 đồng
Tô mộc tốt	2 đồng		

*Cách dùng*: rượu đổ một bát rưỡi đun lên, mười phần lấy sáu phần uống. Như bị ở đầu, gia cao bản 1 đồng; như ở tay, gia quế chi 1 đồng; như ở lưng, gia đỗ trọng 1 đồng; ở bạng mỡ gia bạch giới tử 1 đồng, ở chân gia ngưu tất 1 đồng.

# MỤC-LỤC



SỐ BÀI

TÊN BÀI THUỐC

SỐ TRANG

## Mục các thứ thuốc viên mọi bệnh

1	Thuốc gió đen	7
2	Thuốc gió trắng	»
3	Thuốc gió trừ	8
4	Thuốc cứu khí	»
5	Thuốc tam hoàng	»
6	Thuốc hóa phong	9
7	Thuốc trầm hương giáng khí	»
8	Thuốc âm dương	10
9	Thuốc trừ ôn dịch	»
10	Thuốc trúng	11
11	Thuốc phèn đen	»
12	Thuốc bồ đề	»
13	Thuốc thiên kim	12
14	Thuốc thần tiên phú ích	13
15	Thuốc trừ kinh bách bệnh tiểu nhi	»
16	Thuốc trấn kinh tiểu nhi	14
17	Thuốc kim đỉnh tiểu nhi	15
18	Thuốc sa khí tiểu nhi	16
19	Thuốc các chứng sài tiểu nhi	»
20	Vạn ứng bách hiệu cao	»
21	Thuốc kim châm	17
22	Thuốc lục nhất	»
	<b>Mục cảm sốt</b>	»
23	Phép xem phải gió	»
24	Phép chữa phải gió	»
25	Phải gió lưới vàng đen	18
26	Phải gió nhập lý	»
27	Cảm mạo	»
28	Ngộ gió mê mết	»
29	Cảm mê ly bì	»
	<b>Mục sốt rét</b>	»
30	Sốt rét cách nhật	19
31	Sốt rét các chứng	»



32	Lại bài nữa	19
33	Lại bài nữa	»
34	Thuốc thương hàn cách nhật	»
35	Sốt rét lâu năm	20
36	Đề phòng bệnh ngã nước	»
37	Sốt rét ngã nước	»
	<b>Mục ho suyễn</b>	»
38	Trị ho lao	»
39	Phép xem ho lao	21
40	Phép trích trùng lao	»
41	Phép chữa sâu lao	»
42	Cảm ho mưa gió	22
43	Trị ho suyễn	»
44	Bài nữa	»
45	Ho lao yếu mệt	»
46	Ho, thổ huyết	23
47	Ho khạc ra huyết	»
48	Bài nữa	»
49	Trị hen sữa	»
50	Trị ho khan	»
51	Trị ho kản tiếng	»
52	Bài nữa	»
53	Trị ho đờm suyễn	24
54	Trị ho hen thở	»
55	Trị ho lâu chẳng đỡ.	»
56	Trị hen con nước.	»
57	Trị hen bất kỳ con nước.	25
58	Bài nữa.	»
59	Trị đờm hỏa ho hen.	»
	<b>Mục đau bụng.</b>	»
60	Đau bụng kinh niên cả lớn bé.	»
61	Bài nữa.	26
62	Bài nữa.	»
63	Đau bụng hắc loạn, thổ tả.	»
64	Bài nữa.	»
65	Đau bụng, đau tức, đau xóc.	»
66	Đau bụng chướng khí.	27



67	Dầy da bụng, dầy hơi,	27
68	Đau già giầy, chảy nước miệng.	»
69	Đau bụng báng.	28
70	Đau bụng.	»
71	Bài nữa.	»

### Mục bí cách

72	Bĩ đại tiện.	»
73	Bĩ tiểu tiện.	»
74	Trị chứng kết hung.	29

### Mục tả lý

75	Bệnh tả lý.	»
76	Trị đi lý.	»
77	Trị chứng tả lý.	»
78	Bài nữa.	30
79	Bài nữa chữa lý.	»
80	Bài nữa.	»
81	Thổ tả nguy cấp.	»
82	Dịch tả.	»
83	Dịch tả, có thuốc hun trừ.	»
84	Trị dịch tả.	31
85	Trị chứng Toát giang.	34
86	Đề tràng thang (chữa Toát giang)	33
87	Trị cước khí, chuyển gân.	»

### Mục tích tụ

88	Trị tích tụ thành khối.	»
----	-------------------------	---

### Mục phù nề.

89	Trị phù nề.	»
90	Bài nữa.	»
91	Bài nữa.	32
		»

### Mục tê thấp

92	Rượu chữa tê thấp.	31
93	Bài nữa.	



94	Bài nữa	35
95	Trị chứng đờm thấp.	36
96	Thấp nhiệt lở.	37
97	Trị thấp đờm hỏa.	»
98	Trị tê thấp chân tay.	»
99	Thuốc xông tê chân tay.	»
100	Trị sản hậu tê chân tay.	38
101	Bài nữa.	»
102	Bài nữa.	»
103	Thuốc gân cốt đau rức.	»
104	Lại bài chữa gân cốt Lưng đau.	»

### Mục đầu Thống

105	Trị Rức đầu	39
106	Trị Thiên Đầu Thống.	»
107	Lại bài nữa,	»
108	Bài nữa.	»
109	Lại thuốc chữa rức đầu	»
110	Bài nữa	40
111	Trị Sài óc, thối tai.	»
112	Bài nữa.	»
113	Bài nữa.	»
114	Tai đau nhức lắm.	»
115	Tai ù điếc.	»
116	Bài nữa.	»
117	Đau màng óc.	41
118	Bài nữa.	»
119	Chữa bạc đầu	»

### Mục đau mắt

120	Đau mắt thuốc bôi	»
121	Đau mắt thuốc tra.	42
122	Đau mắt thuốc rửa.	»
123	Bài nữa	43
124	Bài nữa	»
125	Bài nữa	»
126	Đau mắt có màng mọng	»
127	Bài nữa.	»



128	Đau mắt có màng mọng, vẩy mại	44
129	Đau mắt có vẩy mại lấm lấm.	»
130	Chữa mắt mờ tối.	»
131	Chữa mắt Quáng gà.	»
132	Đau mắt vì vôi bắn vào.	»
133	Đau mắt có sâu (Toét mắt)	»
134	ài nữa.	45
135	Đau mắt Kinh niên đau mắt hột.	»

### Mục Thất Huyết

136	Mục Huyết.	»
137	Bài nữa,	»
138	Chữa Thổ Huyết.	»
139	Bài nữa	46

### Mục Giang Mai

140	Trị Bệnh Lậu	»
141	Trị lậu sinh kén	»
142	Bài nữa	»
143	Tiểu tiện huyết	»
144	Thuốc chữa Tim La.	»

### Mục Phạm Phòng

145	Chữa Phòng Tích	»
146	Bài nữa.	48
147	Phạm phòng Hóa Hoàng Đâm	»
148	Phạm Phòng Cấp Tử	»
149	Bài nữa.	
150	Chữa Thiên Truy.	»
151	Bài nữa.	48
152	Dương Hư Bồ	
153	Thuốc Bồ,, đỡ Đau mình	»
154	Chữa nghiện rượu	»
155	Bồ mệt nhọc, Đau lưng	»
156	Bồ gan bồ Cật	49
157	Thuốc đại bồ cho kẻ gầy còm.	»
158	Thuốc Bồ Sức.	»
159	Bài nữa.	»



160	Bài nữa.	49
61	Cao chữa Bách bệnh.	»
		»
	<b>Mục Ngoại khoa</b>	»
162	Chữa Ngạt khí	50
63	Trị giao đâm, đẹn bắn, gồ đâm	»
164	Thuốc Cầm Máu	»
165	Bài nữa.	51
166	Bài nữa.	»
167	Trị Đinh Dầu	»
168	Trị Ung-Độc.	»
169	Trị Hậu bối	»
170	Trị Tiền bối	52
171	Trị Đinh mọc 2 bên cánh tay	»
172	Trị Rọt mới mọc	»
173	Bài nữa	»
174	Bài nữa	»
175	Trị Hột cơm.	53
176	Trị bệnh Bắp Chuối	»
177	Trị Hắc-Lào.	»
178	Trị chốc lở, đứt máu.	»
179	Chữa bị bông.	»
180	Bài nữa	»
181	Đau trong cổ, khó nuốt	54
182	Trị rọt mọc ở mông	»
183	Trị mụn mọc ở đùi	»
184	Trị bệnh Trạng nhạc	»
185	Bài nữa.	55
186	Trị trạng nhạc, thuốc rịt	»
187	Bài nữa	»
188	Bài nữa	»
189	Bài nữa	56
190	Trị sâu quảng	»
191	Trị các thứ bệnh trĩ	»
191 bis	Hai bài chữa trĩ nữa	»
192	Trị đĩa, sâu vào tai	57
193	Bài nữa	»
194	Trị hóc xương gà	»



195	Bài nữa	57
196	Bài nữa	»
197	Trị hóc sưng cá	»
198	Chữa hóc các thứ	58
199	Chữa say sắn	»
200	Chữa bị ngã, bị đòn đau	»
201	Bài nữa	»
202	Chữa ngã đau, không gãy xương	59
203	Chữa bị ngã trên cao	»

### Mục bị nọc độc cắn

204	Bị các giống độc cắn	»
205	Chữa chó dại cắn	»
206	Bài nữa	60
207	Thử chó dại cắn	»
208	Chó khôn cắn	»
209	Thạch sùng cắn	»
210	Chuột cắn	»
211	Rắn cắn	61
212	Bài nữa	»
213	Bài nữa	»

### Mục bệnh răng

214	Trị ung xỉ	»
215	Bài nữa	»
216	Trị Rức răng	62
217	Bài nữa	»
218	Thuốc xĩa sâu răng.	»
219	Thuộc mộng răng.	»
220	Bài nữa.	»
221	Trị đau răng vì yếu thận.	»

### Mục chữa Lục súc

222	Chữa gà toi	63
223	Đề phòng bệnh gà toi.	»
224	Bài nữa	»
225	Trị Gà toi, Lợn toi.	»
226	Trị lợn Toi.	»



227	Chữa lợn, trâu bò toi.	64
	<b>Mục bệnh Phụ nữ</b>	»
228	Thuốc Điều Kinh.	»
229	Điều kinh, hữu sinh vô dưỡng.	»
230	Thuốc bổ huyết, trị sản hậu.	65
231	Kinh nguyệt chẳng thông.	»
232	Bài nữa.	»
233	Huyết bạch bất chỉ	»
234	Bài nữa	»
235	Chữa đàn bà khí hư	66
236	Bài nữa	»
237	Trị Sản hậu mọi chứng, sản môn	»
238	Chữa Huyết băng	»
239	Bài nữa	»
240	Đề phòng Sản hậu	»
241	Có thai hay nôn ọe	67
242	Thuốc giúp cho dễ sinh	»
243	Bọc thai chẳng xuôi	»
	<b>Môn Cầu Tự</b>	
244	Thuốc cầu tự đàn ông uống	»
245	Thuốc cầu tự, 2 vợ chồng cùng uống	»
246	Bài nữa	68
247	Thuốc Cầu tự, đàn bà uống	»
248	Bài nữa	»
249	Chữa bệnh hay ghen	»
	<b>Mục chữa tiểu nhi</b>	»
250	Trẻ sơ sinh không khóc	69
251	Tiểu nhi khai khẩu	»
252	Thuốc trừ đậu sởi từ mới sinh	»
253	Thuốc trừ bệnh sài, từ mới sinh	70
254	Tắm trẻ mới sinh	»
255	Trị tiểu nhi ho	»
256	Bách hoa cao, Trị tiểu nhi ho	»
257	Trị tiểu nhi ho suyễn	»
258	Trị tiểu nhi nha cam	71



251	Trị Tiểu nhi cam lở miệng	71
260	Bài nữa	»
261	Trị Tiểu nhi cam răng	»
262	Trị Tiểu nhi tia lưỡi, lở miệng	»
263	Trị các chứng cam sai	72
264	Bài nữa	»
265	Trị Tiểu nhi cam lở các chứng	»
265	Trị tiểu nhi thổ bất chỉ	»
267	Trị tiểu nhi, sơ sinh trở sữa	»
268	Trị tiểu nhi mưa thổ	73
269	Trị tiểu nhi nhiệt lở ngứa	»
270	Bài nữa	»
271	Trị tiểu nhi cam sang mọc quanh tai	»
272	Trị tiểu nhi tai có mủ	»
273	Trị tai tiểu nhi chảy máu	
274	Trị tiểu nhi sài óc	74
275	Bài nữa	»
276	Trị tiểu nhi sài tiện cổ tay	»
277	Trị tiểu nhi cảm, sài giật chân tay	»
278	Trị tiểu nhi đau mắt	»
279	Trị mồ hôi trộm, hay tự ra	»
280	Bài nữa	75
281	Đỗ mồ hôi trộm ức đi ngủ	»
282	Trị tiểu nhi cam sưng	»
283	Trị tiểu nhi đi lị	»
284	Chữa các thứ trĩ, ung, sâu ăn	»
285	Bài nữa	»
286	Thuốc biết sống chết (âm dương kỳ-phương)	76
287	Các cách xem bệnh tiểu nhi	77



## Vận Niên Cổ Hàn bí truyền.

Vận niên này của Cổ Hàn đã thí nghiệm suy tính lâu năm, và đã xét trong 1 tuần lễ là 7 ngày thời giờ của Tạo-Hóa đã xếp đặt, thì không sai, nên người suy xét năm nào mặt trời, mặt trăng, hay là vì sao nào trị năm ấy, thì tính nó ứng ra làm sao, được mùa, mất mùa, được gì, mất giống gì, bệnh tật lạnh dữ, nóng lạnh thế nào, mà cứ xem ngày đầu năm Dương lịch « tức là mồng một tháng giêng năm ấy » là lễ đặt tên chúa Cơ Đốc vào ngày thứ mấy, trong tuần, thì những điều đã ghi chép trong ngày ấy dậy thế nào.

Người lại so sánh Vận Niên can chi, (Âm lịch) dưới này cứ 60 năm là một hội, thì thấy thật, hoặc có năm nào không được thật, thì là Thượng Vận, Trung Vận, Hạ Vận cũng thường có khác nhau.

Ấy nôm na mấy lời ta không nên bỏ qua.

---



### Ngày chủ nhật I

Mặt giờ ở tầng thứ tư, có khí nhiệt, là lò sinh ra các khí dương nóng bỏng, là vua các ngôi sao, năm nào lễ đặt tên vào ngày Chủ nhật 1, thì mặt giờ trị năm ấy, mùa đông g lạnh, mùa xuân ấm, mùa hạ nóng sốt, nắng lắm, mùa thu cả gió, những của ăn uống lúa gạo, hoa quả, cầm thú nhiều, mà bởi mặt giờ có tính hỏa, thì hóa ra các người ta chẳng ưa nhau, hay ghen ghét nhau, đến nỗi làm hại nhau, nhưng mà thường thường lại hòa với nhau, lắm bệnh về tính hỏa song chẳng độc.

### Ngày thứ II

Mặt giăng ở tầng thứ I, Mặt giăng có tính nước lạnh quá, sinh ra khí âm nhiều, năm nào lễ đặt tên vào ngày thứ II, thì mặt giăng trị năm ấy, cho nên thường mưa, mùa đông ấm, mùa xuân mát, mùa hạ sốt nóng vừa vừa, mùa thu mưa lụt, được mùa bầu bí, thanh bông hoa quả xấu, cầm thú ít, bệnh dịch nặng, người ta lắm bệnh tê thấp, đàn bà lắm bệnh sản hậu khí hư, giống ong và tằm chết nhiều, những kẻ có quyền thế, thì bất thuận cùng nhau, người ta nhiều bệnh sốt rét lắm.

### Ngày thứ III

Sao Hỏa tinh ở tầng thứ 5, có tính nóng nảy, sinh ra cả giận, nhân vi nhiều hỏa khí dương mà ra, vì tính hỏa độc là n vậy, thì hại người ta lắm, năm nào lễ đặt tên vào ngày thứ III, thì sao này trị năm ấy, lắm sấm sét, bão táp, nhiều sương tuyết giá rét, nhiều gió mưa bức sốt chẳng có ngăn nào, dữ khí, cho nên làm bại thiên hạ, chẳng kỳ giống nào, mà người ta sinh buồn giận giết nhau, không được bảo an, mùa đông nhiều gió và giá rét lắm, mùa xuân mưa quá, mùa hạ nắng lắm, mùa thu khô khan, sông biển động, võ tầu bè, mất mùa, giống rau có nhiều độc khí, năm ấy lắm bệnh hỏa, bệnh huyết, đàn bà chết bệnh ấy nhiều.

### Ngày thứ IV

Sao Thủy tinh ở tầng thứ hai, tính dữ và độc, sinh ra khí âm, năm nào lễ đặt tên vào ngày thứ IV, thì sao này trị



năm ấy, mùa đông giá rét vừa vừa, mùa xuân ấm vừa vừa, mùa hạ nóng lắm, mùa thu mát mẻ, lúa thóc bình thường, các giống hoa quả xấu, năm ấy lắm bệnh trụy thai và bệnh đau bụng, đau bao, đau thống, hiệp thống, hay sinh chứng yết hầu, nhiều người phải chết bệnh ấy.

### Ngày thứ V

Sao Mộc tinh ở tầng thứ 6 có tính nhiệt lắm, khí dương thịnh và lành, người ta sinh ra lắm bệnh huyết, năm nào lễ đặt tên vào ngày thứ V, thì sao này trị năm ấy, bốn mùa mưa gió thuận hoà mùa đông ấm, mùa xuân thuận gió, mùa hạ mát, mùa thu mưa lụt, được mùa, tốt lúa nhiều cá, ít ong mật, người ta hay phải bệnh ly, rét nóng dường như dịch.

### Ngày thứ VI

Sao Kim tinh ở tầng thứ 3, tính lạnh vừa vừa, sinh ra khí âm, sao này mọc chiều hôm sớm mai, năm nào lễ đặt tên vào ngày thứ VI, thì sao này trị năm ấy, thuận mưa, mùa đông nặng khí, mưa và giá rét lắm. mùa xuân cả gió, mùa hạ mưa và mát mẻ, mùa thu thì giờ phần thì khô cạn, phần thì cả mưa lụt, phần thì cả gió. bởi vậy thì thiên hạ được mùa nửa phần, thường được mật ong. năm ấy lắm bệnh đau mắt và đậu độc, tiểu nhi và loài vật chết nhiều, thường động đất.

### Ngày thứ VII

Sao Thổ tinh ở tầng thứ 7, tính lạnh táo, sinh ra khí lo buồn, tính nó như tính đất, hay ghét người ta, làm cho người ta khó nhọc đói khát, tính ghét làm hại bắt bớ nhau chẳng thiếu cách nào, năm nào lễ đặt tên vào ngày thứ VII, thì sao này trị năm ấy, mất mùa, mùa đông hàn lạnh giá rét, mùa xuân cả gió (hoặc có gió lửa) mùa hạ kiệt khí, mùa thu khô cạn, mọi nơi đồng táo, hoa quả nhiều, người ta nhiều kẻ đi hỏi vợ, lắm khí rét, nhiều chứng phù phải chết, mất tầm tợ, ít cá.



**Năm can chi (âm lịch)**  
**Năm Giáp Tý 甲子 1924**

Thái âm tứ thiên, Thái cung Thổ, Dương minh Thổ vận thái qui khắc thủy, lắm bệnh về tý vị, đau bụng, mình gầy chân tay không cất nhắc lên được, phép chữa phải trừ thấp bổ thận, từ tuyết đại hàn đến tháng giêng là khí thứ I thuộc Thái Dương, Thủy sinh Mộc, nhân dân lắm bệnh hàn, sang tháng 2 khí nặng đến phát ra bệnh lở ngứa, thì từ tháng 2 đến tháng 3 là khí thứ II thuộc Quyết Âm, mộc sinh hỏa, lắm chứng đau mắt, mặt nóng; từ tháng tư đến tháng 5 là khí thứ II thuộc Thiếu âm Quan hỏa, phát ra chứng đau tim, người lạnh ngắt, sốt rét ho siễn mắt đỏ.

Từ tháng 6 đến tháng 7 là khí thứ tư thuộc Thái âm thổ, có chứng sốt rét phát vàng, mũi đỏ máu cam; từ tháng 8 đến tháng 9 thuộc khí thứ V thuộc Thiếu dương tương Hỏa khắc Kim. dương là thịnh có chứng sốt; từ tháng 10 đến tháng 11 là khí thứ VI thuộc Dương minh, Kim sinh Thủy, phát ra bệnh phù sưng huyết dật (là huyết giàn lên miệng mũi) đau bụng; năm nay ruộng mùa hạ được toàn, ruộng mùa thu mất nửa, hoa quả, lắm được, cá muối thường, xuân ít mưa, hạ mưa to. hạ tuần tháng 8 có hồng thủy, mùa đông mưa gió to rét lắm, trâu bò bị thiên thời chết, trẻ con hại, một người ăn hết 1 thưng.

**Năm Ất Sửu. 乙丑 1925**

(Thiếu âm tứ thiên, Thiếu Thương Kim, Thái dương tại Tuyền)

Kim vận bất cập, Hỏa khắc Kim, hay phải bệnh đi đại tiện ra huyết, lại bệnh thuộc quyết âm là hỏa vô căn, nên đầu mắt choáng váng, miệng lưỡi đắng đót.

Phép chữa phải thanh cơn tả hỏa.

Từ tuyết đại hàn đến tháng giêng, là khí thứ nhất thuộc quyết âm, Phong thương Can, phải bệnh huyết dật gân yếu. Từ tháng 2 đến tháng 3 là khí thứ II, thuộc Thiếu dương tương Hỏa Hỏa thịnh nóng lắm, hay có bệnh thời khí ôn dịch, từ tháng 4 đến tháng 5 là khí thứ III thuộc âm Thái âm thổ, khí hàn thấp ngừng trệ, nên người ta nhọc mệt và





hay đầy bụng, từ tháng 6 đến tháng 7 là khí thứ IV thuộc Thiếu dương, Hỏa sinh Thổ, thấp nhiệt thịnh. Huyết nhiệt dạt lên trên, bụng hay đầy chướng. Từ tháng 8 đến tháng 9, là khí thứ V thuộc Dương Minh Kim. Từ tháng 10 đến tháng 11 là khí sau hết thuộc Thái Dương Thủy, nhiều bệnh cảm hàn, các đốt xương và lưng đau.

Năm nay ruộng 2 mùa được, hoa quả, cá muối cũng khá; 3 tháng Hạ đại hạn, sang thu mới có mưa, loạn thì kai, trâu bị thiên thời chết, 1 người ăn hết 1 thung.

(Khí hậu cũng giống năm Kỷ mùi)

### Năm Bính Dần 丙寅 1926

(Thiếu Dương tư thiên, Thái vũ thủy. Quyết âm tại tuyền)

Thủy vận thái quá, Kim bất cập, Hỏa thừa thế, Hỏa tư thiên, vì thế năm nay nắng nhiều, người ta hay nóng phổi, mac tại tuyền khắc thổ, nên lại lắm bệnh về tý vị.

Phép chữa phải bổ tâm, trục khí hàn, lại trẻ con lắm bệnh đậu sởi.

Từ tuyết đại hàn đến tháng giêng là khí thứ I thuộc thiếu âm quân hỏa, có bệnh huyết dạt mắt đỏ, ho suyễn đầu rức, băng huyết gàn yếu. Từ tháng 2 đến tháng 3 là khí thứ II thuộc Thái âm Thổ, thấp nhiệt làm ra bệnh, nên lắm bệnh mưa thổ đầu rức mình nóng, lở ghẻ nử mê. Từ tháng 4 đến tháng 5 là khí thứ III thuộc Thiếu dương tương hỏa, người ta phải bệnh huyết dạt mũi đỏ máu cam, thổ huyết, hầu cổ tê đau mắt, từ tháng 6 đến tháng 7 là khí thứ IV thuộc Dương minh kim, khí táo nhiều thắng thế kim, nên người ta ngược cách đầy buồn, thấp thắng tý vị, phải mình mảy nặng nề.

Từ tháng 8 đến tháng 9 thuộc thái dương thủy chủ kim sinh thủy, ít bệnh. Từ tháng 10 đến tháng 11 thuộc quyết âm mộc, chủ thủy sinh mộc ít bệnh.

Năm nay ruộng mùa hạ được nửa, mùa thu được cả, hoa quả mất nửa, được tầm cá, một người ăn hết 1 thung.



### Năm Đinh-Máo 丁卯 1927

(Dương minh tư thiên, thiếu giác mộc, thiếu âm tại tuyền)  
Mộc vận bất cập. Kim thừa thế khắc mộc, có bệnh đau gân, đau bụng, tháo dạ. Phép chữa phải bổ gan thanh táo, từ tuyết đại hàn đến tháng giêng là khí thứ I thuộc thái âm thổ, chủ mộc khắc thổ, tý vị hại bởi nhiều nóng nên đầy hơi, khí nhiệt bốc lên mặt đỏ, mũi đỏ máu cam hay buồn ngủ, thường thường lại có bệnh lậu nhiệt.

Từ tháng 2 đến tháng 3 là khí thứ II thuộc Thiếu dương tương Hỏa, có bệnh ân dịch. Từ tháng 4 đến tháng 5 là khí thứ III, thuộc Dương minh Kim chủ hỏa khắc kim, khí dương thịnh lắm, lên nhiều bệnh sốt rét.

Từ tháng 6 đến tháng 7 là khí thứ IV thuộc Thái dương Thủy, chủ Thổ khắc Thủy, mắc phải bạo bệnh nói nhảm nói càn, đau tim, khí thấp nhiệt đóng dưới hạ thể. Mọi bệnh ấy thuộc tâm thận cả. Từ tháng 8 đến tháng 9 thuận Quyết âm mộc chủ Kim khắc Mộc, từ tháng 10 đến tháng 11 thuận thiếu âm quân hỏa, chủ thủy khắc hỏa, có bệnh ôn dịch. Năm nay ruộng mùa hạ được nửa, ruộng mùa thu được cả, hoa quả tằm mất, cá được, sang mùa thu mưa to gió lớn, trâu lợn có bệnh thiên thời, một người ăn hết một thung.

### Năm Mậu Thìn 戊辰 1928

(Thái dương tư thiên, Thái vi hỏa. Thái âm tại tuyền)  
Hỏa vận thái quá hại Kim, người ta hay mắc bệnh sốt rét ho mình nóng, vai sau lưng gân đau, Hỏa thịnh Kim suy. Phép chữa phải giáng Hỏa bổ phế. Từ tuyết đại hàn đến tháng giêng, là khí thứ I thuộc Thiếu dương tương Hỏa, chủ Thủy khắc Hỏa, có bệnh mình nóng rức đầu phát ba lở ngứa. Từ tháng 2 đến tháng 3 là khí thứ II thuộc Dương minh Kim chủ Hỏa khắc Kim, dương khí trệ lại, nên bệnh khí uất chướng đầy. Từ tháng 4 đến tháng 5 là khí thứ III thuộc Thái Dương Thủy chủ Hỏa khắc Thủy, nhiều bệnh lạnh ngoài nóng trong, đi tả, phát lên ung thư, tim nóng buồn bực, nếu không điều trị ngay thì chết.

Từ tháng 6 đến tháng 7 là khí thứ III thuộc Quyết âm mộc khắc Thổ, phát ra bệnh nóng lắm, vì tý thổ phải hại, nên phát ra tả lỵ, người mệt nhọc chân tay rời rã. Từ tháng 8 đến tháng 9 là khí thứ IV thuộc Thiếu âm quân hỏa khắc Kim,



Từ tháng 10 đến tháng 11 thuộc Thái Âm Thổ khắc Thủy. Đàn bà dương thai nghén khó nhọc vất vả, hay động thai.

Năm nay ruộng mùa hạ mất nửa, ruộng mùa thu được, hoa quả tầm mất nửa, cá được, muối quý lắm, dân không yên lành, nhiều bệnh ôn dịch, 1 người ăn hết 1 thưng.

### Năm Kỷ Tỵ 乙 巳 1929

(Quyết âm tư thiên, thiên cung thổ, thiếu dương tại tuyền)

Thổ vận bất cập, Mộc thừa thế, phong khí đạt hành sự, nên lắm bệnh bụng đau đi tả, mình nặng, da thịt máy động. Phép chữa phải ích chân tỳ, bình can mộc.

Từ tuyết đại hàn đến tháng giêng là khí thứ 1 thuộc Dương minh Kim khắc Mộc, hay có bệnh gân cơ chuột rút.

Từ tháng 2 đến tháng 3 là khí thứ II thuộc Thái Dương Thủy khắc Hỏa, nhiều bệnh nóng trong.

Từ tháng 4 đến tháng 5 là khí thứ III thuộc Quyết Âm Mộc sinh Hỏa, hay có bệnh về Phong Mộc làm ra chóng mặt, ù tai, khóc lóc.

Từ tháng 6 đến tháng 7 là khí thứ IV thuộc Thiếu Âm Hỏa chủ Thủy khắc Dương Hỏa, có thì khí Ôn dịch.

Từ tháng 8 đến tháng 9 là khí thứ V, thuộc Thái Âm Thổ, chủ Mộc khắc Thổ.

Từ tháng 10 đến tháng 11 là khí thứ VI, thuộc Thiếu Dương tương Hỏa, nhiều bệnh nóng (bệnh giống năm Quý Mùi)

Năm nay ruộng mùa Hạ, mùa Thu được cả, hoa quả mất nửa, cá lắm, muối quý lắm, 1 người ăn 2 thưng.

### Năm Canh Ngọ 庚 午 1930

(Thiếu Âm tư Thiên, Thái thương Kim, Dương minh tại tuyền)

Kim Vận Thái quá hại can Mộc, hay có bệnh ở gân, bệnh đau bụng, mắt đỏ, Kim không sinh Thủy, nên dưới hạ bộ cũng có bệnh, Phế Kim bệnh làm ra ho suyễn vai đau. Kim thịnh quá, Hỏa thừa thế.

Phép chữa, phải thanh táo bổ Can Mộc.

Từ tuyết đại hàn đến tháng giêng là khí thứ I, thuộc Thái Dương Thủy sinh Mộc, mới phát bệnh rét nhiều.



Từ tháng 2 đến tháng 3 là khí thứ II thuộc Quyết Âm, Mộc sinh Hỏa, người ta nhiều bệnh bốc lên mặt nóng, mắt đỏ.

Từ tháng 4 đến tháng 5 là khí thứ III thuộc Thiếu Âm quân Hỏa hợp tướng Hỏa, 2 Hỏa giao nhau, làm ra bệnh rét nóng ho suyễn, đau mắt, đau tim, phát quyết lạnh.

Từ tháng 6 đến tháng 7 là khí thứ IV thuộc Thái Âm Thổ, có bệnh sốt rét phát vàng, mũi đỏ máu cam.

Từ tháng 8 đến tháng 9 là khí thứ V thuộc Thiếu Dương, Hỏa khắc Kim, bệnh nhiều nóng nảy lở ngứa.

Từ tháng 10 đến tháng 11 là khí sau hết thuộc Dương minh Kim sinh Thủy (khí hậu cũng giống năm Mậu Ngọ).

Năm nay ruộng mùa Hạ mùa Thu được cả, hoa quả cũng được, trâu dê hại, nhiều người chết, 1 người ăn hết 1 thưng.

### Năm Tân Mùi 辛未 1931

(Thái âm tư thiên, Thiếu vũ Thủy. Thái dương tại tuyền)

Thủy vận bất cập, Thổ thừa thấp hành nhiều bệnh hạ bộ gân xương co đau, sắc mặt biến đổi, mắt trông mờ mờ.

Từ tuyết đại hàn đến tháng giêng là khí thứ I, thuộc quyết âm Mộc, có bệnh huyết dật.

Từ tháng 2 đến tháng 3 là khí thứ II thuộc Thiếu âm Hỏa, phát bệnh ôn dịch nóng lẫm.

Từ tháng 4 đến tháng 5 thuộc khí thứ III thuộc Thái âm Thổ, chủ Hỏa sinh Thổ, khí thấp nhiệt đều hành sự, nên lẫm bệnh huyết dật, bụng đầy.

Từ tháng 6 đến tháng 7 là khí thứ IV thuộc Thiếu Dương tướng Hỏa nhiều bệnh mình nặng bụng đầy.

Từ tháng 8 đến tháng 9 là khí thứ V thuộc Dương minh Kim.

Từ tháng 10 đến tháng 11 là khí thứ VI thuộc Thái Dương-Thủy (thì khí cũng giống năm Kỷ Hợi).

Năm nay ruộng mùa Hạ được cả ruộng mùa thu mất nửa hoa quả tầm ít, nhân dân đói khát. 5 người ăn 1 thưng.

### Năm Nhâm Thân 壬申 1932

(Thiếu dương tư thiên, Thái-giác-Mộc, Quyết âm tại tuyền)

Mộc vận thái quá, Thang mộc thịnh, nên bệnh hay đau gan, chóng mặt gân co, Thổ suy tý yếu.

Phép chữa phải bình Mộc bổ tý.

Từ tuyết Đại hàn đến tháng giêng là khí thứ I thuộc Thiếu Âm quân hỏa, làm ra bệnh huyết dật; mắt đỏ, ho suyễn rức đầu. Từ tháng 2 đến tháng 3 là khí thứ II thuộc Thái âm thổ thấp nhiệt làm bệnh, khí nhiệt uất lên hay mưa thổ, rức đầu, đau mắt ho hắng.

Từ tháng 4 đến tháng 5 là khí thứ III thuộc Thiếu Dương tương hỏa, bệnh cũng như trên.

Khi thứ IV thuộc Dương Minh Kim, chủ Thổ sinh Kim

Khi thứ V thuộc Thái Dương Thủy, chủ Kim sinh Thủy

Khi thứ VI thuộc Quyết âm Mộc; chủ Thủy sinh Mộc (thời khi cũng giống như năm Canh Thân).

Năm nay ruộng mùa Hạ mất, ruộng mùa Thu được nửa, cây cối không yên, nhân dân cũng không yên lành.

Một người ăn hết 1 thưng.

### Năm Quý Dậu 癸酉 1933

(Dương minh tư thiên, Thiếu vi hỏa Thiếu âm tại tuyền).

Hỏa vận bất cập, Thủy thừa thế, nên âm tà thịnh mà dương khí suy, gân sau lưng và mắt đau, bụng to, bụng đầy, đi tả không ăn được cơm.

Phép chữa phải bổ tâm trực hàn.

Khi thứ I thuộc Thái âm thổ, chủ mộc khắc thổ, nhiều bệnh phong thấp, hại tý thận, bệnh nhiệt trướng, mặt mắt phù sưng. Khi thứ II thuộc Thiếu dương tương hỏa, có bệnh dịch lệ.

Khi thứ III thuộc Dương minh Kim, chủ Hỏa khắc Kim nhiều bệnh sốt rét. Khi thứ IV thuộc Thái Dương Thủy chủ Thổ khắc Thủy — Khi thứ V thuộc quyết âm mộc chủ Kim khắc mộc — Khi thứ VI thuộc Thiếu âm quân Hỏa chủ Thủy khắc Mộc. Ba tháng mùa xuân mưa thường 3 tháng mùa Hạ khô cạn, 3 tháng mùa Thu nước to lụt, 3 tháng mùa Đông mưa thường.

Năm nay ruộng mùa Hạ được nửa, ruộng mùa Thu được



cả, sâu keo cắn hại, tôm cá muối nhiều, vàng bạc quý giá, dân không được yên, nhiều người chết, 3 người ăn hết nửa thưng.

### Năm Giáp Tuất 甲戌 1934

(Thái dương tư thiên, Thái cung Thổ, Thái âm tại tuyền)

Thổ vận Thái quá, chủ âm vũ, Thổ thắng khắc Thủy, thấp đại hành, hay có bệnh đau bụng, giá lạnh, mình nặng, chân tay không cất nhắc được.

Kiên không nên dùng thuốc hàn lương, phải dùng thuốc trừ thấp bổ thận.

Khí thứ I thuộc Thiếu Dương Hỏa chủ Mộc sinh Hỏa, dương khí không hành được, nhiều người mắc bệnh uất khí bụng đầy, bệnh ôn nhiệt rức đầu mình nóng.

Khí thứ II thuộc Dương minh Kim chủ Hỏa khắc Kim, khí hàn trệ trong mình, nên dương khí không hành được làm ra uất khí đầy bụng.

Khí thứ III thuộc Thái Dương Thủy chủ Hỏa khắc Thủy, nhiều bệnh ngoài lạnh trong nóng, bệnh ung thư đau tim, nếu không điều trị chóng thì chết.

Khí thứ IV thuộc quyết âm Mộc khắc thổ. Mộc hay sinh Hỏa, phải bệnh nóng lắm, tý Thổ phải hại, nên có bệnh hai chân mềm yếu, đi ngoài ra sắc đỏ trắng.

Khí thứ V thuộc Thiếu âm Hỏa khắc Kim.

Khí thứ VI thuộc Thái âm Thổ khắc Thủy, nhiều bệnh về Thai sản. Năm nay ruộng mùa hạ mùa thu và hoa quả đều được nửa, tắm nhiều (khí hậu cũng như năm Nhâm-Tuất). Hai người ăn hết một thưng.

### Năm Ất Hợi 乙亥 1935

(Quyết âm tư thiên, Thiếu thương Kim, Thiếu-Dương tại tuyền).

Kim vận bất cập, Hỏa thừa thế đại hành, hay có bệnh nơi đầu, nơi miệng lưỡi, và đau tim.

Phép chữa phải Thanh phế giáng hỏa.

Khí thứ I thuộc Dương minh Kim khắc Mộc, nhiều bệnh



gân co. Khí thứ II thuộc Thái Dương, Thủy khắc Hỏa, vì thế khí dương nấp vào trong, hóa ra bệnh nóng trong.

Khí thứ III thuộc quyết âm Mộc sinh Hỏa, sinh bệnh chóng mặt ù tai.

Khí thứ IV thuộc Thiếu âm Hỏa sinh Thổ, thấp nhiệt hành sự, nhiều bệnh phát vàng.

Khí thứ V thuộc Thái âm, Thổ sinh Kim.

Khí thứ VI thuộc Thiếu Dương Hỏa, chủ Thủy khắc Hỏa, có bệnh ôn lúc rét nóng.

Năm nay ruộng mùa Hạ được nửa, ruộng mùa Thu được cả, bị gió đập hại lúa, mùa thu hạn, hoa quả tằm mất nửa, dũ rừng, bình dân tán loạn, 4 người ăn hết một thưng.

### Năm Bính Tý 丙子 1936

(Thiếu âm tư thiên, Thái Vũ Thủy, Dương minh tại tuyền).

Thủy vận Thái quá, Thủy thắng khắc Hỏa, nhiều bệnh mình nóng, buồn bực, đau tim, cũng có khi Thủy tự làm bệnh bụng to, dùi sung, hải gió, đồ mờ hơi trộm.

Phép chữa phải trực hàn bổ tâm.

Khí thứ I thuộc Thái Dương Thủy sinh Mộc.

Khí thứ II thuộc quyết âm Mộc sinh Hỏa, có bệnh mắt đỏ mắt đau. Khí thứ III thuộc Thiếu âm quân Hỏa hay phát bệnh khí quyết tâm thống, sốt rét ho xuyên đau mắt. Khí thứ IV thuộc Thái âm Thổ, thấp thổ thịnh làm ra bệnh nóng rét, hoàng đởm, đồ máu cam.

Khí thứ V thuộc Thiếu Dương Hỏa khắc Kim, khí dương tà thịnh, phát bệnh thời khí.

Khí thứ VI thuộc Dương Minh Kim sinh Thủy, hay sinh bệnh phù sưng, ho xuyên, thổ ra huyết.

Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu, hoa quả đều được, tằm mất nửa, loạn hùm beo, trâu lợn quý, một người ăn hết một thưng.

### Năm Đinh-Sửu 丁丑 1937

(Thái âm tư thiên, Thiên giác mộc, Thái Dương tại tuyền)

Mộc vận bất cập, hỏa thừa thế khắc Kim, có chứng tả)



chứng tiện huyết; nhiều người mắc bệnh kinh quyết âm là Hỏa vô căn; hay chóng mặt, miệng lưỡi lở đau. Phép chữa phải bổ can thanh táo.

Khi thứ I thuộc quyết âm mộc, phong hay hại can, có bệnh huyết dật gân yếu, mình nặng.

Khi thứ II thuộc Thiếu âm Hỏa, hỏa thịnh nóng lắm, phát ra bệnh dịch lệ.

Khi thứ III thuộc Thái âm Thổ, khí hàn thấp ngưng trệ làm ra chứng phù thũng đầy bụng nặng mình.

Khi thứ IV thuộc Thiếu Dương Hỏa sinh Thổ, nhiều bệnh thuộc thấp nhiệt. Khi thứ V thuộc Dương minh Kim.

Khi thứ VI thuộc Thái Dương Thủy (thì khí giống năm Kỷ-mùi).

Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu mất, hoa quả lợi, tháng 8 có Hồng Thủy, ngày 22-9 thấy sao Kim-Tinh mọc ở phương tây, thì sang năm hạn, 3 người ăn 1 thung.

### Năm Mậu Dần 戊寅 1938

(Thiếu dương, tư thiên Thái Vi hỏa, quyết Âm tại tuyền)

Hỏa vận Thái quá hại Kim, lắm bệnh nóng ho suyễn, ngực đầy, lưng vai đau, nóng tại xương, nên hay thổ huyết đồ máu cam, đi đại-tiện ra huyết. Phép chữa phải giáng hỏa bổ phế.

Khi thứ 1 thuộc Thiếu âm Hỏa, có bệnh ôn huyết dật, mắt đau, ho suyễn, đầu rức, băng huyết.

Khi thứ II thuộc Thái âm Thổ, khí thấp nhiệt uất lên trên, làm ra rức đầu nóng mình, ngực cách hay mưa thổ.

Khi thứ III thuộc Thiếu Dương Hỏa, nhiều chứng nóng này dật huyết, chốc lở mủ mề, ho mưa, đồ máu cam, hầu lệ, mắt đỏ, lắm bệnh chết bất ưng.

Khi thứ IV thuộc Dương minh Kim, chủ Thổ sinh Kim.

Khi thứ V thuộc Thái Dương Thủy, chủ Kim sinh Thủy.

Khi thứ VI thuộc Quyết âm Mộc, chủ Thủy sinh Mộc.

(Khi hậu giống như năm Canh thân).

Năm nay ruộng mùa Hạ được, ruộng mùa thu mất nửa. Hoa quả tầm mất nửa. Mùa Hạ không có mưa, cá được trâu lợn quý; 2 người ăn hết 1 thung.





## Năm Kỷ Mão 乙卯 1939

(Dương Minh tư thiên, Thiếu cung Thổ, Thiếu âm tại Tuyền)

Thổ vận bất cập, Mộc thịnh khắc thổ, cây cối có lốt song, ít quả, lăm bệnh về tý vị, mình nặng đi tả, bệnh đau mắt, thương gân.

Phép chữa phải ích Tý bình Can.

Khi thứ I thuộc Thái âm Thổ khắc Thủy, chủ phong thấp, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Tý vị phải hại, bệnh nhiệt trướng, mặt mắt phù sưng, đồ máu cam, hay buồn ngủ.

Khi thứ II thuộc Thiếu Dương hỏa, lăm bệnh ôn dịch; nhân dân chết nhiều.

Khi thứ III thuộc Dương minh kim, chủ Hỏa khắc kim, khí dương thịnh phát bệnh sốt rét.

Khi thứ IV thuộc Thái Dương Thủy, chủ Thổ khắc Thủy.

Khi thứ V thuộc quyết âm Mộc, chủ kim khắc mộc.

Khi thứ VI thuộc Thiếu âm Hỏa, chủ Thủy khắc Hỏa, phát bệnh sốt. Năm nay ruộng mùa Hạ, Thu, hoa quả, cá, muối đều lợi, tắm mát. Một người ăn 2 thưng.

## Năm Canh Thìn 庚辰 1940

(Thái dương tư Thiên, Thái thương Kim, Thái âm tại Tuyền).

Kim vận thái quá, Kim thắng hại Can Mộc, phát bệnh đau bụng, đau mắt, thậm chí hỏa phục ở phế kinh, ho suyễn, vai đau. Kim không sinh thủy, lăm bệnh về hạ bộ, Kim thịnh mộc suy, hỏa thừa thế. Phép chữa phải thanh táo bổ can.

Khi thứ I thuận Thiếu Dương Hỏa, chủ mộc sinh hỏa, nhiều bệnh ôn dịch, rức đầu, mình nóng, ban chần lở ngứa.

Khi II thuộc Dương minh Kim chủ hỏa khắc Kim, khí lạnh trệ trong mình, làm cho dương khí không hành được, nên hay có chứng đầy bụng.

Khi thứ III thuộc thái Dương Thủy khắc hỏa, nhiều chứng hàn ngoài lạnh trong nóng, ung thư chủ hạ.

Khi thứ IV thuộc quyết âm mộc khắc thổ, mộc sinh Hỏa phát bệnh nóng dữ, khí ít, chân tay mềm yếu, đi ngoài ra huyết.

Khi thứ V thuộc thiếu âm hỏa khắc Kim. Khi thứ VI thuộc Thái âm Thổ khắc thủy.



Năm nay ruộng mùa Hạ mùa Thu đều được cả, hoa quả tằm mất nửa, lằm rét, lằm sương. 1 người ăn 2 thưng.

### Năm Tân Tỵ 辛巳 1941

(Quyết âm tư thiên, Thiếu vũ mộc, Thiếu dương tại Tuyền)

Thủy vận bất cập, Thổ thừa thế, bệnh thấp thịnh hành, nhiều bệnh hạ bộ, gân xương đau, thịt máy, đau bụng. Phép chữa phải bổ thận trừ thấp.

Khi thứ I thuộc Dương minh Kim khắc mộc, nhiều bệnh gân và gan. Khi thứ II thuộc Thái Dương Thủy khắc Hỏa.

Khi thứ III thuộc quyết âm mộc sinh Hỏa, bệnh về tạng chóng mặt, ù tai. Khi thứ IV thuộc Thiếu âm Hỏa sinh thổ, bệnh thấp nhiệt thịnh hành.

Khi thứ V thuộc Thái âm thổ sinh Kim.

Khi thứ VI thuộc Thiếu dương Hỏa, chủ Thủy khắc Hỏa có lệ khí ôn nhiệt, (khí hậu cũng như năm Quý-hợi).

Năm nay ruộng mùa Hạ được nửa, mùa Thu được cả, hoa quả được nửa, trâu bị thiên thời chết. Một người ăn hết 1 thưng.

### Năm Nhâm Ngọ 壬午 1942

(Thiếu âm tư thiên, Thái giác mộc, Dương Minh tại tuyền)

Mộc vận thái quá sinh hỏa, sinh hại Tỵ.

Khi thứ I thuộc Thái Dương Thủy sinh mộc.

Khi thứ II thuộc quyết âm mộc sinh Hỏa, nhiều bệnh nóng lở ghẻ, mặt nóng, đau mắt.

Khi thứ III thuộc Thiếu âm quân Hỏa hợp với tướng Hỏa, có bệnh khí quyết tâm thống, rét nóng ho suyễn mắt đỏ.

Khi thứ IV thuộc Thái âm Thổ lằm chứng sốt rét Hoàng-đảm, đỏ máu cam.

Khi thứ V thuộc Thiếu dương Hỏa khắc Kim, dương tà thịnh, nhân dân phát nhiều bệnh ôn.

Khi thứ VI thuộc Dương Minh Kim sinh Thủy, bệnh huyết dật phù thũng ho suyễn.

(Thời tiết cũng giống năm Mậu Ngọ)

Năm nay ruộng mùa Hạ mất, mùa thu lợi 2 phần 1, cây cối không yên, 2 người ăn hết 2 thưng.



### Năm Quý Mùi 癸未 1943

(Thái âm tư Thiên: Thiếu vi Hỏa, Thái dương tại tuyền) Hỏa vận bất cập, Thủy thừa thế, Hàn khí đại hành, âm tà thịnh phát bệnh to bụng, gân xương đau, đau mắt, bụng đầy, đi tả. Khí thứ I thuộc quyết âm mộc, phong khí hại gan, nhiều bệnh huyết dật, gân cứng, các cốt xương không lợi. Khí thứ II thuộc Thiếu âm hỏa, hỏa thịnh nhiều nóng, có bệnh lệ khí.

Khí thứ III thuộc Thái âm Thổ, chủ Hỏa sinh thổ.

Khí thứ IV thuộc thiếu dương Hỏa sinh thổ, thấp nhiệt hành sự, nhiều bệnh bao huyết dật, trong nóng đầy.

Khí thứ V thuộc Dương minh Kim.

Khí thứ VI thuộc Thái dương thủy (thời tiết giống năm Kỷ mùi). Năm nay ruộng mùa Hạ mùa thu lợi. Thu nhiều mưa gió, hoa quả được, tắm cá muối quý, nhiều mưa gió rét lắm. 1 người ăn hết 2 thung.

### Năm Giáp Thân 甲申 1944

(Thiếu dương tư thiên, Thái cung Thổ, Quyết âm tại tuyền) Thổ vận thái quá, Thổ khắc Thủy, phát ra bệnh lạnh toát mình nặng chân tay mềm yếu, không cất nhắc được công việc, nhiều mưa gió, là chủ khí phong thấp thịnh.

Phép chữa phải trừ thấp bổ thận.

Khí thứ I thuộc Thiếu âm Hỏa, có bệnh ôn huyết dật, mắt đỏ, ho suyễn, băng huyết, ngoài gió lở ngứa.

Khí thứ II thuộc Thái âm Thổ khí thấp uất ở thượng bộ làm ra mưa thổ rức đầu mình nóng, hầu cổ không lợi. Khí thứ III thuộc Thiếu dương Hỏa, nung đốt làm ra bệnh nóng ho mưa ra nùng huyết, đồ máu cam, hầu tê mắt đỏ chóng chết lắm, khí giao hỏa thịnh ở ngoài, nhân dân lắm bệnh trong lạnh ngoài nóng, sốt rét, lở ghẻ.

Khí thứ IV thuộc Dương Minh Kim, chủ thổ sinh Kim. Khí thứ V thuộc thái Dương Thủy, chủ kim sinh thủy.

Khí thứ VI thuộc Quyết âm mộc, chủ thủy sinh mộc (thời tiết cũng giống năm Canh Thìn. (Năm nay ruộng mùa Hạ mùa Thu được cả, hoa quả ít cá muối đắt, 3 tháng mùa đông mưa, 1 người ăn hết 1 thung.



### Năm Ất Dậu 乙酉 1945

(Dương minh tư thiên, Thiếu Dương Kim, Thiếu âm tai tuyền) Kim vận bất cập, Hỏa thừa thế đại hành, Kim phải Hỏa-tà, nên phát bệnh chóng mặt, miệng lưỡi tim đau.

Phép chữa phải thanh phế giáng Hỏa.

Khi thứ I thuộc Thái-âm Thổ, chủ mộc khắc Thổ, nhiều bệnh nhiệt trướng, mặt mắt phù thũng, hay đổ máu cam.

Khi thứ II thuộc Thiếu-dương Hỏa nhân dân mắc bệnh ôn dịch chết nhiều.

Khi thứ III thuộc Dương minh Kim, chủ Hỏa khắc Kim có chứng sốt rét.

Khi thứ IV thuộc Thái Dương Thủy chủ thổ khắc Thủy.

Khi thứ V thuộc quyết âm mộc, chủ Kim khắc mộc.

Khi thứ VI thuộc Thiếu âm Hỏa, chủ thủy khắc Hỏa, lắm chứng sốt.

Năm nay ruộng mùa Hạ được nửa, ruộng mùa Thu được cả, Hoa quả mất nửa phần, trẻ con phát đậu, và lở ngứa, 3 người ăn hết 1 thung.

### Năm Bính Tuất 丙戌 1946

(Thái-dương tư thiên, Thái vũ-thủy, Thái âm tai tuyền) Thủy vận thái quá, Thủy thắng khắc hỏa, nên làm ra chứng đau tim buồn bực mình nóng, thấp thũng ho suyễn, đồ mồ hôi trộm, hải gió, sởi bụng đi tả.

Phép chữa phải trực Thủy bổ tâm.

Khi thứ I thuộc Thiếu dương hỏa, chủ mộc sinh hỏa, lắm chứng sốt rức đầu, mình nóng lở ngứa.

Khi thứ II thuộc Dương-minh-kim, chủ hỏa khắc kim, khí lạnh tự ở trong làm cho dương-khí không hành được, khí uất đầy bụng.

Khi thứ III thuộc Thái-dương thủy khắc hỏa, có bệnh ngoài lạnh trong nóng, ung thư lở lang.

Khi thứ IV thuộc Quyết âm mộc khắc thổ, khí phong thấp đánh nhau, nhiều bệnh về tý vị, và chứng nóng.

Khi V thuộc Thiếu âm hỏa khắc kim.

Khi thứ VI thuộc Thái âm thổ khắc thủy.

Năm nay ruộng mùa hạ được nửa, ruộng mùa thu được toàn, hoa quả được, mùa hạ không mưa, tháng 8 có hồng thủy, trâu bị thiên thời, 2 người ăn một thung.



## Năm Đinh - Hợi 丁亥 1947

(Quyết âm tư thiên, thiếu giác mộc, thiếu dương tai tuyền).

Mộc vận bất cập, kim thừa thế khắc mộc, làm ra chứng đau gân, đau bụng, mộc không sinh hỏa, nên hay sôi bụng đi ngoài, mộc bất cập, không chế được bệnh, nên phát ra ung thư lở ngứa. Phép chữa phải bồ can thanh táo.

Khi thứ I thuộc Dương minh kim khắc mộc, nhiều bệnh về gan. Khi thứ II thuộc Thái dương kim thủy khắc hỏa, có bệnh nóng trong. Khi thứ III thuộc quyết âm mộc sinh hỏa, phát ra chóng mặt, tai như ve kêu.

Khi thứ IV thuộc thiếu âm hỏa sinh thổ, khí thấp nhiệt đại hành, nhiều chứng hoàng đởm.

Khi thứ V thuộc Thái âm thổ sinh kim. Khi thứ VI thuộc thiếu dương hỏa, chủ thủy khắc hỏa, có nhiều lệ khí (khí giống năm Quý-Hợi).

Năm nay ruộng mùa hạ được toàn; ruộng mùa thu được nửa, 3 tháng hạ hạn, sang thu mưa; mùa đông có mưa gió trâu lợn bị thiên thời, hai người ăn hết một thung.

## Năm Mậu-Tý 戊子 1948

(Thiếu âm tư thiên, Thái vi Hỏa, Dương minh tai tuyền)

Hỏa vận thái quá hại Kim, làm ra bệnh huyết dật ho suyễn, mình nóng lở ngứa. Phép chữa phải giáng hỏa bồ phế.

Khi thứ I thuộc Thái dương Thủy sinh Mộc, nhiều bệnh rét. Đến tháng 2 mới nắng dữ, trong ngoài mình đều nóng lắm, lở ngứa.

Khi thứ II thuộc quyết âm Mộc sinh Hỏa, có bệnh tả mắt đau, mắt đỏ. Khi thứ III thuộc Thiếu âm quan Hỏa, hợp tướng Hỏa, phát chứng đau tim, người già lạnh, sốt rét ho suyễn mắt đỏ.

Khi thứ IV thuộc Thái âm Thổ, bệnh sốt rét phát vàng, đỏ máu cam.

Khi thứ V thuộc Thiếu dương Hỏa khắc Kim, nhân dân mắc chứng dịch sốt.



Khí thứ VI thuộc Dương minh Kim sinh Thủy có chứng phù thũng, ho suyễn.

Năm nay ruộng mùa Hạ mùa Thu mất nửa, xuân hạ hạn, hoa quả được nửa, mùa đông lắm mưa, nhiều cá, muối ít, 2 người ăn hết một thung.

### Năm Kỷ-Sửu 己 丑 1949

(Thái âm tư thiên, Thiếu cung Thổ, Thái Dương tại tuyền)

Thổ vận bất cập, Mộc thừa thế đại hành, Thổ bất cập, nên cây cối có tốt, nhưng không quả, lắm bệnh tả, mình nặng, đau bụng, thịt máy động.

Phép chữa phải ích Tỳ vị, bình Can mộc.

Khí thứ I thuộc quyết âm mộc, có bệnh về gan.

Khí thứ II thuộc Thiếu âm hỏa, phát bệnh ôn dịch.

Khí thứ III thuộc Thái âm Thổ, nhiều bệnh Hàn thấp.

Khí thứ IV thuộc Thiếu Dương hỏa sinh Thổ, nhiều khí thấp nhiệt, phát ra chứng huyết dật bụng trương đầy.

Khí thứ V thuộc Dương minh Kim.

Khí thứ VI thuộc Thái dương thủy.

Năm nay ruộng mùa Hạ mùa Thu được, hoa quả cũng đậu, nhân dân nhiều bệnh, loạn lạc không được yên, một người ăn hết 3 thung.

### Năm Canh-Dần 庚 寅 1950

(Thiếu dương tư thiên, Thái Dương Kim, quyết âm tại tuyền)

Kim vận thái quá hại can, nhiều bệnh phong nhiệt đau gân, đau mắt, đau bụng dưới, đau vai, đau lưng ho suyễn. Kim không sinh Thủy, nửa mình về dưới cũng có bệnh.

Phép chữa phải thanh táo bổ gan.

Khí thứ I thuộc Thiếu âm Hỏa, có chứng huyết dật, băng huyết, ho suyễn rức đầu lở ngứa.

Khí thứ II thuộc Thái âm Thổ, khí thấp nhiệt uất ở trên mưa thổ, rức đầu, mình nóng lở ngứa mũ mê.

Khí thứ III thuộc Thiếu Dương Hỏa.

Khí thứ IV thuộc Dương minh kim, chủ Thổ sinh Kim



Khí thứ V thuộc Thái Dương Thủy, chủ Kim sinh thủy.  
 Khí thứ VI thuộc quyết âm Mộc, chủ Thủy sinh Mộc.  
 (Thời tiết cũng giống năm Canh Thân).

Năm nay ruộng mùa Hạ mùa Thu được cả, hoa quả được  
 nửa, một người ăn 2 thưng.

### Năm Tân - Mão 辛卯 1951

(Dương-minh tư thiên, thiếu-vũ thủy, Thiếu-âm tại tuyền)

Thủy vận bất cập, Thổ thừa thế khí thấp thịnh hành.  
 Phép chữa phải bổ thận trừ thấp.

Khí thứ I thuộc thái-âm thổ, chủ mộc khắc thổ hại tý  
 vị, bệnh nhiệt, chướng mặt, mắt phù sưng hay buồn ngủ.  
 Khí thứ II Thiếu-dương hỏa, phát chứng ôn dịch, hại nhiều  
 người. Khí thứ III thuộc dương-minh Kim, chủ hỏa khắc  
 Kim có chứng sốt rét. Khí thứ IV thuộc Thái-dương Thủy,  
 chủ Thổ khắc Thủy, phát chứng ung sang tiện huyết. Khí  
 thứ V thuộc Quyết-âm mộc, chủ kim khắc mộc. Khí thứ VI  
 thuộc Thiếu-âm Hỏa, chủ Thủy khắc Hỏa (Thời tiết cũng  
 giống năm Đinh-Mão).

Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu mất nửa, hoa quả lợi  
 bình dân tán loạn, trâu bò thiên thời, lợn quý, tháng 8  
 hồng Thủy. 2 người ăn hết 1 thưng.

### Năm Nhâm - Thìn 壬辰 1952

(Thái-dương tư thiên, Thái-giác mộc, Thái-âm tại tuyền)

Mộc vận Thái quá, chủ Phong, cây cối không yên, người ta lắm  
 bệnh về tý, đau gan, đau mắt. Phép chữa phải bình mộc bổ  
 tý. Khí thứ I thuộc Thiếu-dương Hỏa khắc mộc, có bệnh thời  
 khí, nhức đầu, mình nóng, phát chứng ban chẩn. Khí thứ II  
 thuộc Dương-minh Kim, chủ Hỏa khắc Kim phát chứng ung  
 thư, trong tim nóng nảy hay đi tiết tả. Khí thứ III thuộc  
 Thái-dương Thủy khắc Hỏa. Khí thứ IV thuộc Quyết-âm, mộc  
 khắc Thổ, mộc sinh Hỏa phát bệnh nóng lắm, tý vị bị thương,  
 có bệnh hay đoán hơi, chân tay mỏi mệt, tả lý sắc đỏ trắng.  
 Khí thứ V thuộc Thiếu-âm Hỏa khắc Kim. Khí thứ VI thuộc  
 Thái-âm Thổ khắc Thủy (Thời tiết cũng giống năm Nhâm-  
 Tuất).

Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu, hoa quả đều được



nửa, cá muối nhiều, trầu, dê, lợn quý. Một người ăn hết hai thưng,

### Năm Quý Tỵ 癸巳 1953

(Quyết âm tư thiên, Thiếu vi Hỏa, Thiếu dương tại tuyền) Hỏa vận bất cập. Thủy thừa thể đại hành sự, gân sau lưng và mắt đau, bụng to, bụng đầy đi tả.

Phép chữa phải trực hàn bổ tim.

Khi thứ I thuộc Dương-minh Kim khắc mộc, nhiều bệnh về gan. Khi thứ II thuộc Thái dương thủy khắc hỏa. Khi thứ III thuộc Quyết-âm Mộc khắc Thổ, bệnh thuộc phong Mộc, chóng mặt, tai như ve kêu. Khi thứ IV thuộc Thiếu-âm Hỏa linh thổ, có chứng phát vàng. Khi thứ V thuộc Thái-âm Thổ sinh Kim. Khi thứ VI thuộc Thiếu-dương Hỏa, chủ thủy khắc Hỏa, nhiều khi nóng có bệnh dịch. (Thời tiết giống năm Quý-hợi).

Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu ít, hoa quả được nửa, cá muối lợi, tắm được. 3 người ăn hết 1 thưng.

### Năm Giáp Ngọ 甲午 1954

(Thiếu-âm tư thiên, thái cung thổ, Dương minh tại tuyền) Thổ vận thái quá, thổ thắng khắc Thủy, chủ thấp khí hại tý vị đau bụng lạnh ngắt, mình nặng, chân tay mềm yếu không cất nhắc lên được. Phép chữa phải trừ thấp bổ thận.

Khi thứ I thuộc Thái dương Thủy sinh mộc. Khi thứ II thuộc Quyết-âm mộc sinh Hỏa, phát chứng đau mắt mình nóng.

Khi thứ III Thuộc Thiếu-âm Quân Hỏa, phát chứng khí huyết tâm thống sốt rét, ho suyễn, mắt đỏ. Khi thứ IV thuộc Thái-âm Thổ, có bệnh sốt rét phát vàng, đờ máu cam. Khi thứ V thuộc Thiếu-dương Hỏa khắc kim. Khi thứ VI thuộc Dương-minh kim sinh thủy, có chứng phù thũng, ho thổ ra huyết.

(Thời tiết cũng giống năm Mậu-ngọ).

Năm nay ruộng mùa hạ được nửa, ruộng mùa thu được, hoa quả tắm cá được, muối đất, loạn thần khí, trẻ con lắm đậu sởi. 2 người ăn hết một thưng.



**Năm Ất - Mùi 乙未 1955**

(Thái-âm tư thiên, thiếu thương kim, thái-dương tại tuyền).

Kim vận bất cập, Hỏa thừa thế. Phép chữa phải thanh can giáng hỏa.

Khi thứ I thuộc Quyết-âm mộc, phong thương can, có bệnh huyết dật, gân và các đốt xương không lợi. Khi thứ II thuộc Thiếu-âm Hỏa, nhiều khí nóng có bệnh sốt. Khi III thuộc Thái-âm thổ, chủ hỏa sinh thổ, khí hàn thấp ngưng trệ, lăm chứng nặng mình, đầy bụng, phù thũng. Khi thứ IV thuộc Thiếu-dương hỏa sinh thổ, khí thấp nhiệt thịnh, huyết nhiệt làm ra chứng thổ huyết, bụng đầy chướng.

Khi thứ V thuộc Dương-minh kim. Khi thứ VI thuộc Thái-dương thủy, nhiều chứng cảm hàn, đau lưng. Năm nay ruộng mùa hạ mùa thu được, hoa quả, muối cá cũng được, hạ tuần tháng 8 có hồng thủy, một người ăn hết một thung.

**Năm Bính-Thân 丙申 1956**

(Thiếu dương tư thiên, Thái vũ Thủy, Quyết âm tại tuyền)

Thủy vận thái qua, chủ hàn thủy thắng khắc Hỏa.

Phép chữa phải trục hàn bổ tâm.

Khi thứ I thuộc Thiếu-âm Hỏa, khí uất ở trên làm bệnh huyết dật mắt đỏ, băng huyết, rức đầu, ngoài da ngứa ngáy.

Khi thứ II thuộc Thái-âm thổ thấp nhiệt làm ra bệnh mưa thổ, ngực cách không lợi, nhức đầu, mình nóng, lở lảy lăm mủ.

Khi thứ III thuộc Thiếu dương Hỏa, bệnh nhiệt đỏ máu cam, hầu tê mắt đỏ, chết rất chóng.

Khi thứ IV thuộc dương minh kim, chủ thổ sinh kim.

Khi thứ V thuộc thái-dương thủy, chủ kim sinh thủy.

Khi thứ VI thuộc Quyết-âm mộc, chủ thủy sinh mộc.

Năm nay ruộng mùa hạ được nửa, ruộng mùa thu lợi. Xuân mưa, hạ hạn, hoa quả được nửa, tằm, cá muối lợi loạn thần khí, trâu bị thiên thời chết. Ba người ăn một thung.

**Năm Đinh-Dậu 丁酉 1957**

Dương-minh tư thiên, thiếu giác mộc, thiếu âm tại tuyền)



mộc vận bất cập Kim thừa thế khắc mộc.

Phép chữa phải bổ gan thanh táo.

Khi thứ I thuộc Thái-âm thổ khắc thủy; tý, thận đều hại cả, phát ra chứng nhiệt trướng, mặt mắt phù thũng, đỏ máu cam, hay buồn ngủ.

Khi thứ II thuộc thiếu - dương - hỏa, nhân dân phải chứng ôn dịch chết nhiều. Khi thứ III thuộc Dương - minh kim, chủ Hỏa khắc kim (Dương-thịnh thời hành) Hay có chứng sốt rét. Khi thứ IV thuộc Thái-dương Thủy, chủ Thổ khắc Thủy, thủy uất nên khi nóng chứng nẫu, lâu thành chứng thủy ách, nóng trong đi tả. Phép chữa phải đạo thủy tời khỏi, nhiều bệnh đau tim, bệnh ung thũng lở ngứa, sốt rét, đi đại tiện ra huyết; những chứng ấy đều thuộc tâm. thần. Khi thứ V thuộc Quyết-âm mộc, chủ kim khắc mộc. Khi thứ VI thuộc Thiếu-âm Hỏa khắc mộc.

Năm nay ruộng mùa hạ mùa thu được, nhiều cá, muối mất nửa, một người ăn hết 1 thưng.

### Năm Mậu Tuất 戊戌 1958

(Thái dương tư thiên, Thái vi hỏa, Thái âm tại tuyền).

Hỏa vận thái quá khắc kim, phát ra chứng sốt ho, gân lưng đau, mình nóng. Phép chữa phải giáng hỏa bổ phế.

Khi thứ I thuộc Thiếu dương hỏa khắc mộc nhiều bệnh sốt tự nhiên, nhức đầu mưa thổ, sinh mụn lở. Khi thứ II thuộc Dương-minh Kim, chủ Hỏa khắc Kim khi lạnh trệ làm cho khí dương không hành được nên uất ở trong làm ra đầy bụng. Khi thứ III thuộc Thái-dương Thủy khắc hỏa, bên ngoài lạnh trong nóng, tim nóng lắm, phát bệnh ung thư, đi tả. Khi thứ IV thuộc Quyết âm mộc khắc thổ, mộc sinh hỏa nhiều bệnh nóng, tý, thổ phải khắc cho nên đoán hơi, chân tay yếu, tả lý ra Jỏ trắng. Khi thứ V thuộc Thiếu-âm Hỏa khắc kim. Khi thứ VI thuộc Thái-âm Thổ khắc Thủy.

Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu được, hoa quả lợi, cá muối qui, loạn thần khí, dân lắm bệnh, trâu chết nhiều, 1 người ăn hết 3 thưng.

### Năm Kỷ-Hợi 巳亥 1959

(Quyết âm tư thiên, thiếu cung - thổ, Thiếu dương tại tuyền

Thổ vận bất cập, phong mộc thừa thế hành sự, Thổ không đầy đủ, cây cối có tốt nhưng ít quả, lắm chứng đi tả, mình nặng, đau bụng, thịt máy động, những tháng ba, tháng sáu, tháng chín, tháng mười hay có gió to, người ta có bệnh về gan. Phép chữa phải ích tỳ, bình mộc.

Khi thứ I thuộc Dương minh Kim khắc mộc, có chứng co gân. Khi thứ II thuộc Thái-dương Thủy khắc Hỏa nhiều bệnh nhiệt. Khi thứ III Thuộc Quyết-âm Mộc sinh Hỏa, nhiều bệnh phong mộc, khí nhiệt hành nửa mình dưới, khí phong thành nửa mình trên. Khi thứ IV thuộc Thiếu âm Hỏa sinh thổ, khí thấp nhiệt hành sự, có chứng phát vàng, chứng tả khát. Phép chữa phải giải nhiệt. Khi thứ V thuộc Thái-âm Thổ sinh Kim, Khi thứ VI thuộc Thiếu-dương Hỏa, chủ Thủy khắc Hỏa, có chứng thời khí hàn nhiệt ôn dịch.

Năm nay ruộng mùa Hạ được nửa, mùa Thu được cả hoa quả được nửa, cá muối được, sang thu hồng thủy, người đàn bà có bệnh động thai, một người ăn hết 3 thưng.

### Năm Canh Tý 庚子 1960

(Thiếu-âm tư thiên, Thái thương Kim, Dương-minh tại tuyền)

Kim vận thái quá, hại gan có bệnh về gân vai, lưng đau mắt đau, ho suyễn.

Phép chữa phải thanh phế bổ gan.

Khi thứ I thuộc Thái-dương Thủy sinh mộc, bệnh hàn sang tháng 2 khí nắng nóng đến phát chứng lở ghẻ. Khi thứ II thuộc Quyết-âm mộc sinh hỏa, có chứng lâm lậu, mắt đỏ mặt nóng. Khi thứ III thuộc Thiếu âm Hỏa, hợp tương hỏa phát chứng quyết tâm thống sốt rét, ho suyễn, mắt đỏ, dật huyết, tiện huyết, tim, lưng đau. Khi thứ IV thuộc Thái âm thổ sốt rét, phát vàng, mũi đỏ máu cam. Khi thứ V thuộc Thiếu-dương Hỏa khắc kim, Dương tà thịnh, nhân dân mắc bệnh thời khí sốt rét. Khi thứ VI thuộc dương minh Kim sinh thủy phát chứng phù thũng, ho suyễn, thổ ra huyết.

Năm nay ruộng mùa Hạ mất, ruộng mùa thu được, hoa quả được nửa, muối lợi, 3 tháng xuân hạn, thượng tuần tháng



10hồng thủy; có bệnh dịch trâu. Một người ăn hết một thung.

### Năm Tân Sửu 辛 丑 1961

(Thái âm tư thiên, thiếu vũ thủy, Thái-dương tại tuyền).

Thủy vận bất cập, thổ thấp thừa thế đại hành sự. Phép chữa phải trừ thấp bổ thận, Khí thứ I thuộc Quyết-âm mộc phong khí hại gan, phát chứng huyết dật, minh nặng, gân mềm yếu. Khí thứ II thuộc thiếu-âm hỏa, có chứng dịch sốt. Khí thứ III thuộc thái âm-thổ, phát bệnh hàn thấp ngưng trệ minh sưng, bụng đầy, bí tắc và chứng hàn quyết tâm thống. Khí thứ IV thuộc thiếu dương hỏa sinh thổ, khí thấp nhiệt đều hành sự, nhiều bệnh huyết nhiệt; mửa thổ ra huyết, tim và bụng đầy chướng. Khí thứ V thuộc dương minh kim. Khí thứ VI thuộc thái-dương thủy lâm chứng cảm hàn, các đốt xương không lợi, đau lưng.

Năm nay ruộng mùa hạ; mùa thu được cả, hoa quả lợi lắm cũng được, một người ăn hết hai thung.

### Năm Nhâm - Dần 壬 寅 1962

(Thiếu - dương tư thiên, Thái giác mộc, Quyết - âm tại tuyền). Mộc vận thái quá, khắc thổ, can thịnh, lâm bệnh đau mắt, Thổ suy, nhiều bệnh thuộc tý. Phép chữa phải bình mộc bổ tý.

Khí thứ I thuộc thiếu-âm Hỏa có chứng sốt, huyết dật, đau mắt, ho suyễn, chốc đầu, băng huyết, ngoài da ngứa ngáy. Khí thứ II thuộc Thái-âm Thổ khí thấp nhiệt lâm bệnh, khí nhiệt uất ở nửa mình trên, mửa thổ, nhức đầu, mình nóng, lở lảy mủ nhiều. Khí thứ III thuộc Thiếu-dương Hỏa; khí nhiệt uất ở trên, phát ra bệnh ho mửa, đờ máu cam, hầu tê, mắt đỏ hay chóng chết, đến lúc giao khí, hỏa thịnh ở ngoài mình, nên làm ra trong lạnh ngoài nóng. Hàn ở trong thì hay đầy bụng đi tả, nhiệt ở ngoài thịnh thì có chứng ngứa ngáy và sốt rét. Khí thứ IV thuộc Dương-minh kim, chủ thổ sinh kim. Khí thứ V thuộc Thái-Dương Thủy, chủ kim sinh Thủy. Khí thứ VI thuộc Quyết-âm mộc, chủ Thủy sinh mộc. Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu được cả, hoa quả, tầm lợi, muối đất, trẻ con lâm bệnh đậu sởi, dân đại loạn. Một người ăn hết 3 thung.



## Năm Quý Mão 癸卯 1963

(Dương-minh tư thiên, Thiếu vi hỏa, Thiếu-âm tại tuyền)

Hỏa vận bất cập, thủy thừa thế đại hành sự. Phép chữa phải bổ tâm trực hàn.

Khi thứ I thuộc Thái-âm Thổ, chủ mộc khắc Thổ, nhiều bệnh về tý vị, làm ra chứng nhiệt chướng, mặt, mắt phù sưng, hay buồn ngủ, đổ máu cam. Khi thứ II thuộc Thiếu-Dương hỏa phát ra bệnh ôn dịch, chết nhiều người. Khi thứ III thuộc dương minh kim có chứng sốt rét. Khi thứ IV thuộc thái-dương Thủy, chủ thổ khắc Thủy, phát những ung sưng lở ngứa, đi đại tiện ra huyết, thủy uất cho nên nhân dân lắm chứng nóng. Trong phép chữa phải làm thuốc lợi thủy mới khỏi. Khi thứ V thuộc quyết âm mộc chủ kim khắc mộc. Khi thứ VI thiếu âm hỏa, chủ thủy khắc hỏa có chứng sốt. Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu ít, lắm mưa gió, nhân dân bị loạn lạc đi các nơi mới chiêu tập về làng. Hai người ăn hết một thưng.

## Năm Giáp - Thìn 甲辰 1964

(Thái-dương tư thiên, Thái-cung Thổ, Thái-âm tại tuyền)

Thổ vận thái quá, thổ thắng khắc thủy, thấp khi đại hành sự. Phép chữa phải trừ thấp bổ thận. Khi thứ I thuộc Thiếu dương hỏa, chủ mộc sinh hỏa phát ra chứng rức đầu, mình nóng, mưa thổ phát ban lên sởi. Khi thứ II thuộc Dương minh kim chủ mộc khắc kim, khí lạnh trệ ở trong, làm cho khí dương không hành được. Khí uất, hóa ra đầy bụng. Khi thứ III thuộc Thái-dương Thủy khắc Hỏa, phát ra chứng ngoài lạnh trong nóng, chứng ung thư đi tả. Hỏa uất làm ra chứng hàn thấp, chân tay mềm yếu, đi tả huyết dật. Khi thứ IV thuộc Quyết âm Mộc khắc Thổ, mộc hay sinh hỏa làm ra nóng dữ, nhiều bệnh tý. Khi thứ V thuộc thiếu âm hỏa khắc kim. Khi thứ VI thuộc Thái âm thổ khắc thủy, khí thấp hành sự, khi âm hư lắm, cho nên người đàn bà có thai, khi sinh dễ nhiều bệnh. Năm nay ruộng mùa hạ, thu được nửa, hoa quả được, tầm, muối ít, vàng bạc cao giá.

Một người ăn hết một thưng.



## Năm Ất tỵ 乙巳 1965

(Quyết-âm tư thiên, Thiếu thương kim, Thiếu-dương tại tuyền)

Kim vận bật cấp, hỏa thừa thế đại hành sự. Phép chữa phải thanh can giáng hỏa.

Khi thứ I thuộc dương miah kim khắc mộc, nhiều bệnh về gan và gân. Khi thứ II thuộc Thái dương-thủy khắc hỏa, có chứng ngoài lạnh trong nóng. Khi thứ III thuộc Quyết-âm Mộc sinh hỏa, bệnh về phong mộc phát ra chứng chóng mặt tai như ve kêu. Khi thứ IV thuộc Thiếu âm Hỏa sinh Thổ, nhiều chứng thấp thũng phát vàng, đi tả khát nước. Phép chữa phải trừ hỏa nhiệt, thời khỏi. Khi thứ V thuộc Thái-âm Thổ sinh kim. Khi thứ VI thuộc Thiếu-dương hỏa, chủ thủy khắc hỏa, có chứng dịch sốt.

Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu mất, hoa quả, cá, muối được, nhân dân loạn lạc tan nát.

Năm người ăn hết một thưng.

## Năm Bính ngọ 丙午 1966

(Thiếu âm tư thiên, Thái vũ thủy, dương-minh tại tuyền)

Thủy vận thái quá. Từ tháng 6 đến tháng 12 Thủy khắc hỏa, phát ra chứng đau tim mình nóng. Năm nay lắm rét. Phép chữa phải trục hàn bổ tâm.

Khi thứ I thuộc thái-dương thủy sinh mộc, có bệnh hàn-sang tháng 2 phát ra lở ngứa.

Khi thứ II thuộc Quyết-âm mộc sinh hỏa, có chứng lâm lậu, mắt đỏ, mặt nóng.

Khi thứ III thuộc Thiếu-âm hỏa phát chứng khi quyết tâm thống, sốt rét, ho suyễn, mắt đỏ thổ huyết hoặc đổ máu cam. Khi thứ IV thuộc thái âm thổ, nhiều bệnh thuộc tý sốt rét, phát vàng. Khi thứ V thuộc Dương-minh Kim sinh thủy, có bệnh thũng, ho suyễn huyết dật.

Năm nay ruộng mùa hạ được nửa, ruộng mùa thu được cả hoa quả mất nửa, thén hạ loạn lạc, nhân dân tản nát tháng ba, có hồng thủy cá nhiều muối đất, trâu lợn chết, nhiều nhân dân có bệnh ôn dịch, tháng 11 động đất. 3 người; ăn hết 1 thưng.



**Năm Đinh-Mùi 丁未 1967**

Thái âm tư thiên, thiếu giác mộc, Thái dương tại tuyền)  
Thổ vận bất cập, Kim khí thừa thế, bệnh táo phát nhiều.  
Phép chữa phải bổ can thanh táo.

Khi thứ I thuộc quyết-âm mộc, phong hại gan, nhiều bệnh về gân. Khi thứ II thuộc thiếu-âm hỏa, Hỏa nhiệt thịnh, bệnh ôn dịch phát khắp mọi nơi. Khi thứ III thuộc thái-âm thổ, khí hàn thấp ngừng trệ, nặng mình, đầy bụng. Khi thứ IV thuộc thiếu dương hỏa sinh thổ, nhiều thối nhiệt, phát ra chứng phù thũng, đầy bụng nhiệt chướng, huyết dật. Khi thứ V thuộc Dương minh Kim. Khi thứ VI thuộc Thái-Dương Thủy có chứng cảm hàn. Năm nay ruộng mùa hè được nửa, ruộng mùa thu được cả, hoa quả được nửa, tháng 8 hồng thủy. Bình dân loạn.

2 người ăn hết một thưng.

**Năm Mậu-Thân 戊申 1968**

(Thiếu - dương tư thiên, thái vi-hỏa, Quyết-âm tại tuyền)  
Hỏa vận thái quá hại kim. Phép chữa phải giáng hỏa bổ phế. Khi thứ I thuộc Thiếu-âm hỏa, phát ra chứng huyết dật, đau mắt, ho suyễn, rức đầu bằng huyết, khắp mình lở ngứa. Khi thứ II thuộc Thái-âm thổ, thấp nhiệt lã bệnh, khí nóng uất ở trên, nên hay mưa thổ, rức đầu, mình nóng, hầu cổ không thông lợi, lở ngứa nhiều mủ. Khi thứ III thuộc thiếu-dương hỏa có chứng nóng trong, thổ huyết, mụn lở có mủ, ho mưa, mũi đỏ máu cam, hầu tê đau mắt, nếu không mau điều trị, thì chết rất chóng. Khi thứ IV thuộc Dương - minh kim, chủ thổ sinh kim. Khi thứ V thuộc Thái-dương Thủy, chủ kim sinh Thủy. Khi thứ VI thuộc Quyết-âm mộc, chủ Thủy sinh mộc.

Năm nay ruộng mùa hạ mất, ruộng mùa thu được nửa hoa quả, muối quý tháng 3 có động đất, tháng 8 có hồng thủy nhân dân loạn lạc tản tác. 3 người ăn hết một thưng.

**Năm Kỷ - dậu 己酉 1969**

(Dương - minh tư thiên, Thiếu cung Thổ, Thiếu - âm tại)



tuyền) Thổ vận bất cập, mộc thừa thế hành sự, thổ không sung túc, cây cối có tốt, nhưng ít quả. Phép chữa bệnh phải ích tỳ vị bình mộc. Khi thứ I thuộc Thái-âm thổ, chủ mộc khắc thổ, nhiều bệnh nhiệt; mặt, mắt phù thũng, hay buồn ngủ, đổ máu cam. Phép chữa phải bổ thổ phạt mộc. Khi thứ II thuộc Thiếu-Dương hỏa có bệnh ôn dịch chết nhiều. Khi thứ III thuộc Dương - minh kim, chủ Hỏa khắc kim, nhiều chứng sốt rét. Khi thứ IV thuộc Thái-dương Thủy, chủ thổ khắc Thủy, có chứng nóng nhiều. Phép chữa phải đạo chân Thủy mới khỏi, và có những chứng đau tim, ung thư, lở ghẻ, tiện huyết đều là bệnh thuộc thận.

Khi thứ V thuộc Quyết-âm mộc, chủ kim khắc mộc.

Khi thứ VI thuộc Thiếu-âm hỏa, chủ Thủy khắc hỏa có chứng sốt.

Năm nay ruộng, mùa hạ mất nửa, ruộng mùa thu mất cả, hoa quả, cá, muối, tấm đều được nửa, trâu bị thiên thời, tháng tám có hồng thủy, mùa đông hạn, nhân dân đói rét, nhiều gió độc. Ba người ăn hết một thung.

### Năm Canh-Tuất 庚戌 1970

(Thái-dương tư thiên, Thái thương kim, Thái-âm tại tuyền) Kim vận thái quá, kim thịnh mộc suy, hỏa thừa thế là n ra chứng đau bụng, đau mắt, ho suyễn, kim không sinh được thủy, nửa mình về dưới đều có bệnh cả. Phép chữa phải thanh táo bổ can.

Khi thứ I thuộc Thiếu-dương hỏa sinh mộc, bệnh thuộc phong hỏa, rức đầu, mình nóng, mưa thổ, lở ghẻ, phát ban. Khi thứ II thuộc Dương minh kim, chủ hỏa khắc kim, khí lạnh trệ ở trong mình, làm cho dương khí không hành được, nên chân khí uất mà bụng đầy. Khi thứ III thuộc Thái-dương thủy khắc hỏa, nhiều chứng ngoài lạnh trong nóng, ung thư đi tả. Khi thứ IV thuộc Quyết-âm mộc khắc thổ, mộc sinh hỏa có bệnh nóng lăm và nhiều chứng thuộc tỳ vị. Khi thứ V, thuộc thiếu-âm hỏa khắc kim. Khi thứ VI thuộc thái-âm thổ khắc thủy, đàn bà có bệnh thai nghén và sinh nở.

Năm nay ruộng mùa hạ và ruộng mùa thu được cả, hoa quả cũng được, cá, muối đắt. Một người ăn hết 3 thung.





**Năm Tân-hợi 辛 亥 1971**

(Quvết âm tư thiên, Thiếu vũ thủy, Thiếu - dương tại tuyền)

Thủy vận bất cập, Thổ thừa thế đại hành sự. Phép chữa phải trừ thấp bổ thận.

Khi thứ I thuộc Dương minh kim khắc mộc, lâm bệnh về gan và về gân. Khi thứ II thuộc thái - dương Thủy khắc hỏa, có bệnh nóng trong. Khi thứ III thuộc quyết - âm mộc sinh hỏa, lâm bệnh về phong hỏa, chóng mặt, tai như ve kêu. Khi thứ IV thuộc Thiếu - âm hỏa sinh thổ, lâm chứng phù thũng phát vàng. Khi thứ V thuộc thái-âm thổ sinh kim. Khi thứ VI thuộc Thiếu-dương Hỏa khắc mộc. Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu được cả, hoa quả, tằm, cá, muối được nửa trâu, dê bị thiên thời chết, mùa thu có hồng thủy, nhiều mưa gió rét. Một người ăn hết ba thưng.

**Năm Nhâm-Tý 壬 子 1972**

(Thiếu âm tư thiên, Tha giác mộc, Dương - minh tại tuyền)

Mộc vận Thái quá, mộc thịnh, thổ suy, phong khí vào gan làm ra bệnh. Phép chữa phá bình mộc bổ tý. Khi thứ I thuộc Thái-dương thủy sinh mộc. Khi thứ II thuộc Quyết-âm mộc sinh hỏa, phát ra bệnh mắt nóng mắt đỏ, đi đại rắt.

Khi thứ III thuộc thiếu-âm hỏa, có chứng khí huyết tâm thống, sốt rét, ho suyễn. Khi thứ IV thuộc Thái-âm thổ có chứng rét nóng, đờ máu cam. Khi thứ V thuộc thiếu-dương hỏa khắc kim. Khi thứ VI Dương-minh kim sinh thủy nhiều chứng phù thũng, ho suyễn, thổ huyết, bụng dưới đau lạnh.

Năm nay ruộng mùa hạ mùa thu được hoa quả tằm được nửa, cá, muối, vàng bạc quý, loạn về tây phương hại hiều, tháng tám có hồng thủy dịch trâu, lợn chết nhiều. Một người ăn hết một thưng.

**Năm Quý-sửu 癸 丑 1973**

(Thái-âm tư thiên, Thiếu-vi hỏa, Thái-dương tại tuyền) Hỏa vận bất cập, thủy thắng thế, khí hàn nhiều, khí dương suy, người ta mắc bệnh âm tà thịnh, mà dương khí chịu thương. Phép chữa phải trực hàn bổ tâm. Khi thứ I thuộc Quyết-âm mộc, phong khí hại gan và gân. Khi thứ II thuộc



thiếu dương hỏa, hỏa khí thịnh lắm, nên ôn dịch phát nhiều,

Khi thứ III thuộc thái-âm thổ, khí hàn thấp ngưng trệ. nên nhiều người nặng mình đầy bụng, giá lạnh co quắp. Khi thứ IV thuộc thiếu-dương hỏa sinh thổ, khí thấp nhiệt đại hành làm ra chứng huyết dật (huyết dật là huyết tràn lên miệng mũi), bụng trướng đầy. Khi thứ V thuộc dương minh kim. Khi thứ VI thuộc thái-dương thủy có bệnh rét

Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu được nửa, hoa quả, tấm cũng được nửa, cá, muối, vàng, bạc cao giá, trâu lợn chết, về phương tây bắc hại nhiều. lắm mưa gió, tháng tám có hồng thủy.

Một người ăn hết một thưng.

### Năm Giáp-Thân 甲申 1974

(Thiếu-dương tư thiên, thái, cung thổ, Quyết-âm tại tuyền)

Thổ vận thái quá khắc thủy. Phép chữa phải tả can, bổ thận. Khi thứ I thuộc Thiếu âm hỏa, có chứng huyết dật, mắt đỏ ho suyễn rức đầu; băng huyết lở ghẻ. Khi thứ II thuộc Thái âm thổ khí thấp nhiệt uất ở trên làm ra mưa thổ rức đầu mình nóng; mụn lở nhiều mủ. Khi thứ III thuộc Thiếu-dương hỏa phát ra chứng hầu tê, đau mắt, sốt rét, chết bất thành linh. Khi thứ IV thuộc Dương-minh kim, chủ thổ sinh kim. Khi thứ V thuộc thái-dương thủy, chủ kim sinh thủy. Khi thứ VI thuộc Quyết âm mộc, chủ thủy sinh mộc.

Năm nay ruộng mùa hạ được toàn, ruộng mùa thu ít, hoa quả, cá muối được, dân bị thiên thời, trẻ con lắm đậu sởi, tấm mất nửa, trâu chết nhiều.

Một người ăn hết một thưng.

### Năm Ất-Mão 乙卯 1975

(Dương-minh tư thiên, Thiếu-thương kim, thiếu âm tại tuyền)

Kim vận bất cập, hỏa thừa thế đại hành sự.

Phép chữa phải thanh phế giáng hỏa.

Khi thứ I thuộc thái-âm thổ, chủ mộc khắc thổ, có chứng nhiệt trướng mặt mũi phù thũng hay buồn ngủ mũi đỏ máu cam. Khi thứ II thuộc Thiếu dương hỏa phát ra bệnh dịch ly



dân chết nhiều. Khí thứ III thuộc Dương minh kim, chủ hỏa khắc kim có chứng rét nóng. Khí thứ IV Thuộc thái-dương thủy chủ thổ khắc thủy, phát ra bệnh đau tim, rọt sây, lở, ghẻ, đi đại tiện ra máu, những chứng ấy đều thuộc về tim, thận cả. Khí thứ V thuộc quyết-âm mộc chủ kim khắc mộc. Khí thứ VI thuộc thiếu-âm hỏa chủ thủy khắc hỏa.

Năm nay ruộng mùa hạ mất, ruộng mùa thu được nửa hoa quả, tằm, cá được, muối đắt, xuân không mưa, tháng 8 có hồng thủy, mùa đông hạn. Hai người ăn hết một thưng.

### Năm Bính Thìn 丙辰 1976

(Thái-dương tư-thiên, Thái vũ thủy, Thái-âm tại tuyền) Thủy vận thái quá khắc hỏa. Phép chữa phải trực hàn bổ tâm. Khí thứ I thuộc thiếu dương hỏa, chủ mộc sinh hỏa, phong mộc làm bệnh, rức đầu, đau mình, phát ban chần. Khí thứ II thuộc Dương-minh kim, chủ hỏa khắc kim, khí hàn trệ ở trong làm cho dương khí không hành được, khí uất bụng đầy. Khí thứ III thuộc Thái-dương Thủy khắc hỏa có chứng ngoài lạnh trong nóng, bệnh ung thư, tiết tả, ở tim nóng lắm. Khí thứ IV thuộc Quyết-âm mộc khắc thổ, phát bệnh nóng lắm, tý phải hại, nên có chứng đoản hơi, chân tay mềm yếu, đi ngoài ra sắc đỏ trắng. Khí thứ V thuộc Thiếu-âm Hỏa khắc kim. Khí thứ VI thuộc thái âm thổ khắc thủy, người đàn bà nhiều chứng thai tiền, sản hậu.

Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu được, hoa quả được nửa. Một người ăn hết một thưng.

### Năm Đinh Tỵ 丁巳 1977

(Quyết-âm tư thiên, Thiếu giác mộc, Thiếu-dương tại tuyền) Mộc vận bất cập kim thừa thế. Phép chữa phải bổ can thanh táo. Khí thứ I thuộc Dương-minh kim khắc mộc có bệnh về gân. Khí thứ II thuộc thái-dương thủy khắc hỏa, nhiều bệnh nhiệt. Khí thứ III thuộc Quyết-âm mộc, phong mộc làm ra bệnh chóng mặt, tai như ve kêu. Khí thứ IV thuộc Thiếu-âm hỏa sinh thổ, khí thấp nhiệt hành sự. Khí



ngừng trệ, mình mẩy phù thũng đầy bụng giá lạnh co quắp. Khi thứ IV thuộc thiếu dương, dương hỏa sinh thổ thấp nhiệt, hành sự, nóng lắm, thổ huyết sốt rét bụng trướng đầy. Khi thứ V thuộc dương thủy có chứng lạnh trong. Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu được, hoa quả hại, tằm được, cá lắm, vàng bạc, muối quý, tháng tám có hồng thủy, mùa đông mưa to, đàn bà có bệnh thai tiền.

Một người ăn hết 1 thưng.

### Năm Canh - Thân 庚申 1980

(Thiếu - dương tư thiên, Thái thương kim, Quyết-âm tại tuyền) Kim vận thái quá hại gan, phép chữa phải thanh táo bồ can. Khi thứ I thuộc Thiếu-âm hỏa có chứng huyết dật, mặt đỏ, ho xuyên, rức đầu, băng huyết, ngoài bì phu lở gẻ l ại hỏa uất, nên có bệnh ôn dịch. Phép chữa phải tán dương khí phục ở âm phận thì khỏi. Khi thứ II thuộc Thái-âm thổ khí thấp nhiệt làm ra bệnh mưa thổ, lở ngứa. Khi thứ III thuộc Thiếu-dương hỏa, phát ra bệnh nóng, ho hắng, bệnh thuộc phế, tý, 2 tạng. Phép chữa phải làm hành tán. Khi thứ IV thuộc Dương-minh kim. Khi thứ V thuộc Thái-dương thủy, chủ kim sinh Thủy. Khi thứ VI thuộc quyết-âm mộc, chủ Thủy sinh mộc.

Năm nay lắm mưa gió, ruộng mùa hạ, mùa thu được hoa quả, cá lợi, muối, tằm được nửa, vàng bạc quý, trâu, ngựa bị thiên thời chết.

Một người ăn hết 1 thưng.

### Năm Tân - Dậu 辛酉 1981

(Dương-minh tư thiên, Thiếu-vũ thủy, thiếu âm tại tuyền) Thủy vận bất cập, Thổ thừa thế, thấp đại hành sự. Phép chữa phải bổ thận trừ thấp. Khi thứ I thuộc thái-âm thổ, chủ mộc khắc thổ, tý vị phải hại phát bệnh nóng trong, trướng đầy, mặt, mắt phù thũng hay buồn ngủ, mũi đỏ máu cam, Phép chữa phải bổ thổ phạt mộc. Khi thứ II thuộc thiếu-dương hỏa, nhân dân phải bệnh ôn dịch chết nhiều. Khi thứ II thuộc Dương - minh kim chủ hỏa khắc kim, phát chứng sốt rét, mưa thổ. Khi thứ IV thuộc Thái-dương Thủy, chủ

thứ V thuộc Thái-âm Thổ sinh kim. Khí thứ VI thuộc Thiếu-dương Hỏa khắc mộc.

Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu được nửa, tầm được, hoa quả, cá, muối quý, loạn lạc về nam phương hại lắm. lắm gió phương đông bắc, có bệnh ôn dịch, trẻ con và trâu, dê chết nhiều, mùa xuân không mưa, mùa thu lắm gió mưa, tháng 8 có hồng thủy, phương tây nam tán loạn. Bốn người ăn hết một thưng.

### Năm Mậu ngọ 戊午 1978

(Thiếu-âm tư thiên, Thái-vi hỏa, Dương-minh tại tuyền)  
Hỏa vận thái quá hại kim, nửa năm về trên lắm bệnh trên nóng lắm, huyết dật, phép chữa phải giáng hỏa bổ phế. Khí thứ I thuộc Thái-dương thủy sinh mộc, đến tháng hai khi nắng đều có chứng dịch lở ngứa. Khí thứ II thuộc Quyết-âm mộc sinh hỏa, phát ra chóng mặt nóng, mắt đỏ, đi đại rất. Khí thứ III thuộc Thiếu-âm hỏa có bệnh khi quyết-tâm-thống, sốt rét, ho suyễn, mắt đau, san tuyết hạ trĩ, phá ra chứng huyết dật mắt đỏ, khí lạnh vào dạ dày làm ra to bụng, ở tim, lưng đau, hầu cổ sưng, thổ tả đau bụng, mửa khan. Khí thứ IV thuộc Thái âm-thổ, có chứng sốt rét, phát vàng, đổ máu cam. Khí thứ V thuộc Thiếu-dương hỏa khắc kim. Khí thứ VI thuộc Dương-minh kim sinh Thủy, có bệnh phù thũng, ho suyễn, huyết dật, bụng dưới lạnh. Trong phép chữa phải làm thuốc ôn. Năm nay ruộng mùa hạ mùa thu mất nửa, cá, muối quý, xuân không mưa, thu, đông lắm mưa, tháng 10 hạn, loạn khí, trâu, lợn chết, người lắm bệnh; 3 người ăn hết một thưng.

### Năm Kỷ - Mùi 己未 1979

(Thái-âm tư thiên, Thiếu-cung thổ, Thái-dương tại tuyền)  
Thổ vận bất cập, mộc thừa thế, phong khí hành sự, Thổ không sung túc, cây cối có tốt nhưng ít quả, nhiều bệnh về Tỳ vị. Phép chữa phải ích tỳ, bình mộc.

Khí thứ I thuộc Quyết-âm mộc, phong khí hại gan, lắm bệnh về gan, mình nặng huyết dật các đốt xương không lợi. Khí thứ II thuộc thiếu âm hỏa, phát ra bệnh hỏa nhiệt, bệnh ôn dịch. Khí thứ III thuộc thái âm thổ, khí hàn thấp



thổ khắc thủy có chứng đau tim, ung sưng, lở ngứa, thận yếu, đi tiện ra huyết, đều là bệnh thuộc tâm thận cả. Khí thứ V thuộc Quyết-âm hỏa, chủ kim khắc mộc. Khí thứ VI thuộc Thiếu-âm hỏa, chủ thủy khắc hỏa.

Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu mất nửa, hoa quả, vàng bạc, tắm nhiều, cá ít, tháng 8 có hồng thủy, ngày 26 tháng 2 có chuyền đất, trâu, lợn chết, trẻ con cũng chết nhiều, người già và con gái lại khỏe, phương đông-bắc loạn quân tan tác.

3 người ăn hết một thưng.

### Năm Nhâm Tuất 壬戌 1982

(Thái-dương tư thiên, Thái giác mộc, Thái âm tại tuyền)

Mộc vận thái quá, phong khí đại hành sự, tỳ phải hại. Phép chữa phải bình mộc, bổ tỳ.

Khí thứ I thuộc Thiếu dương hỏa, chủ mộc sinh hỏa, phong hỏa làm ra bệnh nhức đầu, mình nóng, mưa thổ phát ban, lên sởi, lại có bệnh dịch. Phép chữa phải phát hỏa, ức thủy. Khí thứ hai II thuộc Dương minh kim, chủ hỏa khắc kim khí hàn trệ làm cho dương khí không hành được cho nên đầy bụng.

Khí thứ III thái dương thủy khắc hỏa, có chứng ngoài lạnh trong nóng, ung thư, đi tả, ở tim nóng lắm, đến lúc giao khí hỏa uất làm bệnh hàn thấp đi tả luôn, thổ huyết. Khí thứ IV thuộc Quyết-âm mộc khắc thổ, mộc sinh hỏa, tỳ phải hại, có bệnh đoán hơi, chân tay mềm yếu, đi ngoài ra sắc đỏ trắng. Khí thứ V thuộc thiếu-âm hỏa khắc kim. Khí thứ VI thuộc thái-âm thổ khắc thủy.

Năm nay ruộng mùa hạ ít, ruộng mùa thu được toàn, hoa quả, cá muối được, tắm mát, lắm mưa gió, hồng thủy tháng tư có mưa gió to, tháng 9 hạn, mùa đông nhiều gió trâu bị thiên thời.

Hai người ăn một thưng ,

### Năm Quý-Hợi 癸亥 1983

(Quyết âm tại tuyền, Thiếu vị hỏa, Thiếu dương tại tuyền)

Hỏa vận bất cập, thủy thừa thế, hàn khí đại hành sự. Phép chữa phải trực hàn bổ tâm. Khí thứ I thuộc dương

minh kim khắc mộc, nhiều bệnh về gân, cổ-dau mắt thanh  
 manh. Phép chữa phải thanh hỏa. Khí thứ II thuộc thái  
 dương thủy khắc thổ có chứng ngoài lạnh trong nóng.  
 Khí thứ III thuộc Quyết-âm mộc sinh hỏa phong mộc làm  
 bệnh chóng mặt tai như ve kêu. Khí thứ IV thuộc thiếu âm  
 hỏa, chủ thủy khắc hỏa, phát chứng phù thũng, hoàng đờm.  
 Khí thứ V thuộc Thái-âm thổ sinh kim. Khí thứ VI thuộc thiếu  
 âm hỏa, chủ thủy khắc hỏa.

Năm nay ruộng mùa hạ, mùa thu được toàn, cá, muối,  
 tấm được nửa, vàng bạc quý trâu chữa hay chết, người già  
 hay phải cảm.

Hai người ăn hết một thưng.

### Hết năm nay lại bắt đầu từ Giáp Tý.

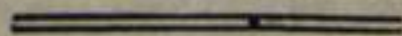
Đây đã soạn và xếp đặt ra một bản đồ 3 hội vận liên  
 Việt-nam gọi là hội can-chi cứ 60 năm là một hội luân chuyển  
 cứ thế mãi, mà có số năm từ Thiên Chúa giáng sinh kèm  
 vào với hội can chi.

Hội I từ năm 1864 đến năm 1923 là hội đã qua.

Hội II từ năm 1924 đến năm 1983 là hội đang có, đang  
 đi vào.

Hội III từ năm 1984 đến năm 2043 là hội chưa đến.

Vậy ở bản đồ dưới này đã xếp từng ô vuông có 60 ô  
 vuông, ở trong ô vuông có xếp 3 số năm bằng chữ đếm, số  
 năm đã qua ở trên, số năm đang có, đang đi vào ở giữa  
 có chữ can chi (chữ nhỏ) kèm hai bên, số đếm ở dưới là số  
 năm chưa đến, số chữ nhỏ Can chi là số năm Việt-nam.





# Bản đồ năm Can chi

1864 子 1924 甲 1984	1870 午 1930 庚 1990	1876 子 1936 丙 1996	1882 午 1942 壬 2002	1888 子 1948 戊 2008
1865 丑 1925 乙 1985	1871 未 1931 辛 1991	1877 丑 1937 丁 1997	1883 未 1943 癸 2003	1889 丑 1949 巳 2009
1866 寅 1926 丙 1986	1872 申 1932 壬 1992	1878 寅 1938 戊 1998	1884 申 1944 甲 2004	1890 寅 1950 庚 2010
1867 卯 1927 丁 1987	1873 酉 1933 癸 1993	1879 卯 1939 巳 1999	1885 酉 1945 乙 2005	1891 卯 1951 辛 2011
1868 辰 1928 戊 1988	1874 戌 1934 甲 1994	1880 辰 1940 庚 2000	1886 戌 1946 丙 2006	1892 辰 1952 壬 2012
1869 巳 1929 己 1989	1875 亥 1935 乙 1995	1881 巳 1941 辛 2001	1887 亥 1947 丁 2007	1893 巳 1953 癸 2013



(tiếp theo) Bản đồ năm Can chi



1894 午 1954 甲 2014	1900 子 1960 庚 2020	1906 午 1966 丙 2026	1912 子 1972 壬 2032	1918 午 1978 戊 2038
1895 未 1955 乙 2015	1901 丑 1961 辛 2021	1907 未 1967 丁 2027	1913 丑 1973 癸 2033	1919 未 1979 巳 2039
1896 申 1956 丙 2016	1902 寅 1962 壬 2022	1908 申 1968 戊 2028	1914 寅 1974 甲 2034	1920 申 1980 庚 2040
1897 酉 1957 丁 2017	1903 卯 1963 癸 2023	1909 酉 1969 巳 2029	1915 卯 1975 乙 2035	1921 酉 1981 辛 2041
1898 戌 1958 戊 2018	1904 辰 1964 甲 2024	1910 戌 1970 庚 2030	1916 辰 1976 丙 2036	1922 戌 1982 壬 2042
1899 亥 1959 己 2019	1905 巳 1965 乙 2025	1911 亥 1971 辛 2031	1917 巳 1977 丁 2037	1923 亥 1983 癸 2043



## Những ngày con nước

Trong một năm có 12 tháng mà tháng nào cũng có ngày con nước, đến ngày ấy thì thế nào cũng giở giờ: hoặc mưa, hoặc râm giờ, cũng có khi sảy ra hoặc trước một ngày, hoặc sau một ngày.

Vậy ta nên nhớ để tinh việc làm ăn cho đỡ nhỡ-nhàng, những ngày con nước như sau này :

Tháng giêng và tháng 7 vào	{	ngày mồng 5	5
		»	29
Tháng 2 và tháng 8 vào	{	ngày mồng 3 và 17	3 và 17
		»	29
Tháng 3 và tháng 9 vào	{	ngày	13
		»	27
Tháng 4 và tháng 10 vào	{	ngày	11
		»	25
Tháng 5 và tháng 11 vào	{	ngày mồng 7	7
		»	21
Tháng 6 và tháng 12 vào	{	ngày mồng 9	9
		»	23

## Những ngày giông tố

Đi sông, bẻ nên phòng bị, hoặc vài ngày sau, hoặc trước :

Tháng giêng	ngày	9	—	29		
Tháng hai	ngày	7	—	23	—	29
Tháng ba	ngày	3	—	7	—	15 — 23 — 28
Tháng tư	ngày	1	—	8	—	25
Tháng năm	ngày	5	—	13	—	21
Tháng sáu	ngày	13	—	19	—	24
Tháng bảy	ngày	8				
Tháng tám	ngày	21	—	24		
Tháng chín	ngày	9	—	27		
Tháng mười	ngày	5	—	20		
Tháng một	ngày	14	—	27		
Tháng chạp	ngày	8	—	24		

# Nhị Thập Tứ Tiết

( 24 phần năm )

Quen gọi là tứ thì bát tiết

Lập Xuân	Commencement de printemps	5 Février
Vũ thủy	Eaux de pluie	19 »
Kinh trập	Mouvement de reptiles	6 Mars
Xuân phân	Equinoxe de printemps	21 »
Thanh minh	Clarté pure	5 Avril
Cốc vũ	Pluie pour les fruits	21 »
Lập hạ	Commencement de l'été	6 Mai
Tiểu mãn	Petite inondation	22 »
Mang chủng	Semence des herbes	6 Juin
Hạ chí	Solstice de l'été	22 »
Tiểu thử	Petite chaleur	8 Juillet
Đại thử	Grande chaleur	24 »
Lập thu	Commencement de l'automne	8 Août
Xử thử	Fin de chaleur	24 »
Bạch lộ	Rosée blanche	2 Sept.
Thu phân	Equinoxe de l'automne	2 »
Hàn lộ	Rosée froide	8 Octobre
Sương giáng	Frimas	24 »
Lập đông	Commencement de l'hiver	8 Novembre
Tiểu tuyết	Petite neige	23 »
Đại tuyết	Grande neige	8 Décembre
Đông chí	Solstice de l'hiver	22 »
Tiểu hàn	Petit froid	6 Janvier
Đại hàn	Grand froid	21 »

# Nam dược bản thảo

## Lời nói đầu

Muốn làm thuốc cần phải biết tính thuốc. Nếu làm thuốc mà không biết tính thuốc.

Ví dụ : như người đi đêm mà không có đóm.

Ngày xưa ông Thần-nông thấy dân đau ốm, vì lòng nhân mà tìm ra vị thuốc. Nếm một ngày mà gặp 72 chất độc.

Vị thuốc chẳng qua có năm mùi ( mặn, ngọt, đắng, chua cay) tính chẳng qua có 6 thứ (ôn, lương, bổ, thăng, giáng) làm thuốc cũng như ông tướng cầm quân. Tướng không biết quân thì đánh giặc sao được, làm thuốc mà không biết tính thuốc, biết đâu mà chữa bệnh giúp người.

Nhà binh lấy bên tả, bên hữu, đằng trước, đằng sau để bày thế trận.

Nhà làm thuốc lấy ngũ hành: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ thuộc năm tạng để sinh, khắc, để chế hóa.

Nhà binh dùng trinh sát để biết thế giặc mạnh hay yếu để liệu việc tiến lui.

Nhà làm thuốc lấy ngoài biểu trong lý để phân biệt hàn nhiệt, âm, dương, hư, thực. Cho nên biết dùng binh lấy sông núi, gò đồng làm địa hình, địa vật.

Biết làm thuốc lấy khí hậu, ôn, lương, hàn, nhiệt mà gia giảm.

Vị thuốc biết nhiều mà không hiểu rõ không bằng biết ít mà tinh.

Vì vậy chúng tôi tóm tắt các sách của các nhà danh-y biên soạn thành cuốn sách kinh nghiệm cấp cứu, và bộ nam dược bản thảo này để các độc giả khi xem dễ hiểu.

Dù sao trong tập Bản thảo này cũng còn nhiều chỗ khuyết điểm. Vậy mong các vị cao-minh bỏ khuyết để nghề thuốc nước nhà chóng tiến đạt.

Các vị thuốc soạn theo vần A. B. C để độc giả dễ tìm



## Vân A

### 1.— Củ Ất - lưà 矩乙駢 là bối mẫu

*Tính-chất* : mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Giải chứng Can uất, tán chứng tân khí nghịch, chữa chứng phế suy, phế ung ho suyễn.

## Vân B

### 2 — Quả Bồ-kết tên là Tào-giáp 皂夾

*Tính-chất* : Mặn, mùi cay có tiểu độc.

*Công-dụng* : Tán - phong, khoát đờm, phá trung, lợi khiếu, khu tà, tính thông lợi, hay dẫn thuốc đến chỗ đau, là ngoại khoa yếu dược.

### 3.— Bạch-Đồng-Nữ 白童女 lại tên là cây Bàu-trắng Lại tên là cây đau-mắt-trắng

*Tính-chất*: Ôn bình, không có độc.

*Công-dụng* : Chuyên chữa chứng đau mắt trắng, có màng mộng, chữa chứng Sang-giới, rầu nước mắt.

### 4 — Bách-Bộ 百部

*Tính-chất*: Ôn, mùi đắng, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng ho lâu ngày, chứng cốt, chứng con phế nhiệt, thanh đờm, hạ khí, thông lâm-bê giống như củ thiêu-môn-dông, tháng 3 lấy bỏ lõi, tầy rượu, sao dùng

### 5 — Bạch-Vỹ 白薇 là cây mộc-lân.

*Tính-chất* : Ôn, không có độc.

*Công-dụng* : Điều kinh, chỉ tả, trị chứng Ly, triệt ngược. Lấy lá phơi khô mà dùng.

### 6.— Bưởi-Đỏ là Xích-Cam-Phao 赤甘拋

*Tính-chất* : Đắng, cay, không có độc.

*Công-dụng*: Khử đờm, táo thấp, chữa chứng tràng-pho ng, điều kinh, tiêu thủy thũng.

Bỏ cùi trắng lấy vỏ sao dùng.



**7.— Cây Bươm-Bướm là Hồ-diệp-căn 蝴蝶根**

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng sốt rét, đau, chần, hoa lá sae-dùng, rễ tầm rượu phơi khô ; chữa chứng mơ màng, hoảng hốt, di tinh, băng huyết.

**8.— Bông-Cây-Nến là Bồ-hoàng 蒲黃**

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Điều kinh, chỉ huyết, an thai, định thống.

*Cách chế.*— Chỉ huyết thì sao, phá huyết thì để sống.

**9.— Lá Ba Chạc Tên là Quỷ xá 鬼射**

*Tính-chất* : Nhiệt, mùi đắng có đại độc.

*Công-dụng* : Chuyên chữa chứng Hồng-ty-sang ở chân tay.

**10.— Hạt Bông 絳莢**

*Tính-chất* : Nhiệt, mùi cay.

*Công-dụng* : Bồ-hử, hoãn yêu tật, chữa chứng cách thực, cách khí, huyết lâm, bạch đới, chữa chứng trĩ, chỉ huyết, chân dương suy không cứng, kinh nguyệt ra nhiều, trúng phong, miệng, mắt méo xécb, chữa chứng Thiên-trụy. Hoa tên là Miên-hoa-thảo, mùi ngọt tinh bình, không độc, chữa bệnh thuộc về huyết, vỏ chữa chứng cách.

**11.— Cây Bàng tên là Cam thường 甘棠**

*Tính-chất* : Bình, mùi đắng, không độc.

*Công-dụng* : Thuận khí, tráng dương, trừ thấp, tiêu đờm, gốc thẳng Ô-dược.

**12.— Bách Thảo Sương 百草霜 tên là Nhọ nhồi**

*Tính-chất* : Ôn, mùi đắng, không độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng hầu tê, giải cổ độc, chỉ chỉ huyết của chứng hắc loạn, điên cuồng.

**13.— Bạch Biền Đậu 白扁豆 là đậu Ván trắng**

*Tính-chất* : Lương. mùi ngọt, không độc.

*Công-dụng* : Hòa mọi can tạng, thuận phong giải thử, kiện tỳ, chữa chứng hắc loạn, thổ tả, tiêu mọi chất độc.

**14.— Cây Bưởi Bung là Cát bối căn 吉貝根**

*Tính chất* : Bình, mùi đắng, không độc.

*Công dụng* : Tiêu đờm, khoan cách, chữa chứng ngã hoặc đòn đánh chảy máu, hoặc huyết ứ đau rức, lấy lá già nhỏ cho ít muối dịt vào chỗ đau.

**15.— Củ Bồ Nâu là Vũ dư lương 禹餘糧**

*Tính chất* : Bình, mùi nhạt, không có độc.

*Công dụng* : Chữa chứng đau tim, đau bụng, sát trùng, chữa bệnh tả, bệnh huyết, (lấy lá non mà dùng).

**17.— Củ Bọ Nẹt là Bạch truật 白朮**

*Tính chất* : Ôn, mùi ngọt, cay, không có độc.

*Công dụng* : Bổ khí, nhuận huyết, chỉ tả, trừ phong thấp, dưỡng can tỳ, tiêu đờm.

**17.— Rế Bái là Tiêu mao 仙茅**

**Lại tên là Nghệ hương thảo, lại tên là Bái thảo hương**

*Tính chất* : Ôn, mùi đắng.

*Công dụng* : Tịch tà, khử uế, chữa chứng sang độc, lấy đeo trong mình hễ nhai trong miệng không biết mùi là trúng độc, già lấy nước uống thổ ra là khỏi, triệt chứng chướng ngược, vào rừng sâu nhiều khi độc.

(Hoa lá đều dùng được).

**18.— Bột Lam là Lam diến 藍殿 lại tên là Thanh đại**

*Tính chất* : Hàn, mùi đắng, không có độc.

*Công dụng* : Chỉ huyết, sát trùng, bình can hỏa, chữa chứng can nhiệt, giải mọi thuốc độc.

**19.— Hột Bìm Bìm là Khiên ngư tử 牽牛子**

**Lại tên là Hắc sừu**

*Tính chất* : Nhiệt, mùi cay có độc.

*Công dụng* : Chữa chứng Thủy khí ở can Phế, ho xuyên dây trướng.



**20.— Cây Bồ câu vé là Bạch địa dương 白地楊**

*Tính chất* : Ôn bình không có độc.

*Công dụng* : Chữa chứng huyết bạch, thông ứ huyết, tiêu thủy, thu huyết, chữa chứng sốt rét, gộc, ngọn, lá tầm rượu sao dùng.

**21.— Bạch ngọc anh, là Ngọc Tuyết 玉雪**

*Tính chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công dụng* : Hoa tầm rượu phơi khô dùng thì nhuận da thịt, đẹp nhan sắc.

Rễ lá phơi khô chữa chứng Loa lịch, anh lỵ, ác sang. Trẻ non tên là ngọc bút hoa, giã lấy nước rửa mắt, khỏi chứng mọc lông quặm.

Lại có thứ tên là Tử ngọc anh chữa như trên.

**22.— Giây Bột cua tên là Xại tân đẳng 蟹津藤**

*Tính chất* : Lạnh, mùi chua không có độc.

*Công dụng* : Chữa chứng đòn đánh gãy xương, chân tay mềm yếu, công dụng cũng như tỳ giải.

**23.— Giây bạc sau là Cháp miên đẳng 執綿藤**

*Tính chất* : Ôn, mùi đắng, không có độc.

*Công dụng* : Chữa chứng Loa lịch, thái nhỏ sao vàng sắc uống, giã sống đắp chỗ đau rất hay, bỏ đầu mặt phơi khô dùng, sau lá nó trắng, vì thế gọi là bạc sau.

**24.— Hoa Bách nhật là Truyền thú Hoa 旋覆花**

Lại có tên là Kim phát thảo

*Tính chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công dụng* : Trục chứng thấp, chữa chứng đầu phong sáng con mắt, tiêu đờm, trừ chứng tức thủy, chỉ chứng tiết tả

**25.— Bạc hà là Kê Tô 鷄蘇 lại tên là Thủy Tô**

*Tính chất* : Ôn, mùi cay không có độc.

*Công dụng* : Thanh chân nhiệt, hóa đờm, tiêu thực-tích khí phong, chữa chứng cốt chưng đầu rức.





**26.— Bèo Tía là Tử bôi phù bình 紫背浮萍**

*Tính chất* . Hàn, mùi cay, không có độc.

*Công dụng* : Khử phong, lợi tiểu tiện.

Rằm tháng 7 lấy phơi khô dùng.

**27.— Bẹ Móc là Tông lư bì 櫻櫚皮**

*Tính chất* : Sáp, không có độc.

*Công dụng* : Chữa chứng thổ huyết, chứng tràng phong, hạ huyết, băng trung, đới hạ, xích bạch lý.

Lấy thứ lâu năm mà dùng.

**28.— Cây Búng báng là Quang-lang 枕榔**

*Tính chất* : Bình, mùi ngọt, không có độc.

*Công dụng* : Ích tỳ vị, trợ khí lực, lấy phần làm bánh ăn khỏi đói.

**Vân C**

**29.— Lá Chuối tiêu là Ba thư diệp 芭苴葉**

*Tính chất* : Bình, mùi ngọt chua, không độc.

*Công dụng* : Chữa chứng Sang chần, ghẻ ngứa.

Lấy lá vò nhục lấy nước mà tắm.

**30.— Giây Chìa Vôi là Bạch phân Đẳng 白粉藤**

*Tính chất* : Bình, mùi đắng, không độc.

*Công dụng* : Chữa chứng phong thấp, cứng gân xương, khử phong, chữa chứng sang giới, khỏi chứng nuy tý, lợi kinh thủy. Dùng giao đồng cạo bỏ vỏ ngoài, thái nhỏ tầm rọu phơi khô dùng thay được vị Bạch-chỉ.

**31.— Cỏ Chân Vịt Cạn là Cỏ Trúc 萆竹**

*Tính chất* : Đại hàn, mùi đắng không độc.

*Công dụng* : Chữa phế nhiệt ho suyễn, hàn nhiệt chương ngược, cốt chưng, sáp trệ, tiểu nhi đơn độc, tiện huyết, bụng bí đầy, than diện khí sưng, ung thư nhiệt lý, nọc độc rắn cắn.

**32.— Cây Chua me tên là Toan Tương 酸漿**

*Tính chất* : Hàn, mùi chua không có độc.



*Công-dụng* : Thông lâm, chỉ khát, chữa chứng sang trĩ, chữa đàn bà khó sinh, lấy cây nhai nuốt nước thì sinh ngay.

**33.— Cứt chuột tên là Thử nử 鼠屎**

*Tính-chất* : Hơi hàn, không có độc.

*Công-lụng* : Chữa tiểu nhi bụng to đau, thương hàn, lao phục, kinh nguyệt con gái không điều, đàn bà khó sinh, con chết trong bụng, đốt thành than nấu nước mà uống. Chữa chứng Thử lữ (tựa hang chuột) lấy cứt mới 100 viên, cho vào lọ đút nút kín để 60 ngày, lấy ra giã nhỏ rắc chỗ đau.

**34.— Quả Chay tên là Cầu mao tử 狗卵子**

*Tính-chất* : Sáp, mùi chua không có độc.

*Công-dụng* : Sáp trắng, cố tinh, chỉ băng huyết, chỉ bạch đới, bạch trọc, hạt nó sao ăn giải Ba đậu độc.

**35.— Cây Cải rừng là Hạ khô Thảo 夏枯草**

*Tính-chất* : Lạnh, mùi đắng cay không có độc.

*Công dụng* : Bồ tâm huyết, thanh can hỏa, lấy lá cây sắc thành cao uống, chữa chứng mã đao loa lịch. Mùa hạ được kim khí thì lá khô, tháng 3 tháng 4 lấy phơi khô dùng.

**36.— Cây Chó Đẻ là Hy Kiềm Thảo 豨薟草**

*Tính-chất* : Hàn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Giải nhiệt, chữa chứng sang, khứ phong trừ thấp, chân tay ma mộc (tê dại) đàn bà sản hậu, chữa chứng chó dại cắn, nhai nhỏ nuốt nước. Tháng 4 hái 9 lần đồ 9 lần phơi khô mà dùng.

**37.— Cây Cối-xay 榧 檜 槎**

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Ích nguyên dương, tả âm hỏa, kín lỗ chân lông không ra mồ hôi, chữa chứng Phòng thấp, lâm lậu, bổ chứng hư nhược.

Lại Hột nó tên là Phá Cố Chỉ, lại tên là Bồ cốt chỉ, Tính ôn mùi cay, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng đầu gối lưng rức đau, cốt tủy thương, chỉ chứng thận tả, âm huyết đau điều.

*Xử dụng* : Tinh ghét vị Phòng phong, nhưng dùng với Phòng phong, thì công hiệu lớn, dùng với Dương quy thì bổ huyết, dùng với lá Dâu thì sinh âm.

**38—. Cám là Mễ Phấn 米粉**

*Tính chất* : Bình, hòa, mùi ngọt nhạt.

*Công dụng* : Thông tràng, hạ khí, phá trướng khối, chữa chứng khí ứ vương ở yết hầu, chữa tê thấp, nấu chín mà ăn.

**39—. Cứt trâu Khô là Càn ngư nử 乾牛糞**

*Tính chất* : Hàn.

*Công dụng* : Chữa chứng hắc loạn, tiêu khát, hoàng đởm, thủy thũng, cổ trướng, chứng hà cực khí, tiểu tiện không thông, sắc uống, lại chữa chứng đầu sang bách tiết chữa 5 thứ đơn độc, chứng Thử lữ (tựa mà công cố). Ác sang đã có nùng huyết, lấy cứt trâu nóng mà sôi, hoặc đốt ra than hòa với lòng trắng trứng gà mà sôi, lại đồ ở môn hộ, tịch được ác khí, lại để ở dưới giường tiểu nhi nằm, thì trị được chứng dạ đề.

**40—. Cẩn nước đái là Nhân trung bạch 人中白**

*Công dụng* : Tả can hỏa, giáng âm hỏa, chữa chứng truyền thi nhiệt lao, phế ung tâm cách nhiệt.

Chữa chứng bồ máu cam, thổ huyết, tiêu khát gầy còm, sôi chữa phải bỏng phỏng da.

Lấy cặn ở đáy nồi hông để ở ngoài gió sương 2, 3 năm lấy lửa đốt khô dùng.

**41—. Quả chanh lả, Ninh môn 檸檬**

*Tính chất* : Hàn, mùi chua, không cổ độc.

*Công dụng* : Tiêu đờm, chỉ ầu, trừ phong, giải khát.

Chữa ho suyễn, lấy quả mới ra chưa có nước gọt bỏ vỏ xanh cho vào với đường phèn hấp cơm mà ăn thì khỏi.

Lá nó sát trùng, chữa chứng sâu răng, nhai bỏ thêm mấy hạt muối mà ngậm.



42.— Quả Cam chanh là Kim Cầu 金球

*Tính chất* : Bình, mùi chua ngọt, không có độc.

*Công dụng* : Nhuận phế, sinh tân dịch, giải nhiệt, khoan lương cách, kiêm giải tiểu độc. Gốc rễ sao vào với thuốc, sát trùng, trừ sản khí.

43.— Quả cam Sành là Đẳng cam 磴柑

*Tính chất* : Bình, mùi ngọt, không có độc.

*Công dụng* : Sinh nước tồn dịch, giải tiểu độc.

Lá đốt còn trích cùng với rễ Bách bộ làm viên uống, chữa trẻ mọi chứng cam, rễ nó vào với thuốc, trừ chứng lao sái, ho suyễn.

44.— Quả Cam Đường là Kiềm cam 甜柑

*Tính chất* : Bình, mùi ngọt, không có độc. Rễ sao tán nhỏ hòa với nước đường phen uống.

*Công-dụng* : Chữa chứng ho lao thổ ra máu rất hay.

45.— Quả Cây, là Tắt phế 漆柿

*Tính chất* : Sáp, mùi ngọt, không có độc.

*Công dụng* : Rễ sao vàng với thuốc, trừ chứng đau bụng, tiêu thủy thũng, trị 3 thứ trùng.

*Công dụng* : Cũng như vị Thiên đào.

46.— Củ chuối hột, là Hột tiêu căn 紇消根

*Tính chất* : Hàn mùi ngọt không có độc.

*Công dụng* . Chữa chứng Thiên hành cuồng nhiệt, phiền buồn, giã nước uống, kiêm chữa chứng sản đầy buồn, giã lấy nước mà đồ, đen râu tóc quanh năm không rụng.

Vỏ chuối hột cùng với hạt vải đốt, còn tinh hòa dầu trong mà bôi chứng ác sang mà chưa vỡ rất hay.

47.— Quả Cọ là Kim anh Tử 金英子

*Tính chất* : Ôn bình, sáp, mùi chua không độc.

*Công dụng* : Công, chuyên thu sáp, chỉ chứng di-tĩnh, tiểu thần, dưỡng khí, không nên năng thường uống. Hễ trúng bệnh thời khỏi.

**48.— Hạt Cườm Cườm là Thạch ý dĩ 石薏苡**

*Tính-chất* . Bình, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Trừ chứng lam sơn trướng khí, tiêu chứng bĩ đầy, thường uống thì nhẹ mình.

Chữa chó dại, rắn độc cắn, già sống uống.

**49.— Cây Cà Cuống là Vát thủy thảo 撥水草**

Lại có tên là Lưỡi Trâu, hoa nó giống như hoa quế. *Tính hàn*, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* . Trừ bệnh hung nhiệt (ngực nóng) lợi tiểu-tiện, nhuận táo kết, thông kinh, người hoạt tráng không nên dùng, lấy dao đồng thái nhỏ phơi khô dùng.

Rễ có thể thay được vị Sinh-địa.

**50.— Cây Cà-bay, là Uy-linh-tiên 威靈仙**

*Tính-chất* : Ôn mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Trừ chứng khi-khối, chứng lưng, đầu gối đau.

Giã lấy nước sôi chứng Hắc điếu.

**51.— Cây Cải Giời là Thiên thái thảo 天採草**

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt, thơm ngon, không có độc.

*Công-dụng* : Bổ chân dương, sáng con mắt, lợi tiểu-tiện. Rễ lá phơi khô sao dùng.

**52.— Cây Cà-găng là Hý-giã-tử 戲茄子**

*Tính-chất* : Hàn, mùi đắng không độc.

*Công-dụng*: Hóa đờm, tiêu-thực, thông kinh, lợi đại-tiện, tính giống như Chi-tử, hoặc để sống, hoặc sao tùy chứng mà dùng.

**53.— Cây Cà gai là Tụ ngư già 鱖魚茄**

*Tính-chất* : Nhiệt không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng ho hắng, nuốt chua.

Nấu nước rửa chứng lang ben.

Tầm mật sao dùng.

## 54— Câu-dăng 句藤

*Tinh-chất* : Ôn mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Thư cân cốt, trừ chứng Tề phong, hạ khí, khoan trung, hàn nhiệt, kinh, giản, chân tay co giật.

Chứng thai phong khách ngộ, miệng mắt méo xéch.  
Sao vàng sắc uống.

## 55.— Cây Chi là Hoàng-chi 黃芷

*Tinh-chất* : Bình mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Thông kinh nguyệt, tiêu Thủy thũng trị chứng thấp nhiệt, trị chứng tả hàn. Chứng Cồ-trương.

Dùng một mình chữa nổi xương rất hay lá nó nhỏ và dài, mỗi giống năm tấc, đầu mặt lại có rễ.

## 56.— Cây Cói là Quán-Thảo 菅草

*Tinh-chất* : Hàn, không có độc.

*Công-dụng* : Tiêu chứng Thủy dưỡng chân khí.

Trừ chứng Sơn-lam chướng-khi mọc ở nước mặn người ta dùng để dệt chiếu.

## 57.— Cây Chi Chi là Cam-thảo 甘草

*Tinh-chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Giải trăm độc chữa cồ đau, khỏe tỳ, vị bổ tam tiêu, hòa trung, nhuận Phế, hòa mọi thứ thuốc, chứng trướng đầy thì cấm dùng, chứng hư hàn thì nướng dùng. Hột nửa đỏ, nửa đen, chữa chứng xích, bạch lý rất hay.

## 58.— Cây Cóc mản là Thiềm-thừ-thảo 蟾蜍草

*Tinh-chất* : Bình, mùi đắng không độc.

*Công-dụng* : Thanh phế nhiệt, trừ chứng đau bụng nhiệt, giã sống lấy nước uống.

## 59.— Cây cau-tỏ-rồng là Cốt Toái bồ 骨碎補

*Tinh-chất* : Ôn, mùi cay không có độc.

*Công-dụng* : Lợi thấp, thông huyết, trị chứng trùng, chứng gân co.



**60.— Cây cứt-lợn là Trư-ný-Thảo 草屎猪**

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Hòa huyết, hành huyết, chữa chứng lao thương, vấp ngã; tháng 10 lấy phơi khô dùng, hoặc lấy nấu nước gọi dầu rất thơm.

**61.—Giây Cóc là Hương-Đẳng 香藤**

*Tính-chất* : Bình, mùi đẵng, không có độc.

*Công-dụng* : Chỉ tả, cố tràng, trị chứng tiêu khát. Hột chữa đàn bà lạnh giá con.

**62.— Quả Chóc-Xôi là Phúc-bồn-Tử 覆盆子**

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt chua không có độc.

*Công-dụng* : Ích thận, cố tinh, bổ can hỏa, sáng con mắt khỏi chân dương đêm đi đái nhiều, chuyên chữa thận hư hoạt tinh, bổ nôm lảm rượu dùng.

**63.— Rêu cọc cầu ao là Phượng-hoàng-y 鳳凰衣**

*Tính-chất* : Hàn, mùi đẵng không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng đau mắt có màng mọng, lợi thủy đạo, trừ chứng lở ngứa, giải chứng trúng độc, rắn cắn. Tầm rượu sao thơm dùng.

**64.— Rau Cân-Sểu là Xà-hàm-thảo 蛇含草**

*Tính-chất* : Hơi lạnh mùi đẵng, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng Kinh-giản, hàn nhiệt, tà khí, trừ chứng nhiệt, chữa chứng Kim-sang, đau bụng, đau tim, thấp tý, dưỡng thai, tiểu nhi hàn nhiệt đờm chần, chỉ huyết phong thống, ung thư đơn độc, xich nhớn, giã lấy nước bôi chứng ong đốt, trong cổ đau ngậm nuốt rất hay, thứ cỏ này rắn hay ngậm cho nên gọi là Xà-hàm, đeo ở bên mình thì tịch được tà khí.

**65.— Củ cây Thông là Bạch-Phục-Linh 白茯苓**

*Tính-chất* : Bình mùi nhạt, không có độc.

*Công-dụng* : An thai khí, hoãn yêu tật, sinh tân dịch, khu đờm hỏa, ích phế, lợi huyết, thâm thấp. An hồn phách, lợi chứng kinh, khai vỵ khí. Chủ trị ngực cạnh sườn dưới con



tâm nghịch khí kết đau, công trị cũng như vị Phục thần, hay dẫn vào kinh con tâm.

**66—.** Hạt cau là Bình Lang 檳榔

*Tính chất* . Ôn, mùi cay đắng không có độc.

*Công dụng* : Trục thủy cốt, trừ đờm, chỉ chứng đau tim, phá tích trệ, sát trùng, trừ bệnh chướng ngược, tính nó trọng trụi, hay phá những chứng kết khí hữu hình, người hư nhược không nên dùng, lá cau lấy làm củ nấu thịt ăn rất độc, ăn vào sinh chứng đau bụng đi tả.

**67—.** Vỏ cau là Đại-phúc-bì 大腹皮

*Tính chất* : Cũng như Bình-lang.

*Công dụng* : Hạ chứng cách khí, tiêu phù thũng, khoan bành trường khí thủy khí, người yếu quá không nên dùng.

**68—.** Củ Cầm là Cầm Địa la 錦地羅

*Tính chất* : Bình, mùi đắng không có độc.

*Công dụng* : Trừ chứng trúng độc trường khí lấy gốc già sống với rượu liền giải.

**69—.** Hạt Cà Độc dược là Tiên dược tử 仙葯子

*Tính chất* : Có độc, chữa chứng chó điên cắn, không gia vào thuốc uống được, phải chắt độc đâm hồn mê điên cuồng muốn chạy, lấy cam thảo sắc uống khỏi.

**70—.** Củ Chóc gừng là Lát khương 辣薑

*Tính chất* : Nóng, mùi cay không có độc.

*Công dụng* : Chữa chứng đau bụng. Trừ chứng xám khí

**71—.** Lá cô sưa là Bạch-miên thảo 白綿草

*Tính chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc, già lấy nước bôi chứng sang độc, chứng lở sơn rất hay.

**72—.** Hạt Cao lãng là Xà sàng tử 蛇床子

Rắn hay nằm ở trên, vì thế gọi là xà sàng.

*Tính chất* : Bình, mùi ngọt, không có độc.

*Công dụng* : Ích chân khí, liễm bồ-hôi, tráng nguyên dương hoãn-tử-cung, chữa chứng âm nang thấp ngứa.





## Vân D

### 73.— Cây Dung lúc là cây Bạch chi 白芷

*Tính-chất* : Ôn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Giải phong hàn chữa chứng đau mắt, chảy nước mắt, mắt ngứa, rức răng, chảy nước mũi, chứng xích bạch đới, lòng bụng liuyết đau, người chân âm hư không dùng; mọc ở chùa Tiêu-Sơn thuộc tỉnh Bắc-ninh.

### 73 bis.— Tầm gửi cây Dầu là Tang ký Sinh 桑寄生

*Tính-chất* : Bình, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Cũng như Tang-bạch bì, vì nó hút âm khí cây dầu, vì thế sức mạnh hơn.

### 74.— Rau Dừa cạn là Kim lãng Thảo 金陵草

*Tính-chất* : Chua, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Hoa nó đen râu tóc, chỉ chứng xích lý chỉ huyết, lương huyết.

### 75.— Quả Dầu da là Hoàng Tang 貫眾

*Tính-chất* : Bình, mùi chua không độc.

*Công-dụng* : Tiêu phiền nhiệt, sinh tân dịch, quả phơi khô giã vào với thuốc cũng như Sơn tra, tiêu thực, hành huyết, hạ khí, thông kinh, lá đơn dụng chữa chứng đau mắt phiền tình giã đắp rất hay.

### 76.— Cây Dưa chuột dại là Dá thử qua 野鼠瓜

*Công-dụng* : Chữa chứng trúng thử, và bệnh phạm-phòng lấy sao sắc uống, hoặc giã sống lấy nước uống.

### 77.— Củ Dáy là Quán chúng 黃桑

*Tính-chất* : Hơi lạnh có độc.

*Công-dụng* : Hay thông sáng, thanh nhiệt, khử chứng kết

*Phép-chế* : Cạo bỏ vỏ ngoài ngâm vào trong chậu nước cho ra hết độc, cho lẫn gạo nếp đậu đen, quả Dầu đun chín làm viên ăn khỏi đói.



78.— Dong đuôi chó là Cầu Vỹ thảo 狗尾草

*Tinh chất* : Bình, mùi đắng không có độc.

*Công dụng* : Trừ thấp nhiệt thông kinh thủy, tránh chứng lam sơn chướng khí, giải độc cá, Ba Ba, mọc ở dưới nước sao dùng.

79.— Lá Dê quạt tên là Xạ Can 射干

*Tinh chất* : Lạnh, mùi đắng cay có độc.

*Công dụng* : Tán nhiệt tiêu đờm, tiêu chướng kết hạch; có tả không có bồ, không nên uống nhiều.

80.— Hạt Dầu dầu là Tỳ ma tử 葶麻子

*Tinh chất* : Bình, mùi ngọt, không có độc, có 2 thứ, 1 thứ trắng, 1 thứ đỏ.

*Công dụng* : Thứ trắng chữa tai điếc, thứ đỏ chữa chứng khó sinh, lấy hạt sao, lấy giấy gói ép bỏ dầu dùng.

81.— Cây Dạ hợp là Hợp hoan 合歡

*Tinh chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công dụng* : Lấy hoa giã lấy nước, bôi trên đầu trẻ con, trừ 12 chứng phong, chữa chứng thai độc, lại chữa chứng dạ đề, khiến đứa trẻ ngủ yên, chữa cả chứng vợ chồng không yêu nhau, dùng hoa phơi khô, giấu ở trong cái gối, thì vợ chồng yêu nhau.

82.— Cây Duột dê là Dâm dương hoắc 淫羊藿

*Tinh chất* : Rễ, lá lạnh mùi cay không có độc, chua.

*Công dụng* : Chữa chứng Âm suy tuyệt dương, trong ngọc quản đau, lợi tiểu tiện, ích khí lực, cường chí khí cứng gân cốt, tiêu chướng tràng nhạc, chứng ung thư, dưới hạ bộ mọc mụn, nấu nước rửa sạch trùng. Người hiếm muộn uống lâu thì có con.

## Vân Đ

82.— Cây Địa liên là Sơn tam nại 山三柰

*Tinh chất* : Ôn, mùi cay không có độc.



*Công dụng* : Trị chứng cảm khí thấp đau bụng, trướng phong, thái nhỏ, phơi khô sao qua mà dùng, phong khương làm tá.

**83bis.— Búp Đa - lông là Tân di 辛夷**

*Tính chất* : Ôn, mùi cay không có độc.

*Công-dụng* : Chỉ chứng đầu não phong, đau tức, trừ nóng rét thân thể, trị ngạt mũi, tiêu chứng mặt sưng, khứ phong tà ngoài da thịt.

**84.— Giây Đau xương là Tục cốt đằng 續骨藤**

*Tính chất* : Bình, mùi đắng không có độc.

*Công dụng* : Cứng gân xương, trừ chứng sang giới, chữa chứng đòn đánh, đao thương rất hay.

Bỏ dầu mặt thái phơi khô dùng.

**84 bis.— Đơn Gối hạc là Hạc tất thảo 鶴膝草**

*Tính chất* : Ôn, mùi đắng không có độc.

*Công dụng* : Chuyên chữa chứng Hạc tất phong rất hay.

**85.— Độc lực là Hắc lực 黑力**

*Công dụng* : Chữa đản bà huyết lạnh, tiêu phù thũng, tê thấp, cứng gân xương, khởi my tý khứ phong thấp.

**86.— Quả Đu đủ là Mộc qua 木瓜**

*Tính chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công dụng* : Cố thoát khí, hòa trệ khí, bình Vy, tư Can, ích Phế, trừ Hoắc loạn chuyển gân, cước khí, thủy lý, gân co, hay thư gân, có hoa, quả nhỏ, bỏ phơi khô dùng.

**87.— Đậu xanh là Lục đậu 綠豆**

*Tính chất* : Hàn, mùi ngọt hơi tanh không có độc.

*Công dụng* : Ích nguyên khí, giải nhiệt, trừ mọi chất độc lợi thủy đạo, tiêu sang ngứa, sáng con mắt.

**88.— Lá Đào**

*Tính chất* : Đắng cay.

*Công dụng* : Chữa chứng lở ngứa có trùng, trị chứng



thi trùng ; đều nấu nước uống ; lại chữa phụ-nhân âm sang già nhỏ mà dấp.

**89.— Cây Đinh-lăng là Trần-Sa 陳莎**

*Tính-Chất* : Ôn, mùi cay đắng, không có độc.

*Công-dụng* : Tán khí phong hàn, tiêu thấp thũng, thường ăn thì nhẹ mình, yên Tỳ, Vỵ.

Trừ được độc tôm cá.

**90.— Giây Đổ-đài là Lão-bồ-đăng 老蒲藤**

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng tràng phong hạ huyết, rễ già nát đồ, chứng Ung-thư rất hay. Lá có 3 chùm hoa sắc vàng, lấy phơi trong rọp nấu ăn khỏi đói,

**91.— Đan-Sâm là Bôn mã thảo 奔馬草**

*Tính-chất* : Hơi lạnh, không có độc.

*Công-dụng* : Thanh-tâm, trừ nhiệt chữa chứng chân tay mềm yếu, dùng 1 vị uống nhiều thì có con.

**92.— Đông-Trùng Hạ thảo là Cỏ dâu đất 黠梘坦**

Mùa Hạ là cỏ, mùa Đông hóa ra trùng, dài độ 3 tấc có 6 chân, giống như con Sâu Tằm, tục gọi là Sâu cước.

*Tính-chất* : Ôn không có độc.

*Công-dụng* : Bổ tinh ích tủy, bổ mạnh môn, chỉ huyết hóa đờm, chữa chứng ho lao, trị chứng đau lưng, có công bổ thận, chữa mọi chứng hư tổn, vì nó được toàn khí âm dương, nấu với thịt vịt thì đại bổ.

**93.— Đơn Tía là Bách thiên-liệu-thảo 百千料草**

*Tính chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Thông chứng quan cách, trừ chứng ế khí, lợi thủy thủy thông kinh, điều chân huyết, dưỡng chân khí dùng cả lá lẫn rễ.

**94.—Đơn Răng-cưa là Cú Xi chi 齧齒技**

*Tính chất* : Ôn, mùi ngọt, không có độc.

*Công dụng* : Chữa chứng đau lưng, trừ phiền khát, chỉ



tả ly, giải sơn lam chướng khí độc.

Lá cây đều dùng được cả.

**95.— Đồng cao là Kinh Thu 經秋**

Lại có tên là Thiên lý cập, lại tên là Thiên lý quang.

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : An tâm trí, dưỡng tỳ vị, chữa mọi chứng sang, sát chứng cam thác. chữa chứng Dương-mai sang, giải đậu độc, dùng một mình nó giã nát hòa với Long não đồ chứng ung sang đã vỡ, hoặc chưa vỡ, cả chứng Dương-mai sang, thần hiệu.

**96.— Cây Đại là Mộc Lan 木蘭**

Lại có tên là Hoàng tâm, lại tên là Đổ lan bì

*Tính-chất* : Hàn, mùi đắng, không có độc.

*Công-dụng* : Trị bệnh đại nhiệt ở trong bì phu, chữa chứng ác phong, bệnh điên, trong âm thấp ngứa, sáng tai mắt, lại chữa chứng trúng phong chứng âm thư, thủy thũng chứng tửu đởm, chứng trung nhiệt, hoa nó chữa chứng hóc xương cá.

**97.— Cây Đài bì là Long-Não 竜腦**

*Tính-chất* : Nhiệt, mùi cay đắng, không độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng đau mắt đỏ rức, chữa chứng hầu tê sưng lấp, lưỡi sưng, miệng cam, lấy bôi liền khỏi.

Lấy lá nó nấu thành vị Long-não.

## Vân G

**98.— Quả Giành giành là Chi tử 枝子**

*Tính-chất* : Hàn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Đẻ cả vỏ chữa chứng ngoài biểu nhiệt, bỏ vỏ chữa trong lý nhiệt, tả phế hỏa, chữa chứng uất nhiệt, hành kết khí, trừ chứng phiền đầy, trị chứng thấp nhiệt, thực nhiệt, lợi tiểu tiện.

*Cách chế* : Đẻ sống chữa đở máu cam, sao đen chữa con Tâm, con vị hỏa đau.

Tầm gừng, hoặc nước tiểu sao.



99.— **Củ Gấu là Hương Phụ** 香附

*Tính-chất* : Hàn, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Khoan trung, khai uất, điều kinh, khử trệ, lợi tam tiêu.

Cho trấu giã trệt vỏ lấy nhân, rượu, muối, giấm, nước tiêu làm sao, tên là thất chế.

100.— **Cây Gạo là Mộc miên** 木綿

*Tính-chất* : Nóng, mùi cay không có độc.

*Công-dụng* : Vào Kinh con Can, và Kinh con Thận, khử phong hàn thấp. Thận hư không nên dùng, âm hư, hỏa động không nên dùng. Hoa trộn với đường sắc uống, trừ nha-phiến độc, kiêm chữa chứng lỵ lâu ngày.

Vỏ chữa vấp ngã, bong gân, lấy về hương mặt giới mộc, giã trộn với nước tiêu sao mà bóp.

101.— **Rể Gấm là Vương Tôn** 王孫

*Tính-chất* : Ôn, mùi cay, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa trĩ lậu, ác sang, cam lao, hồi trùng.

102.— **Gạo Nếp là Nhu-Mễ** 糯米

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt, không có độc.

*Công dụng* : Chủ ôn trung, chữa chứng Hắc loạn, chữa thổ tả, an thai.

*Cách chế* : Sao đen chữa chứng ung thư, Kim sang, sao vàng chữa chứng đổ máu cam.

103.— **Hạt Gấc là Mộc miết tử** 木驚子

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng nhũ ung, ác sang, giang môn sưng đau, mài dấm thanh mà bôi, không những trừ độc, còn có chất sinh cơ.

Hạt nó có tính lạ hơn các hạt khác, khi giồng phải đồ chín thì mới có quì, nếu giồng sống chỉ có lá thôi.

104.— **Cây Cỏ gà là Tùng sinh thảo** 菘生草

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt, không có độc. Hoa ra trong bụi nó có con sâu nhỏ gọi là (Hoàng khuyến)

*Công-dụng* : Chữa chứng thấp nhiệt, chứng đau lưng,



Rễ sao vàng chữa chứng xích bạch điếu (lang ben) rất hay

**105.— Cây Giũa Rại là Dã Lan 野蘭**  
Lại có tên là Lâu Lư

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Thông kinh lợi thủy, sát trùng, lợi quan cách chữa chứng thử lậu.

Lấy rễ sao dùng, rễ nó thay được vị Hoàng Kỳ

**106.— Quả Giun là Sứ quân Tử 使君子**

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa 5 chứng cam, sát trùng, chỉ tả lý, khí bạch trọc, ich trung khí, thu liễm hư nhiệt. Bỏ màng đi mà dùng.

**107.— Quả gió Rại là Chủ thực tử 楮實子**

*Tính-chất* : Hàn, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Sung cơ phù trợ yếu tất, ich khí lực, cường chứng âm nuy, bổ hư lao, trừ chứng Thủy thũng, cứng gân xương, đẹp nhan sắc.

**108.— Hoa Giâu bụt là Mộc cần 木槿**

*Tính-chất* : Hàn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chỉ trừ lý trang phong, sáp tràng, chỉ huyết, chữa chứng lý nhiệt khát, già sát chứng sang trụy.

**109.— Cây Găng là Thanh dương 青楊**

*Tính-chất* : Bình, mùi đắng không có độc

*Công-dụng* : Chữa chứng Hoàng đởm, Thử-lũ Thôi-sinh, lợi khiếu, lá chữa chứng ung thư, thũng độc. Hạt chữa chứng Thốn-bạch-Trùng, có 2 giống, một thứ có độ 1 thước quả chín nên dùng, lại một giống có 5, 6 thước, người ta hay dùng làm đậu, quả chín sắc đen không nên dùng, dùng thì chết người phải nên cẩn thận.

**110.— Cỏ Giùi trắng là Cốc tinh thảo 谷精草**

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng*: Chữa chứng đau mắt có màng, sát chứng cam trùng.



111.— Lá Giầu không là Câu tương 茵醬

*Tính-chất* : Cay, không có độc.

*Công-dụng* : Tán khí, chữa chứng trĩ sang, đầu thống, hay trừ được độc thuốc phiện.

112.— Lá Giong là Thanh tiền' thảo 青剪草

*Tính-chất* : Bình mùi ngọt, hơi có độc.

*Công-dụng* : Trừ chứng tích đờm hạc giã nát lấy nước nống người chân vị hàn, không nên dùng.

(lá gói bánh chưng)

113.— Giầu Gia-đất là Sơn-Tra 山查

*Tính-chất* : Bình, mùi chua không độc.

*Công-dụng* : Kiện tỳ, vị, tiêu tích trệ, tán những huyết cũ đọng lại, hóa nhục tích, không nên uống nhiều, hay uống một mình, hột nó chữa chứng xán khí.

## Vân H

114.— Hạt Hồ-Tiêu.

*Tính-chất* : Ôn, mùi cay không có độc.

*Công-dụng* : Khử phong đờm, chỉ chứng Hoắc hoạn, trừ chứng đau bụng lạnh.

115.— Cây Huyết-dụ.

*Tính-chất* : Nóng, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Lá bình can, hoa chỉ huyết, hạ đờm, chữa chứng tràng phong hạ huyết, chứng xích, bạch ly lá đỏ, gặp năm Đinh-mão mới có hoa.

116.— Hoa Hoè

*Tính-chất* : Hàn, mùi đắng, không có độc.

*Công-dụng* : Lương đại tràng, khử lý nhiệt, chữa chứng tràng phong hạ huyết, chữa chứng trĩ, xích, bạch ly, trong bụng có trùng, sao dùng, dùng sống uống với rượu, chữa chứng sang độc, không hại Vị khí.

117.— Hạt Hẹ là Phi-tử 榧子

*Tính-chất* : Ôn, mùi cay đắng chua.





*Công-dụng:* Ích dương, tráng khí, chữa chứng đau tim, chỉ huyết, sáp tinh, trừ chứng nhiệt lý.

**118.— Hoa Cúc là Cam-Cúc-Hoa 甘菊花**

*Tính-chất :* Bình, mùi đắng, không có độc.

*Công-dụng:* Thanh đầu óc, khu đầu phong, chữa chứng đau mắt hay rã nước mắt, sáng con mắt, giã vào với thuốc phong thì dùng sống, giã vào với thuốc bổ thì bỏ nếm. Rượu tằm mật, đồ chín phơi khô dùng, mọc ở núi Rục-thúy-Sơn thuộc tỉnh Ninh-Bình thì tốt.

**119.— Củ Hành là Thông-Bạch 葱白**

*Tính-chất :* Bình, không có độc.

*Công-dụng :* Chữa chứng Thương hàn, thương phong, đầu rức, đốt xương đau, Tán tà khí, trúng phong, mặt mũi phù thũng, hầu tê, Hoắc loạn chuyển gân, bồn đờn cước khí, lòng bụng đau, giải bách dược độc các chất độc thuộc về cá thịt nướng chín ăn với mật thì chết người,

**120.— Hoắc-Hương là Địa-Hồi 地茴**

*Tính-chất :* Hơi Ôn, mùi đắng không độc.

*Công dụng :* Chính khí, khử tà, khai vị, chữa chứng Hoắc loạn rất hay.

Lấy lá rễ phơi khô dùng.

**121.— Hoa Hồng-Bạch là Thắng-xuân Hoa 勝春花**

CÓ 3 sắc Hồng, Bạch, Đạm hồng

*Tính-chất :* Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng .* Hoạt huyết, tiêu thũng, chữa chứng loa lịch sang độc chưa vỡ, giã nhỏ và đắp. Thứ trắng tên là bạch hoa, tính vị cũng như Hồng bạch, sắc trắng thuộc Kim, hay nhuận con phế, chỉ chứng ho, nhuận tân dịch, lấy hoa tươi mà dùng.

**122.— Hà Thủ-Ô là Củ Sứa bò 矩緋蚶**

*Tính-chất :* Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng :* Tráng gân xương, bổ tinh lý, đen râu, tóc,



chữa chứng sốt rét lâu ngày. Có 2 thứ, Thư và Hùng.

Chích thảo làm Tá, chín lần đồ chín lần phơi dùng.

**123.— Lá Hồ-nhĩ là Tử-thảo 紫草**

*Tinh-chất* : Bình, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Lá dùng chữa bệnh lở ngứa, trừ chứng cồ độc, chữa chứng tràng phong, hạ huyết, chữa chứng tai điếc Rễ chữa chứng, Thử lữ. Cạo bỏ vỏ thái phơi khô dùng.

**124.— Lá Hồ-Thiệt**

*Tinh-chất* : Bình, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng ung nhũ, lấy lá giã nhỏ, mà đồ, thông tia sữa, lại chữa trẻ con lưỡi lở nát, rất hay.

**125.— Hạt Hao Hao là Địa phu-Tử 地膚子**

*Tinh-chất* : Hàn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Lợi Bàng-quang, thêm tinh thần, chữa chứng Âm nuy xán khí.

**126.— Cây Hồ-trượng**

*Tinh-chất* : Đắng, chua không có độc,

*Công-dụng* : Trừ chứng thủy thũng, thông kinh lạc, giải chứng phiền nhiệt, đuổi tà khí uest, rễ phơi khô rùng công dụng, cũng như vị Đại-Hoàng. Giồng ở trước cửa trừ được tà ma.

**127.— Củ Hoàng-tinh là Cứu cùng thảo 救穷草**

*Tinh-chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Bổ khí ích tinh, ăn nhiều thì khỏe con tỳ, con vị đẹp nhan sắc, thái phiến. Chín lần đồ, chín lần phơi mà dùng.

Hai lá đối với nhau là thật, không đối với nhau là Thiên-tinh, sức nó kém Hoàng-tinh.

**128.— Hồ-Tiêu rùng là Ngô-thù-Du 吳茱萸**

*Tinh-chất* : Nhiệt, mùi cay đắng có tiêu độc.

*Công-dụng* : Tán hàn, trừ thấp, âm nang ngứa, xan-



khí chứng lạnh tả lâu ngày, bụng dưới đau, người âm hư, hỏa thịnh không nên dùng.

**129.— Cây Hải-đường 海棠**

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt, không độc.

*Công-dụng* : Dễ an thần, dưỡng khí huyết, trường cơ nhục. Hoa phơi khô nấu với nước đường uống, đẹp nhan sắc, hạt chữa âm nang san-khí. Sắc trắng thì tốt.

**130.— Hạt Hút là Phi-Tử 榧子**

*Tính-chất* : Sáp hàn không có độc.

*Công-dụng* : Chữa 5 chứng trĩ, sát 3 thứ trùng, cứng gân xương đều vinh, vệ, chữa chứng ho, vỏ phản đậu xanh hay giết người.

Mọc ở huyện Gia-Viễn tỉnh Ninh-bình, kiêng thịt ngan

**Vân K**

**131.— Hạt rau Củ-khởi là Câu-kỷ-tử 枸杞子**

*Tính-chất* : Ôn, mùi đắng ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng nóng trong, tiêu khát, chứng phong thấp tê khắp mình, chứng lao lâu ngày, trong ngực có động-khí, cảm khí nóng rức đầu, bèn tinh tử cứng gân xương, tuổi trẻ đa chân hỏa, không nên dùng,

**132.— Rễ Củ Khởi là Địa-Cốt-Bì 地骨皮**

*Tính-chất* : Mát, mùi đắng, ngọt cay không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng cốt chùng, lao nhiệt, có mồ hôi, bổ khí dưỡng huyết, lợi đại-tiện.

**133.— Cây Khô-mộc là Mộc-hộc 木斛**

*Tính-chất* : Ôn, mùi đắng, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng Nhĩ ung, thối tai, chứng Yết-hầu, giã lấy nước mà dỏ.

**134.— Cây Ké hoa vàng là Vương - bất-lưu - hành**

**王不留行**

*Tính-chất* : Ôn, mùi cay, đắng, ngọt, không độc.



*Công-dụng* : Chỉ chứng huyết-thống, thông sữa, điều kinh, lại chữa chứng Thấp sang độc, đàn bà có mang kiêng không nên dùng.

135.— Quả Ké ươm là Thu-đào-Tử 秋桃子

*Tinh chất* : Ôn, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng táo khát, sinh tân dịch, chỉ, đờm tiêu thũng, hạt sao dùng, lá chữa chứng chó dại cắn,

136.— Cỏ Kim-sa là Ngọc-sa 玉莎

*Tinh-chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng Tiểu-tiện không thông, bụng dưới đầy, buồn bực, chứng thấp nhiệt phù thũng, chữa chứng đái ra máu, đái ra khí lợi tiểu tràng, bản cũ cho là vị Hải-kim-sa là nhầm ; gốc lá sao vàng.

167.— Lá Kim-sang là Lá Thuốc dẫu 莢藤叶

*Tinh-chất* : Nóng, mùi cay có độc.

*Công-dụng* : Tiêu sang ngừa chữa chứng ngã bị thương, cầm máu, nối xương.

138.— Cỏ Nghễ là Mã-giao 馬膠

*Tinh-chất* : Ôn, mùi đắng, không có độc.

*Công-dụng* : Hun chứng lở ngứa.

Gốc cũng tên là Tế-Tân.

Tinh Ôn, mùi cay, có tiểu độc, ich con can, ôn con đởm, thông khiếu, trục phong tà.

139.— Kinh-Giới 經芥

*Tinh-chất* : Ôn, mùi cay, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng lở ngứa, chứng thương Hàn, phát hãn, chữa chứng tê, phá khí, lương-huyết, chữa chứng huyết phong, huyết vậng rất hay.

140.— Khổ-Sâm 苦參

*Tinh-chất* : Mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Trừ nhiệt, khử thấp, lợi thủy, bền răng,



chữa chứng nhiệt lý tràng phong, hạ huyết, nước gạo  
tầm một đêm sao dùng.

141.— Quả Ké là Thương nhĩ-Tử 蒼耳子

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Trừ thấp thanh can hỏa, tư thận hỏa, quả  
già tên là Hùng-dầu tử lấy ngày Đoan-Ngọ sao bỏ gai, kiêng  
thịt lợn.

142.— Khiên-ngưu-Tử 牽牛子

*Tính-chất* : Nhiệt mùi cay, có độc.

*Công-dụng* : Chữa thủy khí ở con Phế. Ho suyễn đầy  
trường.

143.— Củ Khúc-Khắc là Thổ-phục-Linh 土茯苓

*Tính chất* : Bình, mùi đậm không có độc.

*Công-dụng* : Khử thấp, trừ phong, chữa chứng giang-mai  
sang giới.

144.— Kim-anh-Đẳng là giây Chính Chiếng 續菴正

*Tính chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công dụng* : Điều kinh, dưỡng huyết, tư âm giáng hỏa,  
an thai, trừ chứng Xích, Bạch đới.

145.— Kim-ngân-Hoa là Nhẫn-đông-Đẳng 忍冬藤

*Tính chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công dụng* : Tán nhiệt giải độc. là phương thuốc ngoại  
khoa rất hay. Nấu như nước chè mà uống, giải Thủy-ngân độc

146.— Khoai-Lang là Quán-Chúng 貫眾

*Tính chất* : Hơi hàn, có tiểu độc.

*Công dụng* : Chữa chứng thất huyết, sát trùng, thanh nhiệt,  
khử tà, lại chữa chứng trung tích, hay khoan khoái tràng Vỵ

*Cách chế* : Cạo bỏ vỏ phơi khô dùng.

147.— Kim-mao-Cầu-Tích là Củ-Cu-Ly 矩俱狸

*Tính chất* : Ôn, mùi ngọt, đắng không có độc.



*Công dụng* : Bồ thận, cứng gân xương, trừ thấp, chữa lưng đau chữa nữ nhân thương trung, người già đêm đi đại nhiều.

**148.— Quả Khế là Ngũ-liêm 五兼**

*Tinh-chất* : Sáp, mùi chua, không có độc.

*Công dụng* : Thanh nhiệt, sinh tân dịch, trừ hoắc loạn, chữa chứng Kim-sang, ăn nhiều trong lạnh, người nào trong nóng nên ăn, Hoa giải Nha-phiến độc.

**Vân I**

**149.— Ích-Mẫu là Sung-Úy 莛蔚**

*Tinh-chất* : Mùi cay ngọt, không có độc.

*Công dụng* : An tinh thần, sáng mắt, chỉ chứng Băng-lậu, đau tim, chữa chứng Thai-tiền, Sản-hậu, tháng 5 lấy nấu cao dùng.

**Vân L**

**150.— La-Bặc là Hạt-cải 莢 檄**

*Tinh-chất* : Ôn, vị cay.

*Công dụng* : Thổ phong đờm, hãn phong hàn, hóa đờm, yên hen, tiêu đồ ăn, trừ sưng.

**151.— Cây Lưỡi-chó là lá Chi Thiên 莢 槿 天**

*Tinh chất* : Hàn, mùi đắng không có độc.

*Công dụng* : Chuyên chữa chứng phong thũng, tiêu đờm ủng ho hen, ngực cạnh sườn bĩ đầy, lòng bụng kết khí, trừ phong đờm kết khí, thực nhiệt, khứ chứng phong hàn đầu rúc.

**152.— Lá Lốt là Tắt-Vát 莢 撥**

*Tinh chất* : Ôn, mùi cay, có độc.

*Công dụng* : Chữa đau lưng Hoắc-ioạn, trừ chứng lãn ly, tiêu thực, hạ khí, chỉ mưa thổ, sức nó dẫn vào đến xương.

153. — Cây Lão-Ban là cây Thái Bộc 太僕

*Tính chất* : Ôn, không có độc.

*Công dụng* : Chữa người già, chân tay mềm yếu, chữa chứng ế-cách, tả lý, ôn dịch.

Rễ già lấy nước, bôi chữa Đỉnh độc, phơi khô sao dùng.

154. — Cây lưới-Bò là Dương-Đề 羊蹄

*Công dụng* : Lá chữa chứng Tiểu giới, Xích, bạch đỉn, Rễ rửa sạch 9 lần, chưng, 9 lần phơi dùng, thì nhuận huyết tư âm, điều kinh khoan cách, là phương thuốc bổ âm, người hư-hàn lấy nước gừng chích dùng, kỵ vị La-bạc, thịt trâu, thịt lợn.

155. — Cây Lối-Tiền là Đại-dẫn-Đẳng 大引藤

*Tính chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công dụng* : Cứng gân xương, khởi nuy tý, tiêu bã đầy, đờm hạch, bỏ dầu mặt dùng, nấu nước cho trẻ khởi chứng tề phong, cấp màn kinh phong rất hay.

156. — Giây Lung-trống là Thanh-long-dẳng 青竜藤

*Tính chất* : Bình, mùi đắng không có độc.

*Công dụng* : Nhuận tràng lợi tiểu tiện, dưỡng tạng phủ, an Tý, Vy, sáng con mắt, khởi màng mông, trừ chứng cổ độc rất hay, lá phơi khô dùng, nấu nước tắm khởi lở ngứa.

157. — Rêu Lòng-Thuyền là Thuyền-để-đài 船底苔

*Tính chất* : Lạnh, mùi ngọt không có độc.

*Công dụng* : Chữa chứng đờ máu cam, chứng Thạch-lâm, cùng với vị chích-thảo, đậu sủy sắc đặc uống, giải chứng thiên hành nhiệt bệnh, đầu óc không thanh sáng, tinh thần mờ mịt, hòa với bột miến hồ làm viên uống.

158. — Lá Lưới-Rắn là Vương-tái-Xanh 王再甦

*Tính chất* : Hàn, mùi đắng có độc.

*Công dụng* : Tiêu sang độc, tán chứng ứ huyết, chữa chứng khách ngộ, quỉ trí, dùng gốc cạo bỏ vỏ, thái nhỏ tầm nước



cam-thảo sao dùng.

**159.— Hột Quả lý là Ích trí nhân 益智仁**

*Tính-chất* : Ôn, mùi cay, không độc.

*Công-dụng* : Thông Tam-tiêu, trừ bệnh quan cách.

**160.— Quả Lộc Vừng là Kha Tử 阿子**

*Tính-chất* : Ôn sáp, mùi đắng chua không có độc.

*Công - dụng* : Tiêu tức thực bành trướng, chỉ mửa thổ, hoắc loạn, định chứng ho suyễn, phá kết khí, chỉ chứng lý đã lâu, chứng tràng phong tiện huyết, giáng đờm, hạ khí khai trệ, sáp tràng, chỉ băng lậu, khứ mục ế.

**161.— Quả Lê là Tuyết Lê 雪梨**

*Tính-chất* : Mát, mùi chua ngọt, không có độc.

*Công - dụng* : Ngoài thì khu phong, trong thì trừ Thiên hành-thời - nhiệt, dùng sống thì thanh nhiệt, chín thì bổ âm giải tiểu, trừ khát, tiêu đàm, chỉ chứng ho, những người trong lạnh đi hạ lợi, đàn bà Sản-hậu hư nhược nên kiêng.

**162.— Cây Lưới Riều là Kim giao 金膠**

Cây cao lớn như cây quýt, lá dài hình như răng cưa, sắc nó tía, dùng để làm dũa, lại trừ được các chất độc.

## Vấn M

**163.— Mướp Đắng là Khổ qua 苦瓜**

*Tính-chất* : Hàn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Trừ nhiệt tạng, thanh tâm minh mục bổ hư lao. Hạ ích khí tráng dương.

**164.— Lá Mền Tươi là Trạch lan diệp 澤蘭葉**

*Tính-chất* : Ôn, mùi đắng không có độc.

*Công - dụng* : Tiêu ung, phá khối, trị phụ nhân huyết, vậng lao sái, hoạt huyết, sinh tân dịch.

**165.— Hạt Má Đề là Xa Tiền Tử 車前子**

*Tính-chất* . Hàn, mùi ngọt không có độc.





*Công-dụng* : Thông Tiểu-tiện, chỉ tả, ích tinh, thôi sinh cường âm, khiến người ta có con; bỏ vỏ dùng.

166.— **Cây Mía, là Cam Giá 甘蔗**

*Tính-chất* : Hàn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Tả hỏa, trợ tý khí, hòa trung giải tửu độc, chỉ khát, hạ nghịch khí, trị chứng ế-cách, lợi Đại Tiểu tràng, khứ thiên hành thời nhiệt.

Nướng chín vắt lấy nước dùng, sắc đỏ thì tốt, không nhiễm dịch khí.

167.— **Hạt Móng tay là Cấp tính tử 急性子**

*Công-dụng* : Chữa chứng rắn cắn, đau bụng.

Phơi khô mà dùng.

168.— **Cây Rau Má lá Rau Muống**

椶 屨 膊 莢 屨 獐

*Tính-chất* : Mùi đắng, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa Kim-sang, đình tiết, chứng hồng ty-sang, giã lấy nước tự nhiên mà bôi liền khỏi, lại chữa chứng tràng phong hạ huyết.

Ngọn, rễ, lá, sao dùng.

169.— **Giây Mơ lông là Hồng lục 红蓼**

*Tính-chất* : Bình, mùi đắng không có độc.

*Công - dụng* : Sáp tràng, an vị, chữa chứng Tiểu tiện không cầm, giải độc cá, Ba ba.

Tháng 8 kiêng không ăn lấy lá. giây phơi khô dùng.

170.— **Mã Chiên thảo là Cỏ vọt ngựa 韃 撻 馭**

*Tính-chất* : Hàn, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng tích tụ, khai kinh, chứng ung thư, chứng trĩ, Sản nậu, ác huyết không chỉ.

171.— **Măng Tre là Trúc Roãn 竹 筴**

*Tính-chất* : Hàn, mùi ngọt, đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng không ngủ, khứ chứng nhiệt, mặt



vàng, chứng tiêu khát, sáng con mắt, giải tửu độc, trừ nhiệt khi, chữa tâm buồn, ích khí lực, lợi thủy đạo, hạ khí đờm trừ phong nhiệt, cước khí, lại chữa chứng trúng phong ra mồ hôi mất tiếng.

172.— Quả Mướp là Ty qua 絲瓜

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Thanh thấp nhiệt, lợi tiện tiêu đờm, chữa chứng ung sang, chứng đậu sang, thông tia sữa.

173.— Men Rượu là Tửu khúc 酒曲

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Khoan trung, khai vị, trừ chứng đờm tích, hữa chứng khí nghịch, trung hàn, yên chứng Hoắc loạn.

174.— Rau Muống là Úng thái 蕹菜

*Tính-chất* : Hàn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Giải phiền nhiệt, sinh cơ nhục, lại hay thôi sinh.

Tiêu thủy thũng đàn bà có mang không nên ăn sống.

175 — Cỏ may là Kim Châm-Thảo 金針草

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Thông Tam-Tiên, trừ bệnh quan Cạch.

176.— Cỏ Mền-Chầu là Thanh-Bình Thảo 清平草

*Tính-chất* : Mát không có độc :

*Công-dụng* : Chữa chứng trúng thử, di Đại tiện ra huyết lấy cây tươi giã nước uống, trừ chứng nhiệt độc, nấu nước gội đầu thì tóc đen lâu.

177.— Cỏ Môi nước là Trúc Thảo 竹草

*Tính-chất* : Lạnh, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Thông Kinh, lợi Tiểu-tiện, đốt còn tinh tán nhỏ trộn với dầu trong. bôi chứng chốc đầu, rắc cắn lấy nhai, nuốt nước, bã đồ vết thương rất hay.

178.— Lá Mỏ-quạ là Thạch-hồ-Thoả 石胡荽

*Tính-chất* : Nhiệt, mùi đắng không có độc.



*Công-dụng* : Chữa chứng phong, tê, tan huyết độc. giã Hạt nát tầm rọu sao, chữa chứng phát nhiệt điên cuồng.

**179.— Lá Mỏ-vàng là Hoàng-Nga-Thảo 黄莪草**

*Tính-chất* : Ôn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Tiêu chứng thực tích, trừ chứng vị nhiệt, khoan hung cách, tiêu đờm

Gốc, lá, giây sao dùng.

**180.— Hạt Muồng Muồng Thảo là quyết minh-tử**

**草决明子**

*Tính-chất* : Bình, mùi mặn không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng mắt mờ, thanh con can, con thận, chữa chứng ung thư, chứng rức đầu.

**181.— Cây Móng đất là Dạ chiết phong 夜折風**

*Tính-chất* : Ôn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng vết thương, đốt còn tính, chữa trẻ con chốc đầu, chữa chứng Sản-hậu ác huyết không chỉ uống với bài Huyền-tinh-thang, chữa chứng giao-hợp huyết ra không ngừng.

**182.— Giây Máu là Đại-huyết đằng 大血藤**

*Tính-chất* : Ôn; mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Chuyên chữa bệnh Huyết, dùng với Hồng-Hoa, Tô-Mộc, chữa chứng huyết-bạch, bạch đới rất hay.

**183.— Giây Mồng là Thương - Lục 商陸**

*Tính-chất* : Mùi cay, có độc.

*Công-dụng* : Vào kinh con Tỳ, hành thủy phá chứng trung kết, lợi tiểu tiện, chữa chứng trên mặt phù thũng, lấy rễ trắng dùng, rễ đỏ không nên dùng, phản cam-thảo.

**184.— Giây Mối là Triệt Lộ Đằng 截路藤**

*Tính-chất* : Nhiệt, mùi đắng có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng mới đau mắt, lấy lá nấu nước, con gai lấy 7, con gái lấy 9 tác Hương đốt làm cữ mà xông.



khi nào cháy hết thì thôi.

Lá rễ sao chữa chứng Cồ-độc, Tà-tri quý-chú.

**185.— Hoa Mào gà là Kê-quan-Hoa 鷄冠花**

*Tinh-chất* : Mát, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng tràng phong trĩ lậu, chữa chứng đình râu lấy lá giã, cho ít muối mà đắp rất hay.

Chữa chứng rắn cắn, lấy lá màu đỏ giã đắp.

Hoa màu trắng chữa đàn bà chứng Bạch-đới.

**186.— Cỏ trong Miệng Giếng là Tỉnh - khẩu - Thảo 井口草**

*Tinh-chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng Trẻ con Dạ - đề, (khóc đêm lặng yên không nói cho ai biết, đến bên giếng rút 1 nắm cỏ trong miệng giếng bất cứ cỏ gì, đem về không cho ai biết dải ở giường đứa bé nằm liền khỏi.

Kinh nghiệm rất hay.

**187.— Cỏ trong miệng Trâu là Ngưu - duyên - thảo 牛涎草**

*Tinh-chất* : Bình, mùi mặn; không có độc.

*Công-dụng* : Lợi Thủy-đạo, hạ khí nghịch, chỉ chứng ho, sát trùng, dùng 1 mình nó sao vàng cho 3 nhát gừng nướng, sắc uống, chữa chứng Hàn, nhiệt siêu cấp.

**188.— Hoa Mộc là Mộc Tê-Hoa 木樨花**

*Tinh-chất* : Ôn, mùi thơm cay đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng Thở-tả hoãn yếu tất, tràng nguyên dương, hoa vệ khí, chân âm hư hỏa vượng, chân khí hư, hạ hoãn không dùng, kiêng lửa.

**189.— Cây Mon là Hắc-dàn 黑弦**

*Tinh-chất* : Mặn mùi cay, không có độc.

*Công dụng* : Giải mọi chứng nhiệt độc, tràng phong, Hoắc-loạn thổ-tả.

**190.— Quả Mần-quân là Đại-son-Tra 大山查**

*Tính-chất* : Hơi lạnh, mùi chua ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Hóa, thực, tiêu tích, truy đờm, chỉ chứng ho.

**191.— Quả Măng Cụt là Mộc-Trúc-Tử 木竹子**

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công dụng* : Nhuận con Phế, chỉ khát, sinh Tân dịch, thường ăn rất tốt.

**192.— Quả mít là Ba-la-Mật 匹羅密**

*Tính chất* : Ôn mùi ngọt thơm không có độc.

*Công - dụng* : Chỉ khát, ích khí, giải hư phiền, tỉnh rượu, nhẹ mình, đẹp con nhan sắc.

**193.— Hạt máu chó là Đại phong-Tử 大楓子**

*Tính-chất* : Nhiệt, mùi cay đắng có độc.

*Công-dụng* : Tán phong sát trùng. Táo thấp, chữa chứng nhiệt, thông hành kinh lạc, lại chữa bệnh Đại phong-lệ-Tật, và mọi chứng phong, tuyền giới lại sang, chứng lòi đầu phong, lòi hoàn làm tá rất tốt.

**194.— Quả Mơ là Ô - mai 烏枚**

*Tính-chất* : Ôn Bình, mùi chua không độc

*Công-dụng* : Tiêu phiền nhiệt, chỉ tiểu khát, thổ nghịch phiền vị, Hoắc-loạn, sáp tràng chỉ chứng lãnh nhiệt tả lý, đại tiểu tiện ra huyết, chữa chứng huyết Bạch trọc, lâm lịch, di tinh, mộng tinh, sát bư trùng.

**195.— Quả Mận là Lý-tử 李子**

*Tính-chất* : Mùi chua đắng, hơi có độc.

*Công - dụng* : Điều trung, chữa chứng ác tật trừ chứng cốt nhiệt; hột hay hành huyết, cho vào trong nước nổi không nên ăn.



## Vân N

**196. — Cây Ngâu là Ngư-tử-lan 魚子蘭**

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Lợi thủy thâm thấp tiêu đờm chỉ khát, lấy rễ bỏ lõi, còn bì tước nhỏ dùng.

**197. — Cây Nứa là Thanh Bì-Trúc 青皮竹**

*Tính-chất* : Bình, mùi đắng, không độc.

*Công-dụng* : Cũng như vị Hoàng-dương.

Lá già lấy nước uống sống chữa chứng Sốt rét.

**198. — Bột cây Nghiễn là Sa - mộc - miễn 莎木麩**

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Thông kinh, lợi thủy, bồi tỳ vị, đẹp nhan sắc.

**199. — Quả Nhân là Long - nhơn 龍眼**

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Bồi tâm, bồi tỳ vị, chữa chứng hay quên run sợ, an thần dễ ngủ, dưỡng cơ nhục, đẹp nhan sắc, người đầy bụng kiêng, lấy cùi phơi khô dùng.

**200. — Quả Ra là Quỷ-thần-tử 鬼唇子**

*Tính-chất* : Lạnh, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Hạt sao, hòa với rượu, bôi chữa ác sảng đầu chốc, lá già sống rịt vào mạch tay (nam tử, nữ hữu) hay trừ được chứng lão ngược, kiêm tịch được chứng đơn thạch-dộc.

**201. — Quả Nhót là Lư-đô-tử 盧都子**

*Tính-chất* : Sáp mùi chua không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng bất phục thủy thổ, tả lý, lấy rễ lá sao dùng.

**202. — Củ Nghệ vàng là Bông nga truật 蓬莪朮**

*Tính-chất* : Ôn, mùi cay đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng đau tim tiêu ứ huyết.



*Phép chế* : Nướng lửa dùng, chữa bệnh huyết, tầm dấm sao, không nên uống nhiều ; chân tỳ hư không nên dùng.

**203.— Lá Nón là Phù-Ưu 夫 溲**

*Tính chất* : Hàn, mùi ngọt không có độc.

*Công dụng* : Chữa chứng thổ huyết, khạc ra huyết ; đại tiện ra huyết lấy đốt còn tính uống với nước nóng, thông tiểu tiện, lợi phế khí, chữa chứng chóng mặt hầu te, tiêu chứng ung-thư, lại lấy ngâm nước, rửa bệnh đau mắt rất tốt.

**204.— Cây Nhọ nôi là Nhân-trần 茵 陳**

*Tính-chất* : Hàn, mùi đắng cay không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng phong thấp, chứng Hoàng đởm, đầu rức uống nhiều thì nhẹ mình.

**205.— Cây Nửa ngày là Ngọ thời 午 時**

Chính giờ Ngọ nở hoa sắc đỏ, vì thế đặt tên.

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Tráng chân dương, ích khí, điều huyết, thông kinh tiêu tiểu tích, trừ chứng quỷ chú.

Tháng 7 lấy cả hoa, rễ, lá sao dùng.

**206.— Cây Nhài công là Nguyên cộng thảo 元 共 草**

*Tính-chất* : Nóng, mùi đắng có độc.

*Công dụng* : Chữa chứng đòn đánh, đao thương kim sang, tên độc, là phương thuốc chữa ngoại khoa rất hay.

**207.— Hoa Ngón là Nguyên Hoa 莞 花**

Lá giống Thanh-Mộc-Hương, tháng 7 tháng 8 có hoa hái dùng. Rễ tên là **Cân Vãn** ăn thì chết người, chỉ có hoa mới dùng được.

*Công dụng* : Tán chứng thủy thũng, chỉ chứng khái nghịch, phản vị Cam-thảo.

**208.— Cỏ nước là Tịch hử thảo 辟 鼠 草**

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Trị chứng thử-lũ, phá chứng trưng kết ; chữa chứng tai điếc.



**209.— Nhân quả Bách là Bách tử nhân 栝子仁**

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Nhập tâm kinh, dưỡng thần khí, nhập can kinh, định chi, liễm mồ-hôi, thông nhĩ mục, tráng dương-đạo, tịch bách-tà.

Lá đắng khi ôn không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng thổ huyết, nục huyết, ly huyết, băng trung, xích bạch ly tật, khinh thân, ích khí thấp tý, khắp mình đau rức, chữa chứng phải bồng sinh cơ, thương nông-sát trùng.

**210.— Cây Ngái là Dá vân diệp 野雲葉**

*Tính-chất* : Bình, mùi đắng mặn không có độc.

*Công-dụng* : Trừ thủy thấp, chữa chứng lam sơn chương khí rất hay, đơn rụng, vỏ tước nhỏ sao dùng, lại có 1 giống mọc ở trên rừng, lá có lông, tháng 3 ra quả dùng làm thuốc, độc nên kiêng.

**211.— Vỏ Núc nác là Hoàng bá 栝黃**

*Tính-chất* : Hàn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Trừ thấp nhiệt ở Hạ tiêu, tả âm hỏa phục ở âm phạm, bổ thân, cường âm, tẩy con can, sáng con mắt, trừ nhiệt kết ở trong tràng vị, chữa chứng Hoàng đả, chứng tràng trĩ, dùng vào thuốc chữa Thận, muối, rượu sao vàng dùng, dùng vào các thứ thuốc khác, tầm mật 1 đêm, chích vàng dùng vào phương thuốc bôi đắp, kiêng thấy lửa.

**212.— Củ Năn là Ô Vu 烏于**

*Tính-chất* : Hàn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Tinh hay hủy đồng, tiêu chứng kiên tích, trừ trong bụng bí tích, giải chứng đơn thạch trùng độc, thanh con tâm, khai con vy, trừ chứng thấp nhiệt, trong con Phế, con Thận, chữa chứng đau mắt có màng mọng, uống nhiều thì thương phong mất tiếng.

**213.— Hạt Nấm cơm là Ngũ vị tử 五味子**

Có 5 mùi vị thể mà đặt tên ấy.

*Tính chất* : Ôn, bình không có độc.





*Công-dụng* : Bổ chứng hư sinh Tân dịch, ích khí, sáp tinh, định chứng suyễn, liêm mồ-hôi, cứng gân xương, sáng con mắt, sinh mạch, mật rượu phơi khô dùng.

214.— **Cỏ Nụ áo là Hạc sắc thảo** 鶴虱草

*Tinh-chất* : Ôn, mùi đắng không có độc.

*Công dụng* : Minh mục, ích khí, thông kinh, lợi thủy an hồi trung.

Rễ là đều dùng được.

215.— **Củ Nghệ là Uất kim** 鬱金

*Tinh chất* : Hàn, không có độc.

*Công-dụng* : Thông kinh, khai kết, hành huyết, an thai, sinh da thịt, chữa chứng giãn.

216.— **Lá Ngải**

*Tinh chất* : Ôn, mùi đắng không có độc.

*Công dụng* : Chích trừ bách bệnh, trừ tà khí, chỉ chứng đau bụng lạnh, an thai, dùng sống thì khử chấp sát trùng, bảo thai, ngày mồng 5 tháng 5 lấy phơi trong rọp, để lâu năm dùng.

217.— **Nguyên-Mễ là Cánh-Mễ** 粳米

*Tinh chất* : Lương bình, mùi ngọt thơm không có độc.

*Công dụng* : Điều vinh, dưỡng vệ, đại bổ trung ích khí lấy thứ trắng xanh thì tốt.

218.— **Củ Nễnh là Bạch đầu Ông** 白頭翁

*Tinh chất* : Hàn, mùi cay không có độc.

*Công dụng* : Chữa người già chân tay mềm yếu, bán thân bất toại, trừ chứng lại phong tiền giới, ác sang, lấy dao đồng thái phơi khô dùng.

219.— **Cây Ngô-Đồng là cây Vông** 椶櫚

*Tinh-chất* : Hàn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng thoát giang, lợi thủy đạo, tiêu phù thũng, khử sang trùng.

Lá chữa chứng không ngủ lấy lá non, nấu canh mà ăn.



**220.— Rau Ngót là Quyết-Thái 厥菜**

*Tinh-chất* : Hoạt, bình mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Bồi trung, ích khí, thanh nhiệt, cứng gân xương.

Ăn nhiều thì ngủ được.

## Vần O

**221.— Cây Oanh-Châu là Xích châu đằng 赤珠藤**

*Tinh-chất* : Ôn, bình không độc.

*Công-dụng* : Sao thơm tán nhỏ uống, làm cho người ta được khỏe mạnh.

**222.— Ô-Long-Vỹ là đuôi Mồng-hóng**

*Tinh-chất* : Nhiệt, mùi cay đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chỉ huyết an thai, khử chứng vy phiền. Chữa chứng đau bụng ế-cách, sang thũng, lấy ở chỗ có khói lửa thì độc.

**223.— Giây Ông-Già là Bạch Tu-Đẳng 白鬚藤**

*Tinh-chất* : Ôn, mùi cay không có độc.

*Công-dụng* : Chữa Nam tử chân dương nuy, phụ nhân âm thực sang. Lão nhân bán thân bất toại, chân tay mềm yếu, sao dùng.

## Vần P

**224.— Hoa phù-dung là Mộc-liên-hoa 木蓮花**

*Tinh-chất* : Bình mùi cay không có độc.

*Công-dụng* : Thông con phế, lương con huyết, tán nhiệt giải độc, chữa chứng ung thư, giã nát trộn với mật đồ, khô lại đốt, mới lên thì tiêu đã lâu ngày thì vỡ.

**225.— Cây Phượng-Vỹ là Kim-Tinh-Thảo 金星草**

*Tinh-chất* : Ôn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Giải độc tiêu thũng, chuyên chữa về ngoại khoa, dùng nó sắc uống, chữa chứng Xích-bạch-ly. Rễ nó thay được vị Hoàng-liên hay mọc ở bờ tường.



226. — **Cây Phèn-đen là Hắc-phèn-tử 黑礬子**

*Tính-chất* : Bình, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Lợi thủy đạo, tiêu thấp thũng, khử phong đờm, chữa chứng chết hóc.

Ngọn rễ là đều dùng được.

Quả thay được Thổ-Bối-Mẫu, rễ thay được Thục-địa.

227. — **Phong Khương là Gừng gió 麴薑**

*Tính-chất* : Ôn.

*Công-dụng* : Chữa thiên thời ôn dịch. Chữa cả Súc vật, Ung thư. Quý-xạ, trong uống ngoài xoa.

228 — **Quả Phật-Thủ 果佛手**

*Tính-chất* : Mùi ngọt cay không có độc.

*Công-dụng* : Lá, rễ sao vào thuốc, chế chứng Cang-dương, giải Thử-độc, thanh dầu mục, trừ chứng Huyết v

## Vấn Q

229. — **Vỏ quýt chín là Trần-bì 陳皮**

*Tính-chất* : Ôn, mùi cay đắng không có độc.

*Công-dụng* : Tán trệ khí, tiêu thực, khái vị, lợi thủy, thông tiện, đề cùi trắng tinh, chậm ich con Tý, đề lâu năm thi tốt, Hạt chữa chứng Thiên-Trụy sản khí.

230 **Vỏ Quýt sanh là Thanh-Bì 青皮**

*Tính-chất* : Ôn, mùi cay đắng không có độc.

*Công-dụng* : Vào Kinh con can, chữa cạnh sườn đau giải uất, khoan ung, tiêu thực, kiêng chữa Tiểu-nhi cam thũng, bụng to, gân xanh.

231. — **Quả Quýt là Kim quất 金橘**

*Tính-chất* : Hàn, mùi chua ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Trừ chứng xán-khi, chứng Bưu-trùng, giải tửu độc; lấy hạt sao dùng.



232. — Quả Quân Âm là Mãn Kinh-tử 蔓荆子

*Tính-chất* : Ôn, mùi cay đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng xương đau cơ gật, hàn nhiệt tê thấp, kinh quết âm đầu thống, lợi quan tiết, chữa chứng tai như Ve-sầu kêu.

233. — Quý-Nữ là Bạch-Hạc 白鶴

*Tính-chất* : Mùi ngọt cay, không có độc.

*Công-dụng* : Rễ già lấy nước uống giải mọi thứ độc, chữa chứng hóc các thứ xương, đồ chứng ung sang, ung nhũ, lúc mới phát thì lấy rễ già lấy nước pha với rượu uống bã đắp ở chỗ sưng thì khỏi.

234. — Lá Quỳ là Bồ-Quỳ 蒲葵

*Tính-chất* : Hàn mùi đắng có độc.

*Công-dụng* : Trừ ma tà, khách ngộ, quỷ chú.

Bóc vỏ phơi khô dùng.

## Vân R

235. — Rêu đá

*Tính-chất* : Lạnh, mùi chua không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng Hoàng đả, tâm phiền, ho suyễn, khí huyết nhiệt, nhiệt tai tràng vỵ, bạo phong, khẩu cấm, Kim sang, tằm rượu phơi khô uống, uống lâu lâu thì bổ trung ích khí, trưởng Cơ nhục, đẹp nhan sắc, già lấy nước uống, chỉ chứng nục huyết.

Đốt con tinh, hòa với dầu sôi chứng phải bỏng.

236. — Hoa Râm-Bụt là Mộc-Cầu 木槿

*Tính-chất* : Hàn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng tả lý, sáp tràng, tràng phong, chỉ huyết. Vỏ sát chứng ghẻ ngứa sang trùng.

Cành chữa chứng lý, sau phát chứng khát nước.



237.— Rau Răm là Thủy-Lục 水蓼

*Tính-chất* : Ôn, mùi cay không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng lở ngứa, tim lạnh đau, rắn cắn, chứng trĩ sang. Cước khí, nấu nước hun rửa.

238.— Tầm gửi Cây Ruối 尋嗽核櫛

*Công-dụng* : Chữa chứng ho hen khí xuyên, sao vớì đậu đen sắc uống.

239.— Rễ Dâu là Tang-bạch-Bì 桑白皮

*Tính-chất* : Hàn; mùi cay không có độc.

*Công-dụng* : Trợ nguyên khí, lợi thủy thũng, khu đờm giải khát.

240.— Lá Thuốc Ruồi là Tịch-thư-thảo 辟蛆草

Hay trừ được ruồi cho nên đặt tên, lại trừ được giống giòi, bọ.

*Tính-chất* : Hàn, mùi đắng có độc.

*Công-dụng* : Chữa con Vỵ có chứng ế khí, nôn lợm nuốt chua.

241.— Cây Ruột gà là Mộc-Thông 木通

*Tính-chất* : Cay ngọt không độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng Hầu-nga rần trệ khí, thông lâm bế, giáng Tâm-Hỏa, thanh Phế nhiệt, lợi Bàng-quang, trừ thấp nhiệt.

Người hư nhược, khí hư, hoạt tinh, và đàn bà có mang không nên dùng. Rễ nó rất tốt. Hột là Tử-cát.

*Công-dụng* : Thông kinh dưỡng huyết, đổi huyết cũ, sinh huyết mới, phá huyết khối, chữa đờm vương ở cổ dùng một mình nó rất hay.

Tháng 9 lấy phơi khô dùng, lá có độc, uống phạm hại người.

242.— Cây Riển là Vô-khôi-Tử 無灰子

Hoa sắc tía, dùng ngọn rễ, lá uống đẹp nhan sắc, bồ



chân nguyên-khi, cứng gân xương, chữa Tử cung hư lạnh, uổng lâu thì có con.

## Vân S

### 243.— Hạt Sen là Liên-tử 蓮子

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Bổ trung ích khí, an tâm thần, hòa tỳ vy, chỉ lý, thu tinh, giải phiền nhiệt.

### 244.— Củ Sơn-Phục là Sơn-quỷ-Cốt 山鬼骨

*Tính-chất* : Khô hàn có độc.

*Công-dụng* : Vỏ chữa mọi chứng sang. Hoa chữa chứng Tịch. Bạch-ly, Rễ chữa chứng trên đầu Bạch-tiết sao dưng.

### 245.— Quả Sung là Ưu-dàm-Bát 優曇鉢

*Tính-chất* : Quả, hàn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Vỏ, chữa chứng thấp thũng tích tụ, sáp tinh chỉ huyết, tán phong tà ở da thịt, chữa tân, cứu Bạch-ly.

Rễ lá hay tiêu hung trung phiền nhiệt. Giải các chất độc cá Ba Ba.

### 246.— Lá Sung tật là Ưu-diệp 優葉

*Công-dụng* : Chữa chứng giới tiêu sang, chữa chứng Hắc điếu, dương-mai.

Tầm gửi cây Sung chữa chứng chó rại cắn.

### 247.— Cây Sòi là Nha-cứu-Căn 鴉舅根

*Tính-chất* : Ôn mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng thống phong đau rức trung kết tích tụ, chữa chứng đầu phong, thông đại tiểu tiện chữa chó cắn rất hay, lấy cây sắc tía thì tốt.

### 247 bis.— Rễ cỏ Sả là Mao Hương Căn 茅香根

*Tính-chất* : Lương, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Bổ trung, ích-khí, chữa các bệnh thuộc về huyết, nhục-huyết, ứ huyết, băng trung lậu hạ, thông 5



chứng lâm, chứng phiền khát, cứng gân xương, lấy rễ  
tầm rượu sắc uống.

248.— Ruột Sắn Đồng Nai là Thông thảo 通草

*Tính-Chất* : Ôn mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Thông kinh, hành huyết, lợi nhị tiện, tiêu  
thủy thũng, chữa chứng ma chẩn đậu.

249.— Củ Sắn giây là Cát Căn 葛根

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng Thương-Hàn phát biểu, giải  
cô thăng, đề vị khí, chỉ chứng khát nước, sinh tân dịch,  
người con vỵ nhiệt đi tả, không uống Cát căn không khỏi

250.— Cây Sắn-Hậu là Đại - Hoàng 大黃

*Tính chất* : Hàn, không có độc.

*Công-dụng* : Tẩy rửa con tràng con Vỵ, đổi cũ thay mới  
trục ngoan đờm, phá tích tụ, tán nhiệt độc, người hư hàn  
tầm rượu sao dùng.

251.— Cây Sau 核 薈

*Tính-chất* : Ôn, mùi cay, không độc.

*Công dụng* : Chữa chứng tâm phúc, trường đau, trừ  
thấp.

252.— Rựa cây Sau là Bạch giao Hương 白膠香

*Tính-Chất* : Ôn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Phá chứng Ung-thư trừ hà, bỉ đầy, bổ  
trung an 5 con tang, nổi gân xương, đầy não tỷ tiêu ừ  
huyết, chỉ chứng đau tim, đề khô dùng.

253 — Hoa Sơn-Trà 花山茶

*Tính-chất* : Hàn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Sắc đỏ vào huyết phạm chữa chứng thổ-  
huyết, nục huyết, tràng phong hạ huyết, tán nhỏ pha rượu  
vời nước tiêu uống, sắc trắng vào khí phạm chủ bổ dương  
ích khí, tán nhỏ pha rượu uống.



## Vấn T

### 254.— Tô Hợp 蘇合

*Tinh-chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công dụng* : Tịch mọi thứ ác khí, sát tam trùng, tâu khiểu, trục tà, thông thần minh, trừ chứng sốt rét, mọc ở Phủ-Bình.

### 255.— Rễ Tâm-xuân là Tường vi-căn 薺薇根

*Tinh-chất* : Sáp mùi đắng, không có độc.

*Công-dụng* : Chỉ lý sát trùng, trừ thấp nhiệt, chữa chứng sang độc, thư gân.

Chữa chứng đau mắt mọc lông quặm, mùa xuân lấy hạt sương ở trên lá mà dỏ.

### 256.— Thanh hao là Thanh-Cao 青蒿

*Tinh-chất* : Lạnh, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng đờ mồ hôi trộm, chứng cốt chùng sốt rét, đau bụng, chữa chứng đao thương, cho vào chỗ đờ chín, phơi khô dùng, phơi trong rọp.

### 257.— Củ Tỏi là Đại-Thoái 大蒜

*Tinh-chất* : Ôn, mùi cay có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng ung thư, ác sang đau rức, đau bụng hoặc loạn chuyển gân, tiêu thực, tịch ác khí chữa chứng rần rết cắn, giã nát rịt vào chỗ đau, ăn sống nhiều hại mắt, thương can, thương Phế dẫn đờ, thương thận, kiệt tinh.

### 258.— Lá Tre 荻柳

*Tinh-chất* : Hàn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Trục thượng khí, khái nghịch siễn xúc trong ngực đờm nhiệt phát ho, táoái hư nhiệt, giải nhiệt khái, lương tâm, thanh Phế, lợi thủy tiêu đờm, chữa người có mang phải chứng thổ tả.

### 259.— Cây Thông là Mộc Thông 木椿

*Tinh-chất* : Ôn, không có độc.



*Công-dụng* : Chuyên chữa các đốt xương đau, thư gân chỉ thống chữa chân Tê thấp khi ở trong xương.

260.— **Củ Tam-Thất là Sơn-tất 山漆**

*Tính-chất* : Nhiệt, mùi ngọt hơi độc,

*Công-dụng* : Chỉ huyết, tán huyết, là thứ thuốc chữa chứng ung thư rất hay.

Lá nó bên tả 3, bên hữu 7 thế gọi là Tam Thất.

261.— **Tỳ Giải là Kim cương 金剛**

*Tính-chất* Đẳng, không có độc.

*Công dụng* : Cứng gân xương, chữa chứng lạnh tê.

262.— **Củ Thiên Tuế là Vô lậu tử 無漏子**

*Tính-chất* : Ôn, mùi cay không có độc.

*Công-dụng* : Tráng gân xương, đen râu tóc, phản lão hoàn đồng, kiêng ăn với đường thi mưa thỏ. Quả sinh ở trong cây như cái túi, mỗi bao ước hơn 200 quả, sao mà ăn.

263.— **Củ Tóc Tiên là Thiên-môn đông 天門冬**

*Tính-chất* : Hàn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Bồi chứng hư lao, nhuận 5 con tạng, trừ phiền giải khát, tiêu đờm, chữa con Phế, ho ra máu lấy phơi trong rọp, bỏ lõi, sao với gạo tám mà dùng.

264.— **Củ Tâm-sét là Tịch-lich Căn 霹靂根**

*Tính-chất* : Hàn, mùi đắng có độc.

*Công-dụng* : Trừ chứng Quỷ-xạ, ôn dịch, chữa mọi chứng.

265 — **Củ Thương-Truật là Sơn-Tinh 山精**

*Tính-chất* : Ôn, mùi đắng ngọt cay, không có độc,

*Công dụng* : Hoãn con Vy, an thai, khoan trung, tiêu đàm tiện thực, khu phong.

Quả sắc đỏ giống như quả quýt, nhưng không ăn được.

Tháng 8 lấy tầm nước gạo, phơi khô dùng.

266.— **Củ Thiên-hoa-phấn là củ Trà rầy 苧茶芻**

*Tính chất* : Hàn, không có độc.



*Công-dụng* . Chỉ chứng khát nước, khỏi chứng phiền, bài nung tiêu đờm.

**Hạt tên là Qua-lâu-Nhân 瓜 蒌 仁**

**267.— Cỏ Thấp-Bút là Mộc-Tặc 木 賊**

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt hơi đắng.

*Công-dụng* : Ích con can, đứt màng mộng, khỏi chứng băng huyết, chữa chứng sản khí.

Cắt bỏ đầu mặt, tẩm rượu sao dùng.

**268.— Cỏ Tu me đất là Tiểu Hoảng Đẳng 小 苘 藤**

*Tính-chất* : Chua không có độc

*Công-dụng* : Trừ chứng nhiệt, lợi chứng thấp, thanh con Phế, chữa chứng ho, hóa đờm, chữa chứng ung thư, giã lấy nước uống, chữa cả chứng Hoàng-dảm.

**269.— Lá Thuốc Bông là Thận hỏa thảo 慎 火 草**

*Tính-chất* : Nóng, mùi đắng chua cay có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng hỏa sang, tiêu nhi đơn độc.

**270 .— Cây Thù du là cây Thù-lú 警 屢**

*Tính-chất* : Ôn. mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng ho nóng, tráng chân nguyên dương chữa Phụ-nhân âm sang rất hay.

Ngày 9 tháng 9 lấy đeo trong người, quanh năm không có bệnh.

Ban đêm bôi gốc có ánh sáng, như đom đóm, vì thế đặt tên ấy.

**271 — Cây Thuốc Cá là Bôn Thảo 莽 草**

*Tính-chất* : Ôn. mùi cay có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng đầu phong ung thũng, nhũ ung xán hà, trừ chứng kết khí lở ngứa, sát ngư trùng chữa chứng hầu tê phong ngứa, nấu nước tắm, không nên cho vào mắt, không nên sắc uống, giã lẫn với bột gạo, vớt xuống ao, cá ăn phải thì chết, người ta vớt cá ăn không việc gì.



**272.— Cây Tẩu Mã Cam 核走馬疳**

*Tinh-chất* : Ôn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chuyên chữa Tiêu nhi cam thắc.

Lá như lá rau ngót, chảnh nó đỏ, dưới lá có quả lấy saõ dùng.

**273.— Cây Thuốc Gió là Phòng phong 防風**

*Tinh-chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Trị chứng phong thấp, thông hành con Tý con Vỵ, bỏ tua dùng, ghét Hoàng-kỳ.

**274.— Cây Tre mai, là Kim cân diệp 金句葉**

Quả trẻ con hay ăn, lá chữa chứng đau răng, lấy lá già lấy nước rửa vào mắt, uống hương trà một bát, nhắm mắt một nhát, chứng đau răng liền khỏi.

**275.— Giây Thoại là Lượng lăng 亮陵**

*Giây nó buộc rất bền.*

*Tinh-chất* : Nóng, mùi đắng, không có độc.

*Công-dụng* : Nối gân, liền xương, chỉ huyết sát trùng, vô tước nhỏ sao khô dùng.

**276.— Giây Tơ Hồng là Kim Ty Thảo 金絲草**

*Tinh-chất* : Mát, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng thổ huyết, nục huyết, băng huyết, tiện huyết, ho ra huyết, giải mọi chất độc, chữa chứng hôi nách, bồi chứng Hồng ty sang, cùng với vị Doanh-châu bì chữa chứng hen rất thần hiệu.

**277.— Quả Tầm chích là Huyền hồ sách 玄胡索**

*Tinh-chất* : Ôn, mùi cay không có độc.

*Công-dụng* : Phá chân huyết, hạ chân khí, điều kinh nguyệt, chữa chân khí trệ, chân huyết ngừng, chữa chứng Sản-hậu, huyết xung, huyết vặng, bụng dưới trương đau, đau tim, thông Kinh hạ thai, chữa chứng Tàn khí là phương thuốc hoạt huyết rất hay.



278. - Hoa Thủy tiên là Kim trản ngân đại

金盞銀臺

*Tinh-chất* : Bình, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Hoa, lá già sống lấy nước rửa mắt, quanh năm không phải chứng đau mắt; rễ thái nhỏ vào với thuốc, chữa chứng lão ngược, chứng ung thư đã vỡ, hạt hay trừ phong, nhuận da thịt, tốt râu tóc, cùng với vị Bạc-Hà, Bạch-thược tán nhỏ uống, chữa chứng Ngũ lâm Triền nhiệt.

279. - Hoa Tử tiêu là Tử uy hoa căn 紫葳花根

*Tinh-chất* : Hàn, chua không có độc.

*Công-dụng* : Trị phụ-nhân sản hậu, nữ ung mọi chứng, trung hạ, huyết bế, băng trung, gầy còm có cơn nóng rét, dưỡng thai, chứng sản hậu lâm lịch, chủ chứng nhiệt phong, phong giản, đại tiểu tiện không lợi trong ruột táo kết, dùng 1 vị chữa chứng Cước-khi, bòn-đồn rất hay.

Chồi, lá tinh bình, mùi đắng không có độc,

*Công-dụng* : Chữa chứng nuy lý, ich chân khi, chữa chứng phong nhiệt, du phong, phong chần minh ngứa, ứ huyết, đờn hạ, chữa yết-hầu đau, lương huyết sinh cơ.

280 - Thường Sơn 常山

*Tinh-chất* : Hơi lạnh, mùi cay có độc.

*Công-dụng* : Triệt ngược, thổ đờm, tiêu thủy thũng, uống lá sắc trắng thì thổ, chỉ lấy già đắp ở mạch tay (nam tả, nữ hữu) chữa bệnh sốt rét, lấy lá sắc tía tẩm rượu đồ chín dùng.

Ngọn tên là Thục tất 蜀漆

281 - Vỏ quả Thuốc Phiện là Oanh túc xác 瞿粟壳

*Tinh-chất* : Ôn sáp, mùi chua, không độc.

*Công-dụng* : Chỉ chứng tả lý, di tinh, chỉ chứng ho thuộc về thấp nhiệt nên dùng, nếu còn khí phong hàn mà yếu thì bệnh lại tăng, chữa chứng đau bụng kinh niên, tán nhỏ uống với nước rất hay.

**282.— Rau Thài lài là Biền xúc 扁蓄**

*Tinh-chất* : Bình, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng Hoắc loạn, Hoàng đởm, khử chứng nhiệt, thông chứng Lâm, chữa chứng lở ghẻ sát trùng, lấy sắc tía mà dùng.

**283.— Cây Thuốc lão, Thuốc lá là Tương tư thảo 相思草**

*Tinh-chất* : Ôn, mùi cay, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa bệnh phong hàn, tê thấp thấu đến đốt xương hành trệ khí.

Hột chữa chứng rắn cắn rất hay.

**284.— Lá Thông là Tùng chàm 椿針**

*Tinh-chất* : Ôn, mùi đắng.

*Công-dụng* : Chữa chứng phong thấp sang, lịch khi ôn dịch.

**285.— Tầm gửi cây Thông 蕁吸核椿**

*Tinh-chất* : Bình, mùi ngọt, hay bình Can khử uất nộ,

*Công-dụng* : Đờn nhiệt ôn ngược, chỉ chứng lý, chữa chứng đầu phong sang, chứng oanh lưu kết tụ.

Kiểm chữa hùm, rắn cắn, phải bỏng.

**286.— Hạt Trầm gió là Nê-Sơn-Thảo 尼山草**

*Tinh-chất* : Ôn, mùi đắng, không có độc.

*Công-dụng* : Trừ chứng đau bụng, tiêu chứng bí đầy thông Tam tiêu, bổ nguyên dương, trừ đờm thấp, mọc ở núi Hương-tích.

**287.— Hạt Táo là Toan Tảo nhân 酸棗仁**

*Tinh-chất* : Mùi ngọt, chua không có độc.

*Công-dụng* : An khí con Tâm, liễm mồ-hôi, chỉ khát trong bụng nóng rét, tà kết khí tụ, 4 chân tay tê thấp rức đau, Tâm, khiêu run sợ; bổ chân khí, sao chín thì ngủ được, dễ sống thì không ngủ,



**288. — Trạch Tả là củ Bông-bạc 矩莨鉞**

*Tính-chất* : Hàn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Khí âm Hãn, lợi tiểu tiện, chữa chứng đái ra máu, tiết tinh tả ly, trướng đầy, trừ thấp chỉ khát, lợi thủy thì dùng sống, vào thuốc bổ, muối rượu sao.

**289. — Trúc lùa-khua là Hoàng-dương-diệp 黄楊葉**

*Tính-chất* : Bình, mùi đắng, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa đàn bà khó sinh, về tháng nặng phát chứng sang tiết già nhỏ đấp, người già chân mềm yếu già lấy nước uống rất hay.

**290. — Quả Thiệu-Biêu là Phù-Lưu**

*Tính-chất* : Hàn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng tuyền giới ác sang, lại chữa chứng Tiểu nhi, chứng Thiên điều lấy quả đốt ra gio, hòa với rượu mà bôi.

**Vân V**

**291. — Cây Và nước là Thủy-dương-liễu 水楊柳**

*Tính-chất* : Hàn, mùi đắng có độc.

*Công-dụng* : Lá nấu nước rửa, chứng lại-phong lở ngứa. Rễ trừ chứng thủy thũng thấp nhiệt.

**292. — Vỏ Dọt là Nam-mộc-Hương 南木香**

*Tính-chất* : Ôn, mùi đắng không có độc.

*Công-dụng* : Bổ trung chỉ tả, tiêu ứ huyết, Cạo bỏ vỏ ngoài dùng.

**293. — Quả Vải là Lệ-Chi 荔枝**

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Ích huyết, trợ khí, đẹp nhan sắc, khử phiền, chỉ khát, ích trí tuệ, kiện khí thông thần, ăn nhiều phát nhiệt hại răng.

Hột tên là Côn bá.



*Công dụng* : Chữa chứng đau tim, thiên truy, xán, chữa chứng ác sảng, đốt còn tinh dùng.

**294.— Cây Vòi voi là Ty thảo căn 鼻草根**

**Lại tên là Độc hoạt**

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng tê thấp, chứng đơn độc, hành huyết tiêu đờm, ôn khí huyết, trợ ngoại biểu, chữa chứng đòn đánh tổn thương.

**295.— Cây Vú bò là Sản tử 榘子**

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt, không có độc.

*Công - dụng* : Thanh tâm giáng khí, chỉ khát, sinh tân dịch, trừ chứng trúng thử. Rễ lá sao dùng.

Rượu ở quả đồ chứng lở sơn.

**296.— Cây Vọng cách, là Dã chương 野樟**

*Tính-chất* : Nhiệt, mùi đắng không độc.

*Công-dụng* : Trừ chứng ru phong ở mặt, chữa trong ngực có chứng bã đầy, lại giải độc tôm cá.

**297.— Lá Vông, là Dã đồng điệp 野桐葉**

*Tính-chất* : Hàn, mùi ngọt hơi đắng, không có độc.

*Công - dụng* : Khử sảng trùng, tiêu phù thũng, đen râu tóc, lại chữa chứng đêm ngày không ngủ, lấy lá giã nấu canh ăn thì khỏi. Hoa chữa bệnh huyết, hạt chữa chứng phạm phòng, trừ ôn dịch, phá khí, sao vàng dùng.

**298.— Cây Vang là Tô mộc 蘇木**

*Tính-chất* : Hàn, mùi ngọt cay, không độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng tích huyết mủ nùng, chỉ chứng đau, tán chứng ung, thông kinh, dùng ít thì hòa huyết, dùng nhiều thì phá huyết, công dụng cũng như Hồng Hoa.

**299.— Vỏ Vối là Hậu Phác 厚朴**

*Tính-chất* : Ôn, mùi cay không độc.



*Công-dụng* : Tiêu đờm hạ khí, khoan trung tán kết, chủ trị chứng trúng phong, hàn nhiệt hắc loạn, chuyển gân, bình vị, tiêu đờm hóa thực, khừ thủy, phá huyết tán thấp, trừ nhiệt, uống nhiều thì thương chân khí, khiến người ta chóng chết.

**300. — Cây Vây ốc, là Mộc lân 木鱗**

Lại là Bạch vi

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công-dụng* : Điều kinh chỉ chứng tả lý, triết ngược; lá phơi khô dùng.

**301. — Cây Vuốt hùm là cây Móc mèo 抹猫**

Lại tên là Trần sa lục

*Tính-chất* : Bình, mùi ngọt, không có độc.

*Công-dụng* : Rễ chữa sản, băng huyết rất hay, đàn bà xung là tiên dược.

**302. — Cây Vạn Niên Thanh 栳萬年青**

*Tính-chất* : Hàn, mùi ngọt đắng không có độc.

*Công-dụng* : Chữa chứng yết hầu bế tắc, già lấy nước cho ít dấm thanh uống, thổ ra đờm thì khỏi, giải độc thanh vị, giáng hỏa, chữa chứng thổ huyết, lấy Hồng táo 7 quả cho lẫn sắc uống, lại chữa chứng đòn đánh đao thương, người lớn trẻ con phải chứng toát giang, trĩ sang sưng đau, chó điên cắn, lấy rễ lá già lấy nước tự nhiên uống, bã đắp vào chỗ đau, gót chân nẻ, thì già lấy nước bôi rất hay.

**303. — Cây Vạn tuế là Thiên niên kiện 千年健**

*Tính-chất* : Ôn, mùi cay không có độc.

Quả mọc cũng như quả Thiên Tuế, nhưng không ăn được, gốc nó sao tẩm rượu uống.

*Công-dụng* : Cứng gân xương, trừ chứng ế cách, cũng là phương thuốc dưỡng lão tiên phương.





## Vân X

### 304.— Rễ Cỏ Xước là Ngưu tất 牛必

*Tính-chất* : Bình lương, mùi cay đắng không có độc.

*Công-dụng* : Cứng gân, bổ dương. chữa chứng nuy ti, trị tiểu nhi 12 chứng kinh phong, thai độc, con giai dùng 7 lá, con gái dùng 9 lá.

### 305.— Xích Đồng nam là cây Bồn đỏ 赤童男

*Tính-chất* : Ôn, bình không có độc.

*Công-dụng* : Chuyên chữa chứng đau mắt đỏ có màng mọng, nấu nước tắm, chữa chứng lở ghẻ rất hay.

### 306.— Cây Xương Rồng là Đồng Phụ 樹檉

Lại có tên là Long cốt, không có hoa lá.

Trầm gọi là trầm Xương Rồng.

*Tính-chất* : Bình, mùi đắng, hơi có độc.

*Công - dụng* : Chữa chứng đau bụng. Mài uống không nên sắc.

### 307.— Cây Xương Rắn, là Vệ Mao 衛茅

*Tính-chất* : Nóng, mùi đắng, hơi có độc.

*Công-dụng* : Xương già lấy nước sôi chữa chứng kim sang, chứng loa lịch, phơi khô đốt hun trừ chứng dịch lệ tà khí. Lâu năm có trầm chữa chứng đau bụng sản khí, cam lao, tạp tinh khí.

### 308.— Vỏ Cây Xưa, là Lưu mộc bì 留木皮

*Tính-chất* : Hơi nóng, mùi đắng không độc.

*Công - dụng* : Trị chứng yết hầu, lấy vỏ mài với giấm thanh mà đồ.

### 309.— Cây Xanh là Quái mộc 怪木

*Tính-chất* : Ôn, mùi ngọt không có độc.

*Công - dụng* : Trị chứng sa chân nhiệt độc, không xuất được đậu, vị thuốc này làm cho phát tán rất hay, lại chữa chứng hen suyễn, ung thư phát bối.

Lấy nguyên rễ nó tán hòa với muối, cho vào ống tre đốt lòn tinh xát răng chữa được sâu răng, và làm cho chặt chân răng.



# MỤC - LỤC

Vận niên và Nam Dược Bản Thảo.	Trang 91
Vận niên Cổ Hàn	» 92
Vận niên Can chi (âm lịch)	» 94
Bản đồ năm Can chi	» 126
Bản đồ Ngày con nước	» 128
Bản đồ chỉ ngày giông tố	» 128
Bản đồ chỉ nhị thập tứ tiết	» 129
Nam Dược Bản Thảo	» 130
Nhời nói đầu	» 130

SỐ	TÊN VỊ THUỐC	TRANG	SỐ	TÊN VỊ THUỐC	TRANG
<b>Văn A</b>			21	Bạch ngọc anh	134
1	Củ ất lư	131	22	Giây bột cua	»
<b>Văn B</b>			23	Giây bạc lau	»
2	Quả Bồ Kết	»	24	Hoa Bách nhật	»
3	Bạch đồng nữ	»	25	Bạc Hà	»
4	Bách bộ	»	26	Bèo Tia	135
5	Bạch vi	»	27	Bẹ móc	»
6	Bưởi đỏ	132	28	Cây búng báng	»
7	Cây Bướm bướm	»	<b>Văn C</b>		
8	Bông cây nện	»	29	Lá Chuối tiêu	»
9	Lá Ba chạc	»	30	Giây chia vôi	»
10	Hạt Bông	»	31	Cỏ chân vịt cạn	»
11	Cây Bàng	»	32	Cây chua me	»
12	Bách thảo sương	»	33	Cứt chuột	136
13	Bạch biển Đậu	»	34	Quả chay	»
14	Cây Bưởi bung	133	35	Cây Cải rừng	»
15	Củ bồ Nâu	»	36	Cây chó đẻ	»
16	Củ Bọ nẹt	»	37	Cây Cối xay	»
17	Rễ Bái	»	38	Cám	137
18	Bột Lam	»	39	Cứt trâu khô	»
19	Hột Bìm bìm	»	40	Cẩn nước đá	»
20	Cây Bồ cu vẽ	134	41	Quả chanh	»



**Văn C**

42	Quả cam chanh	138
43	Quả cam sành	»
41	Quả cam Đường	»
45	Quả Cây	»
46	Củ chuối hột	»
47	Quả Cọ	»
48	Hạt Cườm cườm	139
49	Cây Cà Cuống	»
50	Cây Cò bay	»
51	Cây Cái giới	»
52	Cây Cà găng	»
53	Cây Cà gai	»
54	Câu Đẳng	140
55	Cây Cỏ Chi	»
56	Cây Cói	»
57	Cây Chi Chi	»
58	Cây Cóc mẩn	»
59	Cây cau tổ rồng	»
60	Cây cứt lợn	141
61	Giây Cóc	»
62	Quả chóc xoi	»
63	Rêu cọc cầu ao	»
61	Rau Cần Lếu	»
65	Củ cây Thông	»
66	Hạt cau	142
67	Vỏ Cau	»
68	Củ Cẩm	»
69	Hạt cà Độc dược	»
70	Củ chóc gừng	»
71	Lá cỏ Sĩa	»
72	Hạt Cao lấung	»

**Văn D**

73	Cây Dung Lúc	143
73 bis	Tầm gửi cây Dâu	»
74	Rau Dừa cạn	»
75	Quả Dâu da	»

76	Cây Dừa chuột đại	»
77	Củ Dây	»
78	Dong đuôi chó	144
79	Lá Dẻ Quạt	»
80	Hạt Dầu dàu	»
81	Cây Da Hợp	»
82	Cây Duột dè	»

**Văn Đ**

83	Củ Địa liên	»
83 bis	Búp Đa lông	145
84	Giây Đau xương	»
84 bis	Đơn gối hạc	»
85	Độc lực	»
86	Quả Đu đủ	»
87	Đậu xanh	»
88	Lá Đào	»
89	Cây Đinh-lăng	146
90	Giây Đổ-dài	»
91	Đan sâm	»
92	Đông trùng Hạ thảo	»
93	Đơn Tia	»
94	Đơn Răng cưa	»
95	Đồng Cao	147
96	Cây Đại	»
97	Cây Đài bi	»

**Văn G**

98	Quả giành giành	»
99	Củ Gấu	148
100	Cây Gạo	»
101	Rễ Gấm	»
102	Gạo nếp	»
103	Hạt Gấc	»
104	Cây Cỏ gà	»
105	Cây Giữa đại	149
106	Quả Giun	»
107	Quả Gió đại	»

108	Hoa Giâm bụi	»	143	Củ Khúc Khắc	»
109	Cây Găng	»	144	Kim anh Đăng	»
110	Cây giùi trắng	»	145	Kim ngân hoa	»
111	Lá giầu không	150	146	Khoai lang	»
112	Lá giông	»	147	Kim mào cầu tích	»
113	Giầu gia đất	»	148	Quả Khế	156
<b>Văn H</b>			<b>Văn I</b>		
114	Hạt Hồ tiêu	»	149	Ích mẫu	»
115	Cây Huyết dụ	»	<b>Văn L</b>		
116	Hoa Hoè	»	150	La bạc	»
117	Hạt Hẹ	»	151	Cây Lưỡi chó	»
118	Hoa Cúc	151	152	Lá Lốt	»
119	Củ Hành	»	153	Cây Lão ban	157
120	Hoắc Hương	»	154	Cây Lưỡi bò	»
121	Hoa Hồng bạch	»	155	Giây lõi tiền	»
122	Hà thủ ô	»	156	Giây Lung trắng	»
123	Lá Hồ nhĩ	152	157	Rêu lòng thuyền	»
124	Lá Hồ thiết	»	158	Lá Lưỡi Rắn	»
125	Hạt Hao hao	»	159	Hột quả lý	158
126	Cây Hồ trượng	»	160	Quả Lộc Vừng	»
127	Củ Hoàng Tinh	»	161	Quả Lê	»
128	Hồ Tiêu rừng	»	162	Cây Lưỡi riều	»
129	Cây Hải Đường	153	<b>Văn M</b>		
130	Hạt Hút	»	163	Mướp Đăng	»
<b>Văn K</b>			164	Lá Mền Tươi	»
131	Hạt Rau củ Khởi	»	165	Hạt Má Đề	»
132	Rễ củ Khởi	»	166	Cây Mia	159
133	Cây Khô Mộc	»	167	Hạt Móng tay	»
134	Cây Ké hoa vàng	»	168	Cây Rau Má	»
135	Quả Ké ươm	154	169	Giây mơ lông	»
136	Cỏ Kim Sa	»	170	Mã chiên thảo	»
137	Lá Kim Sang	»	171	Măng Tre	»
138	Cỏ nghề	»	172	Quả mướp	160
139	Kinh giới	»	173	Men rượu	»
140	Khổ sâm	»	174	Rau muống	»
141	Quả Ké	155			
142	Khiên ngư tử	»			



175	Cỏ may	»	211	Vỏ Núc nác	»
176	Cỏ Mần châu	»	212	Củ Mẩn	»
177	Cỏ Môi nước	»	213	Hạt nầm cơm	»
178	Lá Mỏ Quạ	»	214	Cỏ Nụ áo	167
179	Lá Mỏ vàng	161	215	Củ Nghệ	»
180	Hạt mồng mồng	»	216	Lá Ngải	»
181	Cây Móng Đất	»	217	Nguyên Mễ	»
182	Giây Máu	»	218	Củ Nếnh	»
183	Giây mồng	»	219	Cây Ngô đồng	»
184	Giây Môi	»	220	Rau Ngót	168
185	Hoa Mào gà	162	<b>Văn O</b>		
186	Cỏ trong miệng giếng	»	221	Cây Oanh châu	»
187	Cỏ trong miệng trâu	»	222	Ô long vỹ	»
188	Hoa Mộc	»	223	Giây ông già	»
189	Cây Mon	»	<b>Văn P</b>		
190	Quả mần quân	163	224	Hoa Phù dung	»
191	Quả Măng cụt	»	225	Cây Phượng vĩ	»
192	Quả Mit	»	226	Cây Phèn đer	169
193	Hạt Máu chó	»	227	Phong khương	»
194	Quả mơ	»	228	Quả Phật thủ	»
195	Quả Mận	»	<b>Văn Q</b>		
<b>Văn N</b>			229	Vỏ quit chín	»
196	Cây Ngâu	164	230	Vỏ quit xanh	»
197	Cây Nứa	»	231	Quả quit	»
198	Bột cây Nghiễn	»	232	Quả Quân âm	170
199	Quả Nhãn	»	233	Quý nữ	»
200	Quả Na	»	234	Lá Quý	»
201	Quả Nhót	»	<b>Văn R</b>		
202	Củ Nghệ vàng	»	235	Rêu Đá	»
203	Lá Nón	165	236	Hoa Râm bụt	»
204	Cây Nhọ nôi rừng	»	237	Rau Răm	171
205	Cây Nửa ngày	»	238	Tầm gửi cây Ruối	»
206	Cây Nhài công	»	239	Rễ Dâu	»
207	Hoa Ngón	»	240	Lá thuốc Ruối	»
208	Cỏ nước	»	241	Cây Ruột gà	»
209	Nhân quả bách	166	242	Cây Riễn	»
210	Cây Ngải	»			



**Văn S**

243	Hạt Sen	172
244	Củ Sơn Thục	»
245	Quả Sùng	»
246	Lá Sung Tật	»
247	Cây Sòi	»
247 bis	Rễ cỏ Sả	»
248	Ruột Sắn Đồng nai	173
249	Củ Sắn giầy	»
250	Cây Sắn Hậu	»
251	Cây Sau	»
252	Rựa cây Sau	»
253	Hoa Sơn Trà	»

**Văn T**

254	Tò Hợp	174
255	Rễ Tàn xuân	»
256	Rễ thanh hao	»
257	Củ Tỏi	»
258	Lá Tre	»
259	Cây Thông	»
260	Củ Tam thất	175
261	Tỳ giải	»
262	Củ Thiên Tuế	»
263	Củ Tóc tiên	»
264	Củ Tâm Sét	»
265	Củ Thương Truật	»
266	Củ Thiên hoa phấn	»
267	Cỏ Thấp bút	176
268	Cỏ Tu me đất	»
269	Lá thuốc bỏng	»
270	Cây Thủ du	»
271	Cây Thuốc Cá	»
272	Cây Tàu mã cam	177
273	Cây Thuốc gió	»
274	Cây Tre Mai	»
275	Giây Thoại	»
276	Giây Tơ Hồng	»

277	Quả Tâm Chích	
278	Hoa Thủy Tiên	178
279	Hoa Tử Tiêu	»
280	Thường Sơn	»
281	Vỏ quỉ thuốc phiện	»
282	Rau Thái Lài	179
283	Cây Thuốc lão thuốc lá	»
284	Lá Thông	»
285	Tâm gửi cây Thông	»
286	Hạt Trầm gió	»
287	Hạt Táo	»
288	Trạch Tả	180
289	Trúc Lũa khua	»
290	Quả Thiều biêu	»

**Văn V**

291	Cây Và nước	»
292	Vỏ Dọt	»
293	Quả Vải	»
294	Cây Vòi voi	181
295	Cây Vú bò	»
296	Cây Vọng Cách	»
297	Lá Vông	»
298	Cây Vang	»
299	Vỏ Vối	»
300	Cây Vẩy ốc	182
301	Cây Vuốt Hùm	»
302	Cây Vạn niên thanh	»
303	Cây Vạn Tuế	»

**Văn X**

303	Rễ cỏ Xước	183
305	Cây Xích Đồng nam	»
306	Cây Xương Rồng	»
307	Cây Xương Rắn	»
308	Vỏ cây Xưa	»
309	Cây Xanh	»

HẾT

# Đinh - chính

TRANG	DÒNG	CHỮ IN NHÃM	XIN ĐỌC LÀ
7	22	ồng ồng	ồng ồng
»	24	hang	*thang
9	14	Hạt gấu	Hạt gấc
»	33	Trần hương	Trầm hương
»	37	Sá nhân	Sa nhân
10	7	( ứ chế )	( Tứ chế )
»	25	Hồ tiêu: đồng	Hồ tiêu 1 đồng
»	28	Cấp ứu	Cấp cứu
11	5	Hùng hoàng 8 lượng	Hùng hoàng 8 phân
»	6	Chu sa 8 lượng	Chu sa 8 phân
»	7	Tùng lai trà	Tùng la trà
12	28	Méo xich	Méo xếch
13	17	Phù ich	Phù ích
14	13	Đất đỏ lâu	Đất nung đỏ lâu
18	32	Hạch môn	Mạch môn
19	18	Rị vào	Rị vào mạch
»	20	Lá Sậy	lá Cậy
20	6	Ngưu tất	Ngưu tất
»	14	Tiền xái	Tiền xúc
21	12	ướt gán	ướt gián
»	14	Tôi khô	Tỏi khô
23	15	(nửa sơn rượu)	(Mía sơn rượu)
»	27	hay là hay là	hay là
24	11	Ngô thúc	Ngô thù
»	18	(Khúc bì)	(Khú bì)
»	26	Bách bồ	Bách bộ
»	27	Tử uyển 4 lượng	Tử uyển 1 lượng
25	24	Xát từ chỗ	Xát từ gáy cho
29	5	Trác tiêu	Phác tiêu
»	6	Bã đậu 15 hạt	Bã đậu 13 hạt
»	»	Ngưu tất 5 lượng	Ngưu tất 5 đồng
»	13	Mạnh đi	Mạch đi
29	23	Nhu nữ	Nhu mễ
33	23	Tý giải (củ kim cương)	Tỳ giải (củ kim cương)
34	18	Màn tử	Màn kinh tử
35	22	Cây Bấm đỏ	Cây Bấm đỏ
35	17	Thạch hội	Thạch học
»	31	Nam sai hồ	Nam sai hồ
»	36	Ngưu tất	Ngưu tất



38	32	Lá Tồng	Lá thông
»	33	2 ngày	7 ngày
40	24	rải vào tai	rỏ vào tai
41	10	(bi ngô)	(bi ngô)
»	23	Hà hủ ô	Hà thủ ô
»	29	Riêm Thanh	Riêm Thạch
»	31	đã ôi	đã sôi
»	»	lâu long não	lâu bỏ long não
44	4	Cây Chuối	cây Dưa Chuột
45	25	mạt một viên	mạt viên
46	15	Bắc đen	Bắc đèn
47	32	nõn tre : năm	Nõn tre 1 năm
48	13	Bạch phúc	Bạch phục
49	2	gân bồ cốt	gan bồ cật
51	9	Bài thuốc	Bài thuốc
»	21	Càn ngư vĩ	Càn ngư vĩ
52	10	ô Lang vĩ	ô Long vĩ
54	13	15 nhai	15 nhát
»	»	bỏ 2 v	bỏ 2 vị
55	»	Đông hương	Đinh hương
56	10	Búp Sỏi	Búp Sỏi
61	4	rơ tóc	rỏ tóc
64	4	Hồng hon	Hồng hoa
65	10	mạt một viên	mạt viên
»	13	hi thang	thi thang
»	34	ại đun	lại đun
67	31	mạt, một viên	mạt, viên
69	6	rau cho uống	rau cho nóng
»	24	nếu ăn 1 phân	nếu nặng 1 phân
71	14	oàng liên	Hoàng liên
72	27	thờ bắt chỉ	thỏ bắt chỉ
»	32	đun ans sôi	đun sôi
73	2	gạn con	gạn cho
76	8	biết đượ	biết được
»	27	đồng iuõ	đồng rươi
77	23	phải lươi tỉnh	phải tươi tỉnh
78	16	(Khác đêm)	(Khác đêm)
90	2	250	259
93	19	mùa thu thì giờ	mùa thu thì giờ
94	31	cơn tả hỏa	can tả hỏa
95	16	mạc tại tuyền	mộc tại tuyền
96	11	ân dịch	ôn dịch
»	17	9 thuận	9 thuộc
»	29	phát ba	phát ban
99	2	Thang mộc	Phong mộc
»	25	thuốc thái âm	thuộc thái âm
100	4	nửa thưng	1 thưng
»	6	Thai cung	Thai cung

104	35	lợi 2 phần 1	lợi 2 phần
110	12	linh thổ	sinh thổ
111	33	tầm, cá	tầm cá
114	17	ăn cũng được	tầm cũng được
123	1	123	122
122	1	122	123
125	15	vận liên	vận nên
»	17	từ Thiên chúa	từ Thiên chúa
132	41	quỷ xá	quỷ xá
»	16	bồ hử	bồ hử
133	15	Tiên mao	Tiên mao
136	31	âm huyết	âm huyết
»	»	đau điều	Đan-điền
138	8	nước tôn dịch	nước tôn dịch
»	9	giải tiêu độc	giải tiêu độc
»	10	dốt còn trích	dốt còn linh
»	19	chứng đau	chứng đau
»	21	vi Thiên-đào	vi Phiên-đào
»	33	tiêu thần	điều thần
139	18	Hắc điếu	Hắc điển
140	8	Cây Chi	Cây cỏ chi
141	21	Rau cần Sếu	Rau cần Sếu
142	26	Lá cỏ sữa	Lá cỏ sữa
143	17	胃眾	黃桑
»	26	黃桑	胃眾
144	31	82	83
146	29	lợi thủy thủy	lợi thủy
149	2	bach điếu	bach điển
»	19	Hoa giâu bột	Hoa giâm bột
150	8	dờm hạch	dờm hạch
151	31	矩翹補	矩翹補
160	13	hũu chứng	chũu chứng
»	21	bệnh quan cách	bệnh quan cách
162	27	hoa vệ khí	hòa vệ khí
164	30	Bông nga truật	Bông nga truật
166	10	thường nóng	thường uống
167	9	Rễ la	Rễ lá
169	25	Kiên chữa	Kiên chữa
170	26	Mộc cầu	Mộc cần
173	11	co thẳng đê	co thẳng đê
»	»	Khát nươ	Khát nước
»	24	trừ hà	trung hà
174	18	chỗ đồ chín	chỗ đồ chín
175	14	Trang gân	Tráng gân
177	4	cam thắc	cam thũng
»	11	Kim cần điệp	Kim cần điệp
179	28	chi khá	chi khát
183	8	cây Bốn đỏ	cây Bốn đỏ



XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX  
Nhà in TRAN . DANG . LOC  
911 b. Hàng-Bông — Hà nội  
XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX